

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

# Tìm Hiểu THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG Năm Canh Tý (1960)

HUỆ KHẢI chú thích - LÊ ANH MINH hiệu đính



Lão ước gì mỗi một người đạo tâm nên luôn luôn tụng đọc thánh huấn cho được thấm nhuần thì thấy con đường tận độ của Thầy. Dầu không tham thiền nhập định cũng được chứng ngộ đạo quả.

Đức **CÁI THIÊN CỔ PHẬT**  
Trung Hưng Bửu Tòa  
ngày 04-01 Canh Tý  
(Chủ Nhật 31-01-1960)

TÌM HIỂU  
THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG  
NĂM CANH TÝ (1960)



Quyển **130/1960** trong Tủ Sách Thánh Giáo Cao Đài  
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo thực hiện

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài  
Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
(Phỏng theo ảnh Nguyễn Kim Trúc)

## Tìm Hiểu THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG Năm Canh Tý (1960)

Chú thích: HUỆ KHẢI – Hiệu đính: LÊ ANH MINH

Giới thiệu: Giáo Sư THƯỢNG VĂN THANH

Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

In lần thứ nhất

Nhà xuất bản HỒNG ĐỨC  
Hà Nội 2021



## TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG NĂM CANH TÝ (1960)

Ấn tống lần thứ nhất 1.200 quyển, do công quả  
19 triệu đồng của quý ân nhân phụng danh như sau:

1. Hiền tỷ ĐÀO CẢNH HOA (thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên). Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 163. 500.000
2. Hiền tỷ ĐÀO THỊ TẤN (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo). Gởi đợt 167. 500.000
3. Hiền huynh ĐÀO THÚY LIỄU (hải ngoại). Gởi đợt 163 (trích hết phần còn lại). 10.000.000
4. Hiền tỷ HUỲNH THỊ BẢNH (thánh thất Trung Nam, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Nghĩa Thành, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu). Gởi đợt 163. 500.000
5. Hiền huynh LÊ TĂNG KHÁNH (cơ sở đạo Trung Phước Điền, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Cư Kty, Krông Bông, Đắk Lắk). Gởi đợt 164. 500.000
6. Hiền tỷ NGUYỄN ANH ĐÀO (thánh tịnh Thiên Trước, Cần Thơ). Gởi đợt 165. 500.000
7. Hiền huynh NGUYỄN DUY CHÍNH (California, Hoa Kỳ). Gởi đợt 166, 167. 1.000.000
8. Quý huynh tỷ NHÓM TỈNH LUYỆN (Khổng Thánh Miếu, Trà Vinh). Gởi đợt 164. 5.500.000

Đồng kính thành hồi hướng cứu huyền thất tổ siêu thăng,  
hiệp tâm cầu nguyện gia đạo vững bền, dân an quốc thái,  
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hồng dương,  
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,  
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

### ĐÔI LỜI THA THIẾT

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các vị ân nhân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

Ban Tu Thư & Ấn Tống

## NỘI DUNG

LỜI GIỚI THIỆU. <i>Giáo Sư Thượng Văn Thanh</i>	7		
<b>THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG – NĂM CANH TÝ (1960)</b>			
1. LÀM TRÒN NHIỆM VỤ ĐỂ HƯỞNG TRỌN HỒNG ÂN TÂN XUÂN BẤT DIỆT. <i>Đông Phương Lão Tổ, Cái Thiên Cổ Phật, Quan Âm Bồ Tát, Thái Bạch Giáo Tông</i>	11		
2. TỪ ĐÂY THEO QUYỀN PHÁP Ở PHÁP CHÁNH TRUYỀN, TÂN LUẬT MÀ DÌU DẮT NHÂN SINH. <i>Hộ Đạo Thiên Quân, Ngọc Hoàng Thượng Đế</i>	19		
3. CÁI NHÂN THANH KHIẾT THÌ CÁI QUẢ TRONG LÀNH. <i>Thành Hoàng Bốn Cảnh</i>	25		
4. ẮN TU CHỜ HỒNG ÂN CƠ TÁI LẬP. <i>Hộ Đạo Thiên Quân</i>	29		
5. THƯỢNG ĐỨC VÔ TRANH. <i>Liễu Tâm Chơn Nhơn</i>	33		
PHỤ ĐÍNH: Thượng đức vô tranh	42		
6. CƠ HỘI NGÀN NĂM CHỈ MỘT LẦN. <i>Bảo Thọ Thánh Nương</i>	45		
7. BƯỚC TU THIÊN ĐẠO ĐÁU PHẢI AI TU CŨNG ĐƯỢC. <i>Ngô Cao Đại Tiên</i>	51		
8. HẰNG GIỮ CÔNG PHU TU LUYỆN CẦU CHỨNG TIÊN ĐƠN. <i>Bảo Thọ Thánh Nương</i>	63		
9. NGUỘI ĐỨC TIN NƠI QUYỀN PHÁP THÌ LÚC NÀO CŨNG VẮT VẢ, ÂU LO. <i>Trần Đạo Quang</i>	69		
10. Ý THỨC XÂY DỰNG ĐẠI ĐỒNG XÃ. <i>Trần Thị Xử, Thanh Lương Thần Nữ</i>	75		
	5	3	6
		11. ON CỨU CHUỘC LẦN BA. <i>Nguyễn Vinh Từ</i>	87
		12. MỘT NGÀY ĐÔI BUỔI NUÔI THẦN DƯỠNG TÂM. <i>Tiếp Văn Pháp Quân</i>	94
		13. KHÔNG TU SAO THẤY ĐIỂN QUANG NHIỆM MÀU. <i>Ngô Đại Tiên</i>	98
		14. LẬP PHÁP ĐỘ MÌNH CỨU NGƯỜI TRÊN NỀN THANH TỊNH. <i>Cao Đài Tiên Ông</i>	107
		PHỤ ĐÍNH 1: Ngọc bích Biện Hòa	118
		PHỤ ĐÍNH 2: Cửu Trù	121
		PHỤ ĐÍNH 3: Thuộc linh	124
		15. NÊN ĐẶT MÌNH TRONG PHÁP ĐẠO. <i>Hoàng Ngọc Trác, Nam Cực Tiên Ông</i>	127
		PHỤ ĐÍNH 1: Huỳnh Đạo, Hoàng Đạo	137
		PHỤ ĐÍNH 2: Cửu phẩm tam thừa	139
		16. MƯỜI ĐIỀU GHI NHỚ. <i>Bảo Thọ Thánh Nương</i>	141
		17. LO TU HƯỞNG LẤY PHƯỚC TRỜI. <i>Bảo Thọ Thánh Nương, Cửu Vị Tiên Nương, Vô Cực Từ Tôn</i>	147
		18. BA QUÊ DỊCH NÊN HỌC TẬP. <i>Tiếp Văn Pháp Quân</i>	158
		19. NẾU TUỔI XUÂN ƯNG NÉM MÙI ĐỜI, ĐỪNG ĐEO LÒNG LÀM TIÊN LÀM PHẬT. <i>Trịnh Thị Thanh, Bảo Thọ Thánh Nương</i>	177
		20. MỖI MỖI HÀNH ĐỘNG PHẢI ĐƯỢC TOÀN BỘ ĐỒNG Ý, NHỨT TRÍ. <i>Trần Tống Lý</i>	184
		PHỤ ĐÍNH 1: Tam Giáo đồng nguyên dưới triều Trần	186
		PHỤ ĐÍNH 2: Tề nhứt biến; Lễ nhứt biến.	188
		21. LÒNG TA NHƯ NƯỚC TỊNH BÌNH. <i>Ngô Đại Tiên</i>	189
		22. HÒA CÙNG NHAU ĐỂ LÀM TÒA NGỰ. <i>Lý Thái Bạch</i>	193
		PHỤ ĐÍNH: Bạch hắc cũng đừng đòi hỏi biết	197

## LỜI GIỚI THIỆU

Đối với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thánh giáo rất quan trọng. Ông Trên dùng thánh giáo để khai Đạo. Các Thiên ân hướng đạo dùng thánh giáo để truyền giảng. Và nhân sinh nhờ chúng nhờ thánh giáo để tu học, sống đạo.

Vốn có những khác nhau về nhiều mặt nên người đạo đến với thánh giáo cũng bằng nhiều cách không giống nhau. Có người chỉ rung đùi ngâm nga. Có người cặm cụi chép tay. Có người đem thánh giáo, thánh thi chuyển thành nhạc đạo...

Rất phổ biến là đa số người đạo đã chiêm nghiệm và sống với thánh giáo. Chẳng hạn, người làm đạo khi bị chê bai, trách móc thì nghĩ một cách tổng quát đến hai câu thánh thi của Đức Bạch Phụng Đồng Tử:

*Lắm đầu bao quản thân lươn  
Gìn lòng thanh bạch noi gương thánh hiền.*<sup>(1)</sup>

Và có vẻ sâu hơn thì vận dụng hai câu thánh thi của Đức Quảng Đức Chơn Tiên:

*Cao Đài là cái đài cao  
Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.*<sup>(2)</sup>

---

<sup>(1)</sup> Thánh thất Trung Thành, 15-7 Mậu Dần (Thứ Tư 10-8-1938).

<sup>(2)</sup> Tam Tông Miếu, 07-6 Tân Dậu (Thứ Tư, 08-7-1981).

Như vậy, thánh giáo là thức ăn tinh thần thông dụng cho người đạo. Đối với tín hữu Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thì nguồn cung cấp thức ăn tinh thần quý báu đó chính là bộ *Thánh Truyền Trung Hưng*, bao gồm những thánh giáo được các Đấng thiêng liêng giảng tại nhiều thánh sở để dạy về cơ đạo miền Trung kể từ khi Đạo Thầy truyền về đây năm Giáp Tuất (1934) cho đến cuối thế kỷ trước. Với thời gian dài hơn năm mươi năm như vậy, bộ *Thánh Truyền Trung Hưng* in gần đây đã kết tập được ba trăm ba mươi một bài (nhưng ắt vẫn còn thiếu một số thánh giáo).

Hấp thụ chất dinh dưỡng trong thức ăn tinh thần nói trên (tức *Thánh Truyền Trung Hưng*) thường có những cái khó. Tại sao khó và khó như thế nào? Điều đó tùy thuộc vào yêu cầu sử dụng và căn trí mỗi người.

Một trong những cái khó ấy là ngữ nghĩa; vì vậy, đạo huynh Huệ Khải đã phát tâm giúp giảm bớt cái khó này cho bốn đạo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài với loạt sách *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng* (nhiều tập). Điều này cũng tự nhiên và dễ hiểu vì bấy lâu nay đạo huynh Huệ Khải vốn rất gần gũi với bốn đạo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Quyển *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng – Năm Canh Tý (1960)* chúng ta đang có là một tập trong loạt sách ấy, gồm hai mươi hai bài thánh giáo.

Ngoài phần giải nghĩa các từ khó, từ Việt cổ, thuật ngữ tôn giáo, thành ngữ và điển tích, v.v... sách còn có thêm phần chữ Nho và tiếng Anh nên rất cần cho cả thế hệ lớn tuổi và thế hệ trẻ ngày nay. Những bài thánh giáo tiếp nhận qua trung gian đồng tử, truyền qua đọc giả đến điển ký, rồi những người sao

chép về sau, thường khó tránh các lỗi về chính tả, ngắt câu, viết hoa... Quan tâm hạn chế các lỗi này, giúp cho người đọc và góp sức với đồng đạo có nhu cầu vận dụng thánh giáo để viết bài, nói chuyện... là thiện ý của soạn giả.

Loạt sách tìm hiểu này nếu tiếp tục thực hiện cho đầy đủ từ bài thánh giáo đầu đến bài cuối sẽ là một công trình phụ trợ rất quý cho người mộ đạo hiểu học ham tu và nói riêng cho giới Phổ Tế.

Đạo huynh Huệ Khải qua các sách đã xuất bản cũng như nhiều bài viết trên các tạp chí, trong đạo và ngoài đời, thể hiện tác phong một người cầm bút có trách nhiệm đối với nhà Đạo và người đọc. Ưu điểm đáng quý ấy cùng với lòng nhiệt thành công quả và nỗi âu lo phụng đạo nơi đạo huynh Huệ Khải khiến tôi hoan hỷ giới thiệu *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng* với quý huynh tỷ đồng đạo.

Ước mong việc làm này của đạo huynh Huệ Khải cùng với bao nhiêu hình thức công quả đa dạng được tiếp nối qua các thế hệ trước sau đều cùng chung sức tài bồi cho nhà Đạo được xương minh, xán lạn.

*Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài*  
Giáo Sư THƯỢNG VĂN THANH  
*Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế*

## KÝ HIỆU & VIẾT TẮT

/	thay thế cho chỗ phải xuống hàng
(. . .)	lược bớt chữ trong thánh giáo
[xyz]	chữ xyz được thêm vào cho rõ nghĩa
(?)	chưa chắc chắn, tồn nghi một giải thích
[cổ]	tiếng Việt cổ
<i>fig.</i>	<i>figurative meaning</i>
<i>i.e.</i>	<i>id est, that is</i>
<i>sb</i>	<i>somebody</i>
<i>sth</i>	<i>something</i>
Td	thí dụ

# 1. LÀM TRÒN NHIỆM VỤ ĐỂ HƯỞNG TRỌN HỒNG ÂN TÂN XUÂN BẤT DIỆT

Trung Hưng Bửu Tà (Đà Nẵng)  
ngày 04-01 Canh Tý (Chủ Nhật 31-01-1960)

THI

*ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ* giáng xuân đàn  
*Phụng chỉ* <sup>(1)</sup> khai cơ <sup>(2)</sup> bố <sup>(3)</sup> diễn quang  
Chào các Thiên ân, chư đạo hữu  
Một năm gian khổ được huy hoàng.

Giờ này Bần Đạo phụng chỉ Thượng Hoàng ban ơn toàn đạo. Mừng một năm chư Thiên ân và đạo hữu gian khổ tiến lên để đón kỳ hồng ân tận độ. Vậy chư hiền Thiên ân, toàn bộ đẳng đẳng <sup>(4)</sup> đón mừng Tam Trấn. Bần Đạo xuất cơ.

TIẾP ĐIỂN  
THI

- 
- (1) **phụng chỉ** 奉旨 (*on the God's decree*): Vâng theo lệnh Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.  
(2) **khai cơ, khai kê** 開乩 (*starting the new year's first invocation seance*): Khởi sự đàn cơ đầu tiên vào đầu năm mới.  
(3) **bố** 布 (*spreading sth*): Ban rải rộng khắp.  
(4) **đẳng đẳng** 等等 (*everyone*): Hết thảy mọi người.

*CÁI* nghiệp nhân sinh sớm giải trừ <sup>(5)</sup>  
*THIÊN* ân nhiệm vụ được vô tư <sup>(6)</sup>  
*CỔ* kim thành bại do thường sự <sup>(7)</sup>  
*PHẬT* pháp tu cần rõ thiệt hư. <sup>(8)</sup>

Lão chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ. Mừng toàn đạo một năm cố gắng xây đắp giáo quyền, **làm tròn nhiệm vụ để hưởng trọn hồng ân tân xuân bất diệt** <sup>(9)</sup> khởi nguyên vào năm Canh Tý này. Một năm không quyết liệt với phận sự mình thì phải đành cho hoàn cảnh cuốn lôi theo thời gian mà trầm lắng.

Lão ước gì mỗi một người đạo tâm nên luôn luôn tụng đọc thánh huấn cho được thấm nhuần thì thấy con đường tận độ của Thầy. Dầu không tham thiền nhập định cũng được chứng ngộ <sup>(10)</sup> đạo quả. <sup>(11)</sup>

- 
- (5) **giải trừ** 解除 (*getting rid of*): Làm cho mất đi, trừ khử.  
(6) **vô tư** 無私 (*unbiased, impartial*): Không có lòng riêng, không thiên vị, không thành kiến.  
(7) **do** 猶 (*still*): Vẫn, vẫn là, vẫn cứ. – **Cổ kim thành bại do thường sự**. 古今成敗猶常事. (*Since ancient times, wins or losses have still been ordinary matters.*): Xưa nay thắng hay thua vẫn là việc bình thường.  
(8) Bài thơ xưng danh quán thủ là **Cái Thiên Cổ Phật** 蓋天古佛 (*Sky-Covering Ancient Buddha*): Vị Phật xưa [oai đức] trùm khắp bầu trời. Đây là một hồng danh của Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, Tam Trấn Oai Nghiêm.  
(9) Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.  
(10) **chứng ngộ** 證悟 (*definitely attaining*): Chứng đắc 證得, đạt được một cách chắc chắn, rõ ràng.  
(11) **đạo quả** 道果 (*the fruits of inner self-cultivation*): Kết quả công

TIẾP ĐIỂN  
THI

QUAN môn <sup>(12)</sup> mầu nhiệm đặc thông truyền  
ÂM độ <sup>(13)</sup> thuận hòa vạn thể yên  
BỒ bực môn sanh tu quả phước <sup>(14)</sup>  
TÁT (Tác) tâm thanh tịnh tiếp cơ huyền.<sup>(15)</sup>

觀(關)門侷任得通傳 / 音度順和萬體安  
匍匐門生修果福 / 薩(作)心清淨接機玄

Tân xuân Canh Tý, Bần Nữ chào mừng toàn đạo thanh tịnh

phu tu luyện.

<sup>(12)</sup> **quan môn** 關門: 1/ Đóng cửa (*closing a door*). – 2/ Cửa bị đóng (*a closed door*). – 3/ Gọi chung các huyệt trong thân thể liên quan đến tịnh luyện (*a general term for cavities concerning inner self-cultivation*). – 4/ Quan Môn (*Border Gate*) là huyệt trị tiêu chảy bằng châm cứu; huyệt ở phía trên rốn ba thốn 寸, cách đường giữa bụng hai thốn, ngang huyệt Kiến Lý 建里 (*Establish Within*). Tùy cơ thể mỗi người mà thốn khác nhau. (Bề ngang

bốn ngón tay đo ở khớp giữa là ba thốn. Hoặc co ngón tay giữa, bề dài lòng tay thứ hai (ở giữa) là một thốn. Hoặc đo bề ngang ngón cái, chỗ khớp thứ nhất đếm từ trên xuống là một thốn.)



<sup>(13)</sup> **âm** 音 (*sound*): Âm thanh. – **độ** 度 (*degree*): Mức độ. – **thể** 體 (*body*): Thân thể. – **vạn thể** 萬體 (*myriad people*): Muôn người.

<sup>(14)</sup> Câu này ý nói: Môn sanh hãy ráo riết tu hành. – **bồ bực** 匍匐: Gấp rút, hết sức (*hasting*). *Thi Kinh* 詩經 (*Bội Phong* 邶風, bài *Cốc Phong* 谷風): *Phàm dân hữu tang, bồ bực cứu chi. 凡民有喪, 匍匐救之.* (Khi dân có tang, gấp rút cứu họ.)

<sup>(15)</sup> Câu này ý nói: Lấy lòng thanh tịnh để tiếp nhận cơ mầu.

đón lấy hồng ân. Một năm quyết liệt với phận sự mình mà tu công lập đức hầu xứng đáng người môn sanh bảo vệ pháp quyền <sup>(16)</sup> trong kỳ khảo thí.<sup>(17)</sup> Giữa ngày đời đạo gặp nhau có nhiều điều chưa thông cảm, phải ân cần mà giải thích.

Về nữ phái, nữ đoàn, năm nay cố giữ mực này. Đó là lời cầu nguyện của Bần Nữ. Quyền hành từ nay, dưới ba phái hộ trì.<sup>(18)</sup> Mỗi một việc dầu nhỏ hay lớn, không có sự can dự <sup>(19)</sup> mà thi hành, phải đủ ba quyền và dự kiến của phòng Bảo Pháp để tránh cơn khảo thí.

Nhà tu <sup>(20)</sup> cố công tu học. Còn không bao nhiêu ngày nữa là nhẹ bớt cơn khảo thí. Nhưng trong bao nhiêu ngày mà chẳng cố gắng thì cũng đầu hàng, đứng ngoài chánh pháp.

Bần Nữ ước mong bao nhiêu đấy và toàn nữ phái cũng cố gắng cầu nguyện, giữ nguyên cơ sở. Hy vọng sau ba năm cũng có người ra xây dựng một hình thể về phần nữ phái vậy. Bần Nữ chào và xuất cơ.

TIẾP ĐIỂN  
THI

THÁI độ ngày xuân về nét na

<sup>(16)</sup> **pháp quyền** 法權 (*dharma power*): Quyền pháp.

<sup>(17)</sup> **khảo thí** 考試 (*testing*): Thử thách để xét khả năng, trình độ.

<sup>(18)</sup> **hộ trì** 護持 (*protecting and supporting*): Bảo vệ và nâng đỡ. – **dưới ba phái hộ trì**: Nữ phái được ba phái Thái, Thượng, Ngọc (Thích, Đạo, Nho) bảo vệ và nâng đỡ. (Nữ chức sắc không phân ra ba phái như nam chức sắc.)

<sup>(19)</sup> **can dự** 干預 (*relationship*): Quan hệ 關繫, liên quan.

<sup>(20)</sup> **nhà tu** 修舍 (*convent*): Tu xá Phước Huệ Đàn (của nữ tu).



*BẠCH minh* <sup>(21)</sup> *đâu đấy được thân hòa* <sup>(22)</sup>

*GIÁO điều mấy kẻ xuân nguyên vẹn*

*TÔNG tích Trung Hưng biết hỏi Già.* <sup>(23)</sup>

Chào chư Thiên mạng, chư đạo tâm nam nữ.

Lão mừng toàn đạo từ đây sống dưới trời xuân ấm áp bao la, chen chúc trong lòng pháp đạo được thuần chân, sớm về quê xưa vị cũ. Cầu cho bá tánh thanh bình, toàn thể xa gần cảm thông lẽ thiệt hư của cơ Tạo Hóa. Chư đạo tâm an tọa.

Từ đây, Lão giao quyền hành điều đình <sup>(24)</sup> trong Hội Thánh cho ba phái Thái, Thượng, Ngọc chung giữ mỗi giềng tại Hội Thánh. Nên luôn luôn hội ý để bảo an <sup>(25)</sup> nền trật tự trong Giáo Hội.

Về đi lại viếng an, giáo hóa thì có các Giáo Hữu phân công hành đạo. Quyền Giáo Sư thì giữ các tỉnh lớn thay cho Giáo Sư trong lúc cơ bút tạm ngưng.

Vị chức sắc nào không giữ được giới hạnh thượng thừa thì tìm người trong hàng Giáo Hữu cử lên để thay quyền trong lúc công việc cần thiết.

---

<sup>(21)</sup> **bạch minh:** *Minh bạch* 明白 (*obvious, unequivocal*): Rõ ràng, trong sáng, không có gì phải nghi ngờ.

<sup>(22)</sup> **thân hòa** 親和: *Thân thiết* 親切 (*cordial*) và *hòa ái* 和藹 (*friendly*); gần gũi, *thân cận* 親近 (*intimate*) và *hòa hợp* 和合 (*harmonious*).

<sup>(23)</sup> **Già:** Lão (Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch tự xưng).

<sup>(24)</sup> **điều đình** 調停 (*arranging sth, taking care of*): An bài 安排, chiếu liệu 照料, trông coi, lo liệu, sắp đặt.

<sup>(25)</sup> **bảo an** 保安 (*ensuring safety*): Giữ cho an toàn, ổn định.

Quyền hành từ đây y như lời Lão đã dạy trước. Cố gắng giúp phương tiện cho mỗi họ đạo bảo an trong mỗi địa phận.

Việc làm trong lúc chức sắc Cửu Trùng Đài thiếu vai gánh vác công việc đạo thì được phép sử dụng người Hiệp Thiên Đài giữ chức họ đạo ở thánh thất hay tỉnh đạo. Nếu cần thì nữ phái cũng được nắm quyền tộc đạo mỗi thánh thất.

Về nội giao ngoại trị: Để có một trách nhiệm chung giữa Hội Thánh, thì các vị Quyền Phối Sư Ngọc Quế Thanh <sup>(26)</sup> và vị thanh tra quyền pháp Lương Vĩnh Thuật (Thanh Long) cũng thường xuyên liên lạc nhau để được thỏa thuận trên mọi điều kiện. Giữa nội bộ thì cố gắng quên phần cá nhân mà xúm nhau xây dựng tại thế.

Việc làm dầu phải thiệt thòi một phần nào của cá nhân, nhưng đứng về công nghĩa đạo pháp, <sup>(27)</sup> các hiền cũng nên vui nghe để tôn trọng quyền hành của Hội Thánh; mà cũng tập lần cho quen gian khổ hầu xứng đáng Thiên ân trong buổi trung hưng chánh pháp.

Chức sắc nữ phái từ đây dưới sự sắp đặt của Đầu Phòng <sup>(28)</sup> ba Giáo Sư tại Hội Thánh. Nơi nào cần [thì] phụ trách; bằng không cấp thiết <sup>(29)</sup> thì vào nhà tu mà tu học, tịnh

---

<sup>(26)</sup> Trần Văn Quế (1902-1980), thánh danh Huệ Lương, đặc quả Quảng Đức Chơn Tiên.

<sup>(27)</sup> **công nghĩa đạo pháp** (*duty to the cause of Caodai religion*): Đạo pháp công nghĩa 道法公義, bốn phận đối với việc chung của đạo.

<sup>(28)</sup> **đầu phòng** (*chief of an office*): Trưởng phòng, người đứng đầu một văn phòng.

<sup>(29)</sup> **cấp thiết** 急切 (*urgent*): Cấp bách 急迫, khẩn cấp 緊急, gấp rút.

duỡng. Đùng xen lẩn,<sup>(30)</sup> đi lại nhiều mà khó tránh phần khảo thí.

Về Đại Đồng Xã,<sup>(31)</sup> thành đạo Đà Nẵng: Nếu cần sự giúp sức để xây dựng thì Lão cũng sẵn sàng cho một vài chức sắc để cộng tác trên công vụ khai nguyên khởi xướng; bổ một vài Giáo Hữu trông nom giúp đỡ việc kiến tạo ở các họ đạo và hoàn thành nghĩa địa của Hội Thánh. Dầu khó khăn nhưng làm cũng được.

Mọi việc trong năm là thế. Nếu cần để giữa nhau về nhân sự cho dễ bề cộng tác và xây dựng Hội Thánh thì các luật lệ cũ đình lại. Có một thể chế mới nào hiệp với nhân tâm mà giữ tròn được sự hòa ái thì Lão không [thấy] gì làm trở ngại. Có một điều mong sao chư chức sắc nhìn xa xét rộng. Cận lợi không bằng viễn lợi.<sup>(32)</sup>

Vì thánh ý, dẫu Hội Thánh có bị thiên di,<sup>(33)</sup> tan hợp cũng không lấy đó làm thất bại; mà đó là phương tiện, là nơi đào

luyện tâm đức của Thiên ân.

Dầu sao Lão cũng thấy trình độ các hiền đến nhiều đó thì mừng nhiều đó.

(...)

Thôi, Lão chào chư đạo tâm đàn nội.

---

<sup>(30)</sup> **xen lẩn** (*interfering, meddling*): Chen vào, can thiệp 干涉.

<sup>(31)</sup> **Đại Đồng Xã** 大同社 (*Society of Great Harmony*): Trong lúc chiến tranh ác liệt vào giữa thế kỷ 20, bốn đạo chạy loạn đổ xô về Đà Nẵng rất đông. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tập hợp tín hữu tản cư lại và tổ chức thành Đại Đồng Xã để chăm sóc đời sống và hướng dẫn tâm linh. Khi chiến tranh lắng dịu, tín hữu trở về quê cũ, Đại Đồng Xã vì thế không còn nữa. Vị trí của Đại Đồng Xã sau này trở thành thánh thất Trung Đồng, tại số 170 đường Trường Chinh (quốc lộ 1), quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

<sup>(32)</sup> **cận lợi** 近利 (*near benefits, benefits before one's eyes*): Lợi gần, lợi trước mắt. – **viễn lợi** 遠利 (*distant benefits*): Lợi xa, lợi về lâu dài.

<sup>(33)</sup> **thiên di** 遷移 (*moving*): Dời chỗ, chuyển đi nơi khác.

## 2. TỪ ĐÂY THEO QUYỀN PHÁP Ở PHÁP CHÁNH TRUYỀN, TÂN LUẬT MÀ DÌU DẮT NHÂN SINH

Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 15-01 Canh Tý (Thứ Năm 11-02-1960)

THI

HỘ giá lâm cơ<sup>(1)</sup> báo lệnh đàn  
ĐẠO thành gốc bởi chí kiên gan<sup>(2)</sup>  
THIÊN ân ai đã toan<sup>(3)</sup> xây dựng  
QUẦN tử thuận hòa mới bảo an.<sup>(4)</sup>

Chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.

<sup>(1)</sup> **lâm** 臨 (*arriving*): Tới, đến, cách nói tôn kính (*honorific term*). – **lâm cơ** 臨乩 (*arriving at the seance*): Lâm đàn 臨壇; đến với đàn cơ (*giáng đàn* 降壇).

<sup>(2)</sup> **kiên gan** (*persevering*): Kiên trì 堅持, vững vàng, không ngã lòng thối chí.

<sup>(3)</sup> **toan** (*intending to do sth*): Có ý định làm gì.

<sup>(4)</sup> **Hộ Đạo Thiên Quân** 護道天君: Tại Trung Hưng Bửu Tòa ngày 15-01 Mậu Tuất (Thứ Ba 04-3-1958), Đức Chí Tôn phong tiền bối Trần Nguyên Chí (1914-1957) phẩm vị *Trung Đẳng Huyền Cơ Chưởng Pháp Hộ Đạo Thiên Quân* 中等玄機掌法護道天君, hay *Bảo Nguơn Khai Huyền Cơ Tuyển Tiên* 保元開玄機選仙, cũng là *Bảo Nguơn Chơn Tiên* 保元真仙.

Bản Quân<sup>(5)</sup> lấy làm lo âu, lấy làm buồn bã trước trang lịch sử có những dòng đau thương cho sự nghiệp truyền đạo ra Trung.<sup>(6)</sup>

Ôi! Bản Quân xin có dịp khác sẽ tâm tình. Chư Thiên ân thành tâm đón Giá.<sup>(7)</sup>

TIẾP ĐIỂN

THI

NGỌC quý<sup>(8)</sup> giữ sao mãi được còn  
HOÀNG đồ quyền pháp ở tay con<sup>(9)</sup>

<sup>(5)</sup> **Bản Quân** 本君 (*a formal form of addressing oneself*): Bản cũng nói là *Bổn*. Đức Hộ Đạo Thiên Quân tự xưng *Bản Quân*. Một vị Thánh xưng *Bản/Bổn Thánh* 本聖. Một vị Thần xưng *Bản/Bổn Thần* 本神. Một vị Thánh Nương xưng *Bản/Bổn Nương* 本娘. Một vị vương xưng *Bản/Bổn Vương* 本王. Một quan chức xưng *Bản/Bổn Chức* 本職. Đời Tống (Trung Hoa) ông Bao Công cai quản phủ Khai Phong nên tự xưng *Bản/Bổn Phủ* 本府. Ngày xưa, một sứ thần nói với người nước khác thì gọi nước mình là *Bản/Bổn Quốc* 本國 (nước của tôi). Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn khi giáng cơ, nói với đàn em thì xưng *Bản/Bổn Huỳnh* 本兄.

<sup>(6)</sup> Xem: Huệ Khải, *Cấm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ (1928-1950) / Caodaism under Persecution in Central Vietnam (1928-1950)*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012.

<sup>(7)</sup> **Giá** 駕 (*honorific term for the Jade Emperor*): Tiếng tôn xưng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

<sup>(8)</sup> **ngọc quý** (*bảo ngọc* 寶玉: *precious jade*): 1/ Phần tốt đẹp sẵn có nơi con người do Trời ban cho (*thiên lương* 天良, *lương tâm* 良心: *conscience*). – 2/ Sứ mạng do ơn Trời ban trao (*Thiên ân sứ mạng* 天恩使命: *mission bestowed by Heaven's favour*).

THƯỢNG thừa<sup>(10)</sup> tu học làm Tiên Phật  
ĐỂ đạo<sup>(11)</sup> tài thành<sup>(12)</sup> cứu nước non  
GIÁO pháp không rồi<sup>(13)</sup> cơ chuyển vận  
ĐẠO đời chưa hiệp, trẻ sao tròn<sup>(14)</sup>  
NAM bang thánh địa sao đây nhĩ  
PHƯƠNG pháp trung hưng<sup>(15)</sup> phải mỗi mòn.<sup>(16)</sup>

## THẦY CÁC CON<sup>(17)</sup>

Nhiều lần Thầy đến cùng các con, khi khuyên khi dạy, mong sao cho các con sớm được nên người môn đệ xứng đáng của Thầy.

(...)

Lần này Thầy đến đây để chứng kiến tấm lòng của mỗi con.

Ngược dòng lịch sử, ba mươi mấy năm qua<sup>(18)</sup> Thầy để cho các con một phần kinh nghiệm.

Thiên Đình là nơi Thầy đã tạo lập cho các con một cảnh cực kỳ trang nghiêm, an lạc. Con cùng Thầy sống trong màu nhiệm hư vô. Thế rồi con cũng lần hồi bỏ Thầy mà đến nơi trần ai khổ nhục này. Thầy không nỡ để cho bầy con trầm luân,<sup>(19)</sup> khổ sở; bao lần cho chư Phật Thánh lâm phạm<sup>(20)</sup> tận độ.<sup>(21)</sup>

Lần này Thầy lại đến cùng các con, lập cho các con một

---

<sup>(9)</sup> Câu này ý nói: 1/ Các con nắm trong tay quyền pháp để góp phần xây dựng sự nghiệp cứu thế Kỳ Ba. (*Your hands are grasping the dharma power so as to contribute to the Caodai salvation career.*) – 2/ Quyền pháp Đại Đạo ban trao ở trong tay các con. (*The Caodai dharma power is in your hands.*) – **hoàng đồ**: 1/ 皇圖: Đồng nghĩa cơ đồ 基圖. Hoàng ám chỉ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Hoàng đồ nghĩa bóng là sự nghiệp cứu thế Kỳ Ba (*the career of Caodai salvation*). – 2/ 皇途 (*great path*): Con đường to tát; ý nói Đại Đạo.

<sup>(10)</sup> **thượng thừa** 上乘 (*mahayana*): Bậc tu thực hành tâm pháp (công phu, thiền, tịnh luyện: *practising inner self-cultivation*) để giải thoát luân hồi sinh tử.

<sup>(11)</sup> **đế đạo** 帝道 (*the way of the emperor*): Cũng gọi *ương đạo* 王道 (*the way of the king*), là đường lối cai trị nhân bản (*humanistic rule*), lấy đạo lý làm nền tảng, cũng gọi *nhân trị* 仁治 (*rule of benevolence*). Ngược lại với *ương đạo* là *bá đạo* 霸道 (*the way of the hegemon*), tức là đường lối cai trị dùng bạo lực đàn áp, dùng hình phạt tàn khốc để dân chúng sợ hãi không dám phản kháng.

<sup>(12)</sup> **tài thành** 裁成 (*accomplishing sth*): Thành tựu, hoàn thành.

<sup>(13)</sup> **không rồi** (*not finishing sth*): Không làm xong.

<sup>(14)</sup> **trẻ sao tròn** (*How can you accomplish your mission?*): Làm sao các con vẹn tròn sứ mạng?

<sup>(15)</sup> **trung hưng** 中興 (*recovering sth, restoring sth*): Hồi phục lại.

<sup>(16)</sup> **mỗi mòn** (*declining gradually*): Hư hỏng dần dần.

---

<sup>(17)</sup> **Thầy các con** (*I'm your Master.*): [Ta là] Thầy [của] các con. Trong tiếng Việt, chữ *của* thường được hiểu ngầm. Thí dụ: *đất nước tôi, gia đình tôi, cha mẹ tôi, vợ tôi, chồng tôi, các con tôi...* Nếu viết "*Thầy, các con!*" thì sai. (Đức Mẹ khi giảng cơ thường xưng: *Mẹ Linh Hồn các con*, có nghĩa: [Ta là] Mẹ Linh Hồn [của] các con. (*I'm your Spiritual Mother.*)

<sup>(18)</sup> **ba mươi mấy năm qua** (*over thirty past years*): Tính từ năm khai Đạo (tháng 11-1926) cho tới khi Thầy dạy bài này (tháng 02-1960) là ba mươi ba năm.

<sup>(19)</sup> **trầm luân** 沉淪 (*sinking*): Chìm đắm. *Trầm* và *luân* đồng nghĩa.

<sup>(20)</sup> **lâm phạm** 臨凡 (*descending to this world*): Tới cõi trần gian.

<sup>(21)</sup> **tận độ** 盡度 (*saving all*): Cứu độ hết tất cả.

cảnh an lạc cực kỳ nghiêm trang tại thể này cùng Thầy mà lập công tu học.

Ngôi tổ đình<sup>(22)</sup> Tây Ninh đã vầy hiệp các con. Chánh pháp chưa được bao nhiêu ngày thì chia phân lực lượng,<sup>(23)</sup> gây hoang mang trong toàn đạo, làm cho thánh thể<sup>(24)</sup> phanh phui, pháp quyền mờ tối. Nhưng các con thấy rằng Thầy cũng luôn theo chúng nó mà dạy khuyên, ở cùng chúng nó mà lập nên quyền pháp thì có phải vì chúng nó đâu. Vì trong tay chúng nó lôi kéo một số con cái của Thầy; vì con cái ấy là người trung thành, chất phác.

Bởi vậy, bao lần hội vạn linh<sup>(25)</sup> tại Tòa Thánh, con cái của Thầy mười phương đều đón chờ nguồn tin hội nghị. Ai cũng cầu nguyện cho chư hướng đạo<sup>(26)</sup> hòa nhau, cầu cho nền đạo không nên sút mẻ.

---

<sup>(22)</sup> **tổ đình** 祖庭 (*ancestral temple*): Thánh sở đầu tiên mà các vị khai sáng nền tôn giáo đã quy tụ và hành đạo.

<sup>(23)</sup> Hội Thánh Cao Đài thành lập ở Tây Ninh năm 1926; năm 1930 nội bộ bắt đầu phân hóa, chia tách.

<sup>(24)</sup> **thánh thể** 聖體 (*holy body*): Thánh thể Đức Chí Tôn tại thể gồm Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài. Thánh thể là các thánh thất (hay thánh tịnh), Tòa Thánh, Hội Thánh.

<sup>(25)</sup> **hội vạn linh** 萬靈會議 (*conference of all souls*): Cuộc hội quy tụ đông đảo môn sanh Cao Đài, gồm các cấp chức sắc, chức việc và các vị đại diện cho tín đồ. **Nói thêm:** Trong nội ô Tòa Thánh Tây Ninh có một tòa nhà lớn gọi là *Nhà Hội Vạn Linh*, khánh thành ngày 09-01 Quý Mão (Thứ Bảy 02-02-1963). Đây là nơi tổ chức các cuộc hội họp trong đạo hoặc để cho khách tạm nghỉ trong những ngày thăm viếng Tòa Thánh.

<sup>(26)</sup> **chư hướng đạo** 諸向導 (*those who lead their coreligionists*): Những người dẫn dắt đạo hữu.

Cũng như hôm nay, tại Bửu Tòa,<sup>(27)</sup> các tỉnh, đạo tràng,<sup>(28)</sup> ai cũng đón chờ các con một phiên họp đầu năm giữa chư Thiên ân<sup>(29)</sup> hòa một. Lòng thiết tha kia, nào các con có nghĩ gì đến nỗi âu lo của toàn đạo. Các con cũng nên để chút thì giờ, gác tay lên trán mà tìm cái lý do là không đâu mà ngược lại dòng lịch sử.<sup>(30)</sup>

(...)

Có một điều Thầy mong các con, **từ đây theo quyền pháp ở Pháp Chánh Truyền, Tân Luật mà đi dắt nhân sinh**<sup>(31)</sup> để chờ ngày Thầy đem về một.

Thôi, đến đây Thầy từ giã các con. Thầy thăng.

---

<sup>(27)</sup> **Bửu Tòa** 寶座 (*Precious See*): Trung Hưng Bửu Tòa 中興寶座 tại Đà Nẵng, thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

<sup>(28)</sup> **đạo tràng** 道場 (*religious premises*): Chỗ tu học, nơi sinh hoạt tôn giáo (thánh thất, thánh tịnh, thánh đường, nhà tu, v.v...).

<sup>(29)</sup> **chư Thiên ân** 諸天恩 (*the recipients of Heaven's blessing*): Những vị đang thọ nhận ơn Trời với trách nhiệm hoằng giáo trong đạo Cao Đài.

<sup>(30)</sup> **ngược lại dòng lịch sử** (*moving backwards, against the course of history*): Trong Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ thì Đạo từ một phân tán ra nhiều (*nhất tán vạn* 一散萬; Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo). Sang Tam Kỳ Phổ Độ thì từ nhiều trở về một (*vạn quy nhất* 萬歸一; Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc là Đại Đạo); do đó Đức Chí Tôn quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi. Vậy, xuôi dòng lịch sử tiến hóa tâm linh thì các tôn giáo sẽ trở về một; thế nhưng Hội Thánh Cao Đài buổi sơ khai đã sớm phân hóa, chia tách, tức là ngược lại dòng lịch sử Kỳ Ba.

<sup>(31)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

### 3. CÁI NHÂN THANH KHIẾT THÌ CÁI QUẢ TRONG LÀNH

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 20-01 Canh Tý (Thứ Ba 16-02-1960)

#### THI

THÀNH tâm chờ đợi Thánh Thiên Đờ<sup>(1)</sup>  
HOÀNG Phụ từ bi có nữ mô<sup>(2)</sup>  
BỐN đạo đồng thanh<sup>(3)</sup> câu sám hối  
CẢNH Trung Tông được vững cơ đồ.

Bản Thần trấn giữ nơi đây nghe lời cầu thỉnh nên phụ bút<sup>(4)</sup> báo tin. Chào chư hiền một lòng vì Đạo.

Hôm nay các Thánh Thiên Đờ đã đến nơi Thiên môn<sup>(5)</sup> mấy ngày rồi để lòng cầu xin cho sứ mạng Trung Tông được tròn chung thủy với chương trình lập pháp của buổi trung

---

(1) **Thiên đờ** 天徒 (*Heaven's disciple*): Học trò của Trời. – **Thánh Thiên Đờ**: Học trò của Trời đã đắc quả Thánh.

(2) **có nữ mô** (*having no heart to do sth*): Đầu nữ lòng.

(3) **đồng thanh** 同聲 (*of one mind, unanimous*): Đồng lòng.

(4) **phụ bút** 附筆 (*relying on a means of invocation*): Nương nhờ vào cơ bút.

(5) **Thiên môn** 天門 (*Heaven's gate*): Cửa Trời.

hưng. Phương chi<sup>(6)</sup> nơi này đã được giàu ơn tận độ mà chẳng hết lòng sợ sệt, lo âu thì ma quỷ tài nào chẳng nhân cơ [hội] mà gây loạn. Dù sao, Thần cũng thấy toàn bộ Trung Tông trước tạo được **cái nhân thanh khiết thì** rồi cũng có **cái quả trong lành**.<sup>(7)</sup>

Con đường thuần túy đạo đức đã dẫn đưa muôn người vượt qua danh sắc,<sup>(8)</sup> dục vọng,<sup>(9)</sup> cầu lấy cái an lành, an lành trong Thượng Đế, an lành trong lúc sống ở thế gian với món ăn bằng tinh thần đạo lý, khi về cõi thọ<sup>(10)</sup> chung trong khối từ bi.

Con đường ấy đã cho mọi người một ngôi vị xứng đáng, danh giá trắng trong. Tượng trên nét sử có nhiều dòng chữ oai hùng làm châm ngôn hậu nhật<sup>(11)</sup> tụng niệm, làm khuôn phép vạn thế<sup>(12)</sup> noi theo. Thế mà hôm nay, vì một lẽ nào đó mà quên lời các Thánh. Đáng tiếc lắm vậy!

Sự nghiệp trung hưng đâu phải một việc [tầm] thường kẻ phàm nhân đảm đương<sup>(13)</sup> được, mà là một sứ mạng lớn lao

---

(6) **phương chi** (*much less, still less*): Huống hồ, huống gì.

(7) Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

(8) **danh sắc** 名色 (*name and external manifestation*): Tên gọi và hình tướng, cả hai đều giả tạm.

(9) **dục vọng** 欲望 (*desire, longing, craving*): Ham muốn.

(10) **cõi thọ** (*the realm of longevity*): Cõi thiêng liêng hằng sống trên thượng giới (*the realm of holy eternity in heaven*).

(11) **hậu nhật** 後日 (*future*): Ngày sau, tương lai.

(12) **vạn thế** 萬世 (*all ages*): Muôn đời.

(13) **đảm đương** 擔當 (*assuming sth, undertaking sth*): Nhận lãnh, gánh vác.

chỉ người thánh tâm, quân tử mới đủ tư cách đảm đương.

Tại Trung Tông này tuy không phải ròng là người ưu tú thiện hạnh bồ tát, mà lắm tay tài ba lý trí về thế gian, nhưng không thấu được lẽ mầu vi của Đạo. Lý trí tài ba của người đời, hỏi xưa nay ai đã làm nên việc gì để lại cho muôn người cùng hưởng?

Người Thiên ân thừa kế sự nghiệp, tự nhiệm<sup>(14)</sup> lấy sứ mạng cứu đời mở Đạo, phải ở chỗ giác ngộ trong lòng, ở công phu tu tập nhiều ngày, ở sự lấy thân hình thành pháp luật.<sup>(15)</sup> Vậy ai là người đó nên gắng lo cứu lấy vạn dân.

Ngày giờ qua, ngày giờ không trở lại. Thần hăng lui tới nơi đây, được mục kiến<sup>(16)</sup> sự làm và lòng tu của các Thiên sắc, cũng đáng cúi đầu kính bái, nhưng có vị cũng đáng thương hại. Vì nơi họ có cả Thiên ân quyền pháp, đâu dám khinh được mà có lỗi cùng Trời.

Vậy việc nội bộ, Thần chưa biết phải thế nào vì còn chờ các Thánh Thiên Đò cầu xin. Chỉ biết dù sao Hội Thánh Trung Tông lập được quyền pháp trọn vẹn do chư Thiên Đò hộ trì<sup>(17)</sup> chánh pháp giáo hóa. Nhưng từ đây đi đến bình yên còn phải trải qua đôi ba khúc đường quanh co, gai góc<sup>(18)</sup>

---

<sup>(14)</sup> **tự nhiệm** 自任 (*undertaking sth oneself*): Tự mình nhận lãnh, gánh vác, đảm đương.

<sup>(15)</sup> **lấy thân hình thành pháp luật** (*being a living embodiment of law*): Bản thân thể hiện được lòng tôn trọng luật đạo, quyền pháp đạo.

<sup>(16)</sup> **mục kiến** 目見 (*witnessing sth*): Mục kích 目擊, tận mắt thấy.

<sup>(17)</sup> **hộ trì** 護持 (*protecting and supporting sth*): Bảo vệ và nâng đỡ.

<sup>(18)</sup> **gai góc** (*difficulties and hindrances*): Nhiều khó khăn, trở ngại.

lắm.

(...)

Mọi sự ở Thầy, ở sứ mạng. Dù sao cũng trong một kỳ sát hạch,<sup>(19)</sup> tuyển phong,<sup>(20)</sup> rồi đầu vào đó. Duyên gì quả đó.

Khối Trung Tông Truyền Giáo sẽ lành mạnh lại và còn kết hợp nhiều duyên sự tốt lành. Rán tu. Rán cầu nguyện. Mọi việc tự mình giải quyết lấy mình. Không một ai hay nơi nào đưa lại cả.

Vậy Bản Thần chỉ biết nhiều đó, nói nhiều đó. Chư hiền cẩn thận chờ lệnh.

Bản Thần kiếu.

---

<sup>(19)</sup> **sát hạch** 察核 (*investigating sth*): Kiểm tra, xem xét.

<sup>(20)</sup> **tuyển phong** 選封 (*selecting and conferring sth*): Tuyển chọn và phong chức.

## 4. ẨM TU CHỜ HỒNG ÂN CƠ TÁI LẬP

Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 14-02 Canh Tý (Thứ Sáu 11-3-1960)

THI

HỘ phò Đại Đạo trái bao thu <sup>(1)</sup>  
ĐẠO pháp ban trao chẳng giữ tu  
THIÊN ý vẽ vờ soi lấy bước  
QUÂN bình đôi lẽ, phận sao phu.<sup>(2)(3)</sup>

Bản Quân chào chư đệ.

Giờ này, Bản Quân muốn tỏ hết nỗi lòng của Thánh Thiên Đờ <sup>(4)</sup> đối với công cuộc truyền đạo miền Trung. Tuy là kẻ

---

<sup>(1)</sup> **bao thu**: Biết bao mùa thu, biết bao nhiêu năm.

<sup>(2)</sup> **phu** 數 (*enough*): Đầy đủ. Td: *Nhập bất phu xuất* 入不敷出 (Nhập không đủ xuất). *Lương thảo bất phu* 糧草不敷 (lương thảo không đủ).

<sup>(3)</sup> Bài thơ xưng danh quán thủ là *Hộ Đạo Thiên Quân* 護道天君: Tại Trung Hưng Bửu Tòa ngày 15-01 Mậu Tuất (Thứ Ba 04-3-1958), Đức Chí Tôn phong tiên bối Trần Nguyên Chí (1914-1957) phẩm vị *Trung Đẳng Huyền Cơ Chương Pháp Hộ Đạo Thiên Quân* 中等玄機掌法護道天君, hay *Bảo Nguơn Khai Huyền Cơ Tuyển Tiên* 保元開玄機選仙, cũng là *Bảo Nguơn Chơn Tiên* 保元真仙.

<sup>(4)</sup> **Thiên đờ** 天徒 (*Heaven's disciple*): Học trò của Trời. – **Thánh Thiên Đờ**: Học trò của Trời đã đắc quả Thánh.

khuất người còn, chớ trên sứ mạng cũng đồng như nhau, thì việc thành bại tồn vong đều có chung trách nhiệm.

Hôm nay, toàn đạo nói chung đều lúng túng trong cơ khảo thí.<sup>(5)</sup> Riêng về Hội Thánh ta gặp bước gay go. Con đường sứ mạng có nhiều khó khăn chông chát, đầy chông gai, nhiều trở ngại mà người Thiên ân thiếu giác ngộ làm sao đưa bước nhân sinh đến tận cõi Thầy, hoàn thành cơ tận độ?

Bước khó khăn này mà không mạnh mẽ vượt qua thì lẽ tất nhiên không còn đứng vững một nơi. Kẻ trước người sau đều lui bước. Nếu phải một trường hợp ấy thì uống cho công phu mấy thuở, cơ hội lỡ làng.

(...)

Giữa lúc nền Đạo chia phân, các chi phái đương lo toan trưởng thành, mở mang cho bản thân của mỗi tông bộ,<sup>(6)</sup> đâu còn nghĩ đến việc chung, mưu <sup>(7)</sup> lấy sinh tồn cho nền chánh pháp Kỳ Ba.

Nơi tông đạo Truyền Giáo của mình được hồng ân, chịu sứ mạng thiết lập một nền trung hưng để hiển minh <sup>(8)</sup> tân pháp Đại Đạo, để có một giáo thuyết hoàn bị,<sup>(9)</sup> một Giáo Hội mạnh

---

<sup>(5)</sup> **khảo thí** 考試 (*examining sb, testing sb*): Cho thi (thử thách) để xét khả năng, trình độ.

<sup>(6)</sup> **tông bộ** 宗部 (*division of a religion*): Bộ phận của một tôn giáo, tức là một nhánh hay chi phái.

<sup>(7)</sup> **mưu** 謀 (*planning sth, seeking sth*): Lo toan, tìm kiếm.

<sup>(8)</sup> **hiển minh** 闡明 (*elucidating sth, expounding sth*): Làm cho sáng tỏ.

<sup>(9)</sup> **hoàn bị** 完備 (*faultless, complete, perfect*): Không khuyết điểm, đầy đủ, hoàn hảo.



lành, làm cho chư thiện tín trở nên những giáo đồ <sup>(10)</sup> thực tu, ngộ chứng cơ tận độ.

Nhưng vì sao giữa người Thiên ân thiếu phần tâm đức? Học không học, hành không hành, thì làm sao đắc được pháp mầu vi của cơ Tạo?

Học giả không đi sâu vào cơ giáo pháp, hành giả không hết nguyện lực mạnh mẽ trên đường tâm pháp vô vi thì cơ đắc đạo lấy đâu để đạt chứng? Nên Bản Quân thấy cả một sự khó lòng giải quyết cho nội bộ Hội Thánh ta. Bây giờ có hai đường tạm ổn một thời gian, rồi sẽ cầu lại hồng ân, tiếp cơ tận độ.

Bây giờ, Bản Quân chỉ nói mấy điều này cho các hiền liệu định: Một ngày toàn bộ đồng đều thừa thuận thánh ý thì quyền pháp trung hưng, Thầy sẽ ban sứ mạng giáo pháp ở người Thiên ân. Giáo quyền được thành lập. Cơ tận độ sẽ ban trao bí tích. Đó là vì sự cầu xin của Thiên Đờ nên Thầy dạy vậy.

(...)

Bản Quân ước ao sao chư hiền phải tu, tu thật sự, cầu chứng chánh pháp, học lấy lời giáo hóa, rồi làm cho được các lời đã dạy. Làm được thì sự đắc đạo mới có. Bằng không làm mà cũng không học, làm sao thành đạo?

Đã nói là cơ khảo thí toàn diện,<sup>(11)</sup> không nơi nào không có

---

<sup>(10)</sup> **giáo đồ** 教徒 (*adherents, disciples, followers*): Tín đồ 信徒, môn đồ 門徒 của một tôn giáo.

<sup>(11)</sup> **toàn diện** 全面 (*comprehensive, total, overall*): Mọi mặt, toàn thể, toàn bộ.

ma quỷ chực chờ., không kín nhiệm nào không có ma quỷ lên lút. Chỉ có một điều là vì Đạo nhấn nhục cứu lấy nhân sinh; một điều là phải **ấn tu chờ hồng ân cơ tái lập**.<sup>(12)</sup>

Lẽ phải trái nói không cùng được. Các hiền chỉ lấy sự khắc phục tự kỷ <sup>(13)</sup> là đẹp lòng Thầy.

Thôi, Bản Quân xin kiếu.

---

<sup>(12)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(13)</sup> **khắc phục tự kỷ** 克服自己 (*overcoming oneself, conquering oneself*): Chế ngự bản thân, thắng được yếu đuối, dục vọng của bản thân.

## 5. THƯỢNG ĐỨC VÔ TRANH

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 27-02 Canh Tý (Thứ Năm 24-3-1960)

### THI

LIỄU giải cho đời nhẹ tội khiên <sup>(1)</sup>  
TÂM người Bồ Tát rộng vô biên <sup>(2)</sup>  
CHƠN như bất động, chơn như chủ <sup>(3)</sup>

<sup>(1)</sup> Câu này ý nói: Hiểu rõ đạo lý để tu hành hầu bớt tội lỗi. – **liễu giải** 了解 (*thoroughly understanding*): Lãnh hội, lĩnh hội 領會, hiểu rõ. – **tội khiên** 罪愆: Tội (*sins*); khiên (*faults*) là lỗi lầm. *Tội khiên* là tội lỗi, đồng nghĩa *tội quá* 罪過.

<sup>(2)</sup> Câu này ý nói: Lòng người có tâm từ bi không giới hạn của Bồ Tát (*Bodhisattva's limitless mercy*).

<sup>(3)</sup> **chơn như, chân như** 真如 (*tathāta, thusness, suchness, the ultimate nature*): Chơn như đồng nghĩa với *Như Lai tạng* 如來藏 (*Tathāgata nature*), *Như Lai* 如來 (*Tathāgata*), *như như* 如如, *pháp thân* 法身 (*dharma body*), *Phật tánh* 佛性 (*Buddha nature*), *thực tướng* 實相 (*true form*), *Thượng Đế tánh* 上帝性 (*God nature*), *tự tánh* 自性 (*own nature*), v.v... Chơn như là cái tánh căn bản và phổ quát mà tất cả chúng sanh đều có sẵn (*the fundamental universal nature possessed by all the living*). – **chơn như bất động** 真如不動 (*the suchness is motionless*): Chơn như không bị bất cứ cái gì chi phối, tác động. – **chơn như chủ** 真如主 (*the suchness has mastery*): Chơn như làm chủ, là chủ nhưn ông (*the master: ông chủ*).

NHƠN dục <sup>(4)</sup> bao giờ có thắng Thiên.<sup>(5)</sup>

Chào các đệ.

Bản Thánh lấy làm xót thương cho toàn thể đạo tâm đương <sup>(6)</sup> đứng trong một cảnh tình quá ư gay go. Phần nhiều chưa biết xử làm sao cho êm thuận được lòng mình. Vì lòng mình khi ngộ <sup>(7)</sup> cảnh khó, quá xúc động mà biến sinh muôn nghìn lý sự, rồi cũng chưa biết phải theo một lẽ nào là đúng.

Bây giờ, ai gặp cảnh ngộ <sup>(8)</sup> này cũng hóa nên ở lòng mình muôn mối âu lo, không giờ yên ổn. Khi lòng đã xa lẽ thật thì muôn hình bóng bên ngoài lộ đủ màu sắc xinh tươi. Màu sắc ấy, ta nhận nó là sự thật nên còn đeo đuổi, còn mãi mong thì hình bóng ấy còn dẫn dắt ta mỗi ngày mỗi xa, mỗi ngày không thấy đâu là đâu.

Giờ quay trở lại đã quá tị mù,<sup>(9)</sup> và thấy lòng mình rạo rục bấn khoăn, không giờ an tịnh, mà cùng bao nhiêu những người bạn chung quanh đều mang mỗi người một màu sắc không giống nhau, nên tình tương thân <sup>(10)</sup> đã trở ra nguội lạnh. Sự nguội lạnh này đem lại cho người một mối thất vọng

<sup>(4)</sup> **nhơn dục** 人欲 (*human desires*): Những ham muốn của con người.

<sup>(5)</sup> **Thiên**: Thiên lý 天理 (*Heaven's principle, God's law*), Lẽ Trời, luật Trời.

<sup>(6)</sup> **đương** 當 (*just at*): Đang, đương lúc, đang khi, hiện thời.

<sup>(7)</sup> **ngộ** 遇 (*encountering sth*): Gặp.

<sup>(8)</sup> **cảnh ngộ** 景遇 (*circumstances*): Hoàn cảnh.

<sup>(9)</sup> **tị mù** (*very far*): Tít mù, thật xa, rất xa.

<sup>(10)</sup> **tương thân** 相親 (*being deeply attached to each other*): Gắn gũi nhau, gắn bó với nhau.

khô khan. Vì thiên ái,<sup>(11)</sup> chấp ngã ở mỗi đục vọng, cho đầy là màu sắc vang bóng của lẽ thật bên trong.

Bây giờ, tất cả ai cũng muốn trở về với thực tại để cầu lấy sự sống an lành. Sự thanh bình trong lòng mẹ của đứa bé vị hài <sup>(12)</sup> ở chỗ tình thương bao la mà kín đáo, lẽ sống dồi dào không một chút cầu cạnh hơn thua.

Lẽ thật, lẽ thật cao quý. Chúng ta ôi! Ai đã đi xa lẽ thật mới thấy mình mang đầy khát vọng đau khổ. Lẽ thật nào khác gì một quả trứng đã rút khỏi lòng mẹ; lòng những từ lâu mang nặng, không giờ phút lãng quên tình thương ấp ủ. Quả trứng đã chào đời bằng một sự chờ đợi.

Hôm nay, quả trứng đã được ấp ủ, ấp ủ của lòng mẹ chất chiu, nên lòng của quả trứng đã vữa.<sup>(13)</sup> Vừa để thành hình hay vừa đầy để ung? Hai lẽ đó, kết quả không phải ở quả trứng, mà ở sự cố gắng của người.

Bị vữa đó chưa phải là hư hỏng đổ nát, mà là sự tiến bộ quá độ <sup>(14)</sup> của nó. Giữa nó cần có hai sự đối nghịch để trở nên mâu thuẫn, mâu thuẫn dữ dội. Phải đảo lộn từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong. Trong ngoài không còn phân hóa mà cả một sự hỗn độn. Bây giờ, trắng đỏ biến mất, còn lại

---

<sup>(11)</sup> **thiên ái** 偏愛 (*being partial towards sth, preferring sth; preference*): Yêu thích hơn, thiên vị 偏為.

<sup>(12)</sup> **vị hài** 未骸 (*not yet having a body*): Chưa có hình hài, chưa thành hình thể.

<sup>(13)</sup> **vữa** (*becoming rotten*): Rữa, không còn kết dính, bị phân rã ra và chảy nước.

<sup>(14)</sup> **quá độ** 過渡 (*transition*): Sự chuyển tiếp từ hình thức hay hình thái này sang hình thức hay hình thái khác.

những màu bầm thâm, có những đường gân, những mảnh lợn cợn của hai khối bị tan đổ.

Kết quả của nó cần đòi hỏi một thời gian. Thời gian bao lâu? Nửa bên quả trứng này phải có sự chăm sóc của người mẹ để cho hơi nóng bên ngoài tràn vào mà bên trong mới có thể tượng hình. Nếu mẹ ấy không lưu tình thì quả trứng kia dù có ra khỏi lòng mẹ thì cũng không thành hình [để] trở nên dòng giống ấy. Mẹ là ai?

Thầy đã luôn luôn bảo bọc. Bởi vậy, dù đã thế nào cũng đưa ta vào con đường chắc chắn. Có gì đáng lo? Có lo là ta không còn hơi nóng của mẹ. Hơi nóng đó là mối thông công diệu huyền, lần điển lành chan trong muôn vật.

Mâu thuẫn làm cho vữa tình thân yêu, đập đổ lòng thuận hòa để cho đen trắng không phân. Nếu trong trường hợp này không giữ gìn mà quả trứng bị vỡ sớm thì không thấy hình thấy bóng của một hiện hữu.<sup>(15)</sup> Nghĩa là giai đoạn cần phải có, có khảo thí, có phân biệt.

Bản Thánh muốn các em ở trường hợp nào cũng nên thính Thiên an mạng <sup>(16)</sup> là thái bình hơn cả.

Người biết lẽ Trời mầu nhiệm không nên tranh đua, câu chấp <sup>(17)</sup> một hình sắc nào bên ngoài mà nên quay về với

---

<sup>(15)</sup> **hiện hữu** 現有 (*sth currently existing, sth currently available*): Cái đang có.

<sup>(16)</sup> **thính Thiên an mạng** (mệnh) 聽聽安命 (*accepting one's situation as dictated by Heaven*): Nghe theo Trời mà an lòng với định mệnh, số mạng. Nghĩa rộng: Chấp nhận hoàn cảnh Trời đã an bài, đặt để; an thuận quả duyên.

<sup>(17)</sup> **câu chấp** 拘執 (*rigidly adhering to sth, inflexibly clinging to*

thực tại. Thực tại ở lòng mình có đủ màu nhiệm. Có được màu nhiệm mới có thể nói nên lời nói không uổng, việc làm không mất, mới đương<sup>(18)</sup> được việc người, làm được việc Trời.

Nếu không trở về thực tại, là trở về với lòng mình, cứ đem lòng ra tranh biện hơn thua bên ngoài thì lòng đã ra ngoài, lòng không còn là thực tại.

Vậy ai sao, ai sao, mặc! Các em lo tu cho mình là mọi việc được thành, được ổn. Tu cho mình là tu cho vạn đại,<sup>(19)</sup> sự nghiệp vạn dân<sup>(20)</sup> ấm no. Nếu không được lòng như như<sup>(21)</sup> Tạo Hóa thì cứu mình cũng không xong, mong gì lo gánh việc cho thiên hạ.

Tình hình Hội Thánh ngày nay trông mong ở lòng chân tu thuần chất của các em, nào phải ở tài ở trí mà làm được. Lòng chân tu đứng trong cảnh biến nào cũng có thể dàn xếp được ổn thỏa. Vì đã không ổn thỏa là mối đâm ngờ đâm lo, hay thiên hay ái,<sup>(22)</sup> rồi tranh hơn giành phải. Hơn hay phải đâu để cho đám tranh giành được nhận, mà người đạo đức đâu có tranh giành gây nên mâu thuẫn.

---

*sth*): Cố chấp 固執, chấp nhất 執一, câu nệ 拘泥, bám cứng nhắc đi đâu gì, không biết linh hoạt hay phóng khoáng bỏ qua đi đâu gì.

<sup>(18)</sup> **đương** 當 (*undertaking sth*): Gánh vác, nhận lãnh.

<sup>(19)</sup> **vạn đại** 萬代 (*eternally, forever*): Muôn đời, mãi mãi.

<sup>(20)</sup> **vạn dân** 萬民 (*all the people*): Muôn dân, tất cả mọi người.

<sup>(21)</sup> **như như** 如如: Bất biến, bất nhiễm. Cũng gọi tắt là *như*, đồng nghĩa *chân như*, *chơn như* 如真.

<sup>(22)</sup> **hay thiên hay ái**: Thường hay *thiên ái*. – **thiên ái**: Xem chú thích (11).

Vậy, việc sắp tới đây đã đành là thế. Mọi sự chỉ có thế, không sao cưỡng được một giờ của thời gian trôi ngược. Thời gian trôi mà ngày tháng cũng diễn lại những tuồng đau thương. Người ta ai cũng hy vọng ngày mai, muốn ngày qua, ngán ngao ngày hiện tại. Thì lòng người có thế. Việc đời xưa nay đâu khác.

Muốn cải tệ<sup>(23)</sup> cho đời, không để duy trì tình trạng vô quyền pháp lâu dài. Nhưng quyền pháp lại bị ẩn lút<sup>(24)</sup> đi là quyền pháp trở về với quyền pháp. Để quyền pháp được mạnh mẽ trọn vẹn hơn, để rồi ra hay vào chỗ không quyền pháp. Không ấy trả về cho chỗ ấy.

Vì lẽ trên mà các em nên tu bồi đạo hạnh. Không đi đâu ở đâu mà giữ nguyên vị mình, tùy thời xử đạo.<sup>(25)</sup> Các em không quyền cản ngăn một sức mạnh đi tới. Vì nếu [nó] tới [mà] không tránh một bên thì bị chận xẹp. Nhưng sức mạnh ấy khác nào các máy xe trẻ nhỏ chơi, vặn chạy hết dây [thiều] thì đứng. Vì nào nó có chạy được mà có người quay dây thiều cho nó chạy vậy.

*Thời gian xây dựng còn dài  
Ai người để sức ghé vai gánh gồng  
Làm sao cho đẹp một lòng  
Cho ra hướng đạo<sup>(26)</sup> tư phong<sup>(27)</sup> thuần hòa.*

---

<sup>(23)</sup> **tệ** 弊 (*detriment*): Điều xấu xa, tệ hại. – **cải tệ** 改弊 (*correcting the detriment*): Sửa chữa những gì xấu xa, tệ hại.

<sup>(24)</sup> **ẩn lút**: Ẩn giấu hoàn toàn.

<sup>(25)</sup> **xử đạo**: Hành xử việc đạo.

<sup>(26)</sup> **hướng đạo** 向導 (*those who lead their coreligionists*): Người dẫn dắt đạo hữu.

Pháp quyền<sup>(28)</sup> học lấy hạnh Cha<sup>(29)</sup>  
Bao dung, che chở gần xa, trong ngoài  
Đừng vì tự ái hẹp hòi  
Lóng nghe sứ mạng tiếng còi<sup>(30)</sup> về đâu.  
Giữa tình huynh đệ thâm sâu  
Nào phiền nào trách với nhau làm gì  
Đường Trời dọn sẵn lo đi<sup>(31)</sup>

Phất cờ giống trống trong khi rộn ràng.  
Đừng cho đạo hữu hoang mang  
Đừng cho tai tiếng, bàng quan<sup>(32)</sup> chê cười  
Đừng cho lạm dụng quyền đời<sup>(33)</sup>  
Đưa nhau ra khỏi xa khơi khổ phiền.<sup>(34)</sup>

<sup>(27)</sup> **tu phong:** Phong tư 風姿 (*manner and attitude*), phong thái 風態, phong cách và thái độ. (Đạo ngữ *phong tư* thành *tu phong* để vần với chữ *lòng* cuối câu trên.)

<sup>(28)</sup> **pháp quyền** 法權 (*dharma power*): Quyền pháp.

<sup>(29)</sup> **Cha** (*Father, God*): Đức Đại Từ Phụ, Thượng Đế. Trong ba ngôi, Cha là ngôi một. – **Pháp quyền học lấy hạnh Cha:** Thầy (Cha Trời) là Đại Từ Phụ; hạnh Cha là thương yêu. Thầy dạy: *Sự thương yêu là cơ thể của Thầy.* (Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ, Thứ Tư 08-02-1967.) Do đó, bậc hướng đạo khi thi hành quyền pháp hãy biết học theo hạnh thương yêu của Cha Trời; đừng lạm dụng quyền pháp theo nghĩa cai trị. Đức Giáo Tông Vô Vi dạy: *Quyền pháp đạo không là điều cai trị. Quyền pháp đạo chính là sự thương yêu, giải thoát cai trị để tiến hóa.* (Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu, Chủ Nhật 16-02-1969.)

<sup>(30)</sup> **còi** (*sáo tử* 哨子: *whistle*): Thuật ngữ đạo Chúa. Bậc hướng đạo là người chăn chiên, chăn cừu (*mục tử* 牧子: *shepherd*); tín đồ là đàn chiên (*cao dương* 羔羊: *sheep*). Ngoài gậy (*trượng* 杖: *crook, staff*), người chăn chiên còn có còi để gọi những con chó (*sheepdogs*) đi theo giúp họ canh giữ đàn cừu. Trong thánh giáo, còi là một ẩn dụ (*metaphor*), nghĩa là lời dạy bảo (*instructions*) của bề trên. Bậc hướng đạo lắng nghe tiếng còi từ Ông Trên để thi hành sứ mạng (*mission*) của mình; tín đồ lắng nghe tiếng còi của bậc hướng đạo để tu hành. (Xem thêm: Huệ Khải, *Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019.)

<sup>(31)</sup> Câu này ý nói: Trời đã dọn sẵn con đường (là Đạo), mọi người cứ theo đó mà đi, lo lắng đi cho vững vàng, đúng hướng, tức là tu hành chơn chánh. (Tại nhà tiền khai Cao Quỳnh Cư ở Sài Gòn, ngày 12-6 Bính Dần, Thứ Tư 21-7-1926, Đức Chí Tôn dạy: *Thầy khuyên các con theo sau Thầy mà đến phẩm vị mình thì hay hơn tuông bờ lướt bụi, đi quanh kiếm quất. Nghe à!*)

<sup>(32)</sup> **bàng quan** 傍觀 (*outsiders*): Người ngoài tôn giáo Cao Đài, người đời, bá tánh.

<sup>(33)</sup> **lạm dụng quyền đời** (*abusing secular power*): Năm 1927, Tân Luật (Đạo Pháp, Chương VII, Điều Thứ Hai Mười Tám) quy định: *Về đường đời bốn đạo có xích mích nhau, cũng phải đến cho người làm đầu trong họ phân giải.* Ngày 25-8-1938, Đức Lý Giáo Tông chú giải: *Bốn đạo hoặc còn ở đường đời, ăn ở cùng nhau có điều chi xích mích phải đem đến cho người đầu họ phân giải; không xong sẽ còn chỗ khác, chẳngặng đem ra tòa đời.* Như vậy, nếu có tranh chấp mà người trong đạo không áp dụng quy định này, đem nhau ra tòa đời giải quyết thì mắc lỗi *lạm dụng quyền đời*. Họ khiến người đời chê cười rằng lẽ ra đạo làm gương, hướng dẫn cho đời mà trái lại, phải nhờ đời xử lý giùm đạo.

Lâu nay, ở một thánh sở nọ xảy ra lục đục, và họ nữ đem ra chánh quyền kiện cáo, nhờ phân xử. Thường thì chánh quyền trả lại đơn kiện, khuyên rằng việc nội bộ thì nội bộ tự giải quyết, chánh quyền không can thiệp. Thấy vậy, thay vì thức tỉnh, biết xấu hổ mà sửa mình, có người lại đem hồ sơ, tài liệu đưa lên Internet (như Facebook chẳng hạn); rõ là thiếu ý thức, không biết rằng mình làm trái đạo lý, bôi lem danh Đạo danh Thầy.

<sup>(34)</sup> Câu này ý nói: Dắt dìu nhau thoát xa khỏi biển khổ, tức là giúp

Ngày mai xây dựng pháp quyền  
Ngày nay thời thế tạm yên tu hành  
Hễ là **thượng đức vô tranh** <sup>(35)</sup>  
Lo đường giáo hóa sớm thành cơ quan.<sup>(36)</sup>

(...)

Các thông lệnh cần đòi hỏi để thực hiện, đừng cho chống thánh ý mà phạm hồng ân.

Vậy nếu việc gì về Thiêng Liêng thì phải cầu cho được Giáo Tông mới giải quyết xong mọi việc.

Bước đạo năm nay có phần khó khăn về bên trong và bên ngoài; làm thế nào cũng dung hòa cho được thì toàn đạo mới tránh sự đau khổ chung.

Bản Thánh chào.

---

nhau giải thoát khỏi phiền não trần gian. – **xa khơi** (*the open sea, the sea far from land*): Biển khơi

<sup>(35)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.  
– **thượng đức vô tranh**: Xem *Phụ Đính* cuối bài thánh giáo này.

<sup>(36)</sup> Câu này ý nói: Lo đào tạo để có đủ nhân lực ngõ hầu sớm kết hợp thành một guồng máy hoạt động suôn sẻ, hiệu quả. – **cơ quan** 機關 (*mechanism*): Guồng máy, bộ máy, hệ thống tổ chức.

## PHỤ ĐÍNH: Thượng đức vô tranh

**Thượng đức vô tranh** 上德無爭 (*the most virtuous person does not engage in competition*) nghĩa là bậc đạo đức cao tột không tranh giành, hơn thua với ai. *Thanh Tĩnh Kinh*, 清靜經, chương 5, có câu: *Thượng sĩ vô tranh, hạ sĩ hiếu tranh*. 上士無爭, 下士好爭. (Bậc thượng sĩ không tranh giành, kẻ hạ sĩ ham tranh giành.) *Thượng đức* và *thượng sĩ* nghĩa như nhau.

Điển tích 1: Phí Y 費禕 (quy thiên năm 253) tự là Văn Vĩ 文偉, nên cũng gọi Phí Văn Vĩ. Ông người quận Giang Hạ 江夏 (nay là vùng đông bắc Tín Dương 信陽, tỉnh Hà Nam 河南). Thuở nhỏ sớm mồ côi cha mẹ, ông được bác nuôi dưỡng, sau đến Ích Châu 益州 (nay là Tứ Xuyên 四川) học hành. Khi Lưu Bị 劉備 bình định Ích Châu, ông theo Lưu Bị, dạy thái tử Lưu Thiện 劉禪. Khi Lưu Thiện kế ngôi Lưu Bị, ông được thăng chức thị lang 侍郎. Khi Tưởng Uyển 蔣琬 chấp chính, ông làm quân sư, nắm quyền cao trong triều chính và quân đội. Cuối đời, ông tu tiên, đắc đạo.

Vào năm 765 đời Đường, tích Phí Y cỡi hạc lên tiên được Diêm Bá Lý 閻伯理 chép trong *Hoàng Hạc Lâu Ký* 黃鶴樓記. Theo đó, ông tiên Phí Y thường cỡi hạc vàng đến chơi trên một cái lầu ở phía tây huyện Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc. Lầu ấy vì thế nổi tiếng, gọi là lầu Hoàng Hạc. Vũ Xương ngày nay

thuộc Vũ Hán (địa danh kết hợp từ Vũ Xương, Hán Khẩu, và Hán Dương).

Thôi Hiệu 崔顥 (704-756) là danh sĩ đời Đường đến chơi lầu Hoàng Hạc, cảm tác bài thơ thất ngôn bát cú nhan đề *Hoàng Hạc Lâu* 黃鶴樓 (Lầu Hạc Vàng) nổi tiếng. Có lẽ bài thơ này được chép lại để treo tại lầu.

Truyền thuyết bảo Lý Bạch 李白 (701-762) sau đó ghé chơi lầu Hạc Vàng, thấy cảnh đẹp cũng muốn làm thơ, nhưng rồi thôi, chỉ lưu lại hai câu:

*Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc  
Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu.*

眼前有景道不得 / 崔顥題詩在上頭。

(Trước mắt có cảnh đẹp mà không tả được  
Trên đầu đã có Thôi Hiệu đề thơ rồi.)

Suy niệm: Chẳng phải Lý Bạch bị “khóp” trước bài thơ của Thôi Hiệu nên không thể làm thơ. Thật ra, ngài không muốn tranh tài với nhà thơ cùng thời với ngài. Nếu có thêm bài thơ của Lý Bạch, thì bá tánh ắt lại rộn ràng nhiều sự, lắm lời khen chê so sánh hai bậc thi tài.

Điển tích 2: *Thất Chân Nhân Quả* 七真因果, Hồi Thứ 18, kể rằng Lưu Xứ Huyền 劉處玄 tu luyện ở núi Thái Sơn ba năm, đắc thành chánh quả, xuất hồn lên thượng giới, dự yến Cung Diêu Trì. Ông Lưu thấy phía sau Tây Vương Mẫu có vài mươi tiên nữ cực kỳ xinh đẹp, bèn khởi vọng niệm; vì vậy, ông bị Tây Vương Mẫu quở, đuổi ngay xuống trần.

Hồi Thứ 20 kể thêm rằng ông Lưu quyết lấy sắc trị sắc

(*using sex to deal with sex*), nên giả làm khách phong lưu giàu có, lựa chỗ thanh lâu có gái đẹp hạng nhất ở Hàng Châu, mượn phòng ăn ở lâu ngày trong đó. Ông kiên trì luyện tâm, dù các cô cảm dỗ thế nào cũng một lòng phăng lạng.

Một bữa, tổ sư Bồ Đề Đạt Ma (*Bodhidharma*) vân du ngang qua, thấy nơi chốn ăn chơi trụy lạc lại bốc lên luồng hồng quang điển của bậc chân tu đắc đạo thì ngạc nhiên, bèn tìm tới, bước đại vô phòng ông Lưu, thấy các cô đang lột áo ông ra đùa giỡn mà ông vẫn thản nhiên. Bấy giờ cần pha trà, ông Lưu bảo các cô để bình nước lã lên bụng ông, rồi ông vận hỏa hầu, một lúc sau nước sôi sùng sục. Ông lại bảo các cô nhồi bột, để lên bụng ông, một chốc thì bánh được nướng chín nóng hổi. Thấy vậy, Bồ Đề Đạt Ma khen: “Cái phép của ông rất hay, tôi rồi đây cũng học ông chơi!” Nói xong, liền chấp tay từ biệt.

Tác giả *Thất Chân Nhân Quả* bình luận: *Đạt Ma vốn xem thế giới này là không, muôn việc đều không để tâm. Bình sinh chẳng muốn hơn người, ông có mười phần tu dưỡng, quảng đại từ bi. Nếu gặp người ham vui háo thắng, thấy Lưu Xứ Huyền trở một hai phép như vậy, thì cũng trở vài thuật tranh tài.* (Lê Anh Minh dịch. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, 2013, tr. 173.)

Tóm lại, bậc thượng đức (hay thượng sĩ 上士) vô tranh là người không ham muốn so tài, nên cứ ung dung ngâm nga hai câu ca dao Việt Nam:

*Ai nhất thì tôi thứ nhì*

*Ai mà hơn nữa, tôi thì thứ ba.*

## 6. CƠ HỘI NGÀN NĂM CHỈ MỘT LẦN

*Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 13-3 Canh Tý (Thứ Sáu 08-4-1960)*

Ngã chào chư phật sự.

THI

*BỬU cảnh<sup>(1)</sup> Trung Hưng đẹp quá chừng  
NƯƠNG cơ ta đến buổi mừng xuân  
Giáng thẳng, chỉ dạy đôi câu chuyện  
Đàn nội chị em<sup>(2)</sup> để đỡ nương.<sup>(3)</sup>*

Thật Bản Nương không gì vui sướng bằng hôm nay được thấy chị em dứt bỏ cảnh đời oan tình, thế sự, dẫn bước vào thuyền tế độ của Chí Tôn để tìm về nẻo chánh chơn, thiện mỹ.

Ôi, **cơ hội ngàn năm chỉ một lần!**<sup>(4)</sup> Chỉ có kẻ hữu duyên mới ngộ.<sup>(5)</sup> Mong chư đạo muội cố gắng. Dầu có trải qua bao cơn sóng gió hãi hùng cũng vững chí bền lòng. Đừng nên chán nản. Cái tâm niệm ngày nay ra sao thì tất phải mọi ngày

---

(1) **bửu cảnh** 寶景 (*precious scenery*): Cảnh quý báu.

(2) **đàn nội chị em**: Chị em có mặt tại đàn cơ.

(3) Đức Bảo Thọ Thánh Nương giáng đàn.

(4) Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

(5) **ngộ** 遇 (*encountering*): Gặp.

khác cũng vậy.<sup>(6)</sup>

Các đạo muội những tưởng thoát tục rồi thành Tiên. Rồi đâu<sup>(7)</sup> mà dục vọng! Đức Phật Tổ Như Lai kia mà còn phải trải qua một thời gian sóng gió sáu năm đăng đăng<sup>(8)</sup> mới tìm ra mọi lẽ của Tạo Hóa. Bậc đại đức tu luyện nhiều đời, nhiều kiếp mà còn như thế, huống gì chị em chúng ta trót đã mang cái thân tứ đại nặng nề này, nào sân si, sắc dục, tiền khiên,<sup>(9)</sup> thì để gì một chiều một mai đã giữ sạch.

Ngày nào chị em không còn hờn giận, nóng nảy, đố kỵ, ghét ganh, hạnh bồ tát, tâm bồ đề hiện ra ở lòng của mình, lòng bác ái bao la tràn ngập thì có lo gì không thành công.

Thành công thật khó chị em nhỉ? Bản Nương nói thế có buồn không? Buồn là vô lý lắm.

Một cái cây, muốn thành một vật quý để giúp đời, còn trải qua mưa nắng, gió sương để rồi một ngày đem lõi là một chất cứng cho người dùng không hư mục.

Chị em có hiểu ta nói không? Cũng rất may cho chị em ta gặp buổi Tam Kỳ đại xá của Chí Tôn, chị em chúng ta tu một

---

(6) Người xưa khuyên: *Bất vong sơ tâm, phương đắc thủy chung.* 不忘初心, 方得始終. (*Never forget why you started; then, you can accomplish your mission.*): Không quên tâm nguyện khởi phát lúc ban đầu thì mới được thành tựu trọn vẹn.

(7) **rồi đâu**: Nào đã xong đâu.

(8) **đăng đăng**: Rất lâu dài.

(9) **tiền khiên** 前牽: Nói tắt **nợ tiền khiên** (*unpaid debt in one's former life*). *Tiền* là trước; *khiên* là lôi kéo, vướng vít, ràng buộc, liên lụy. Nợ tiền khiên là nợ do kiếp trước (*former life*) gây nghiệp xấu, qua kiếp này (*this life*) bị nó đòi và phải trả.



kiếp có thể được cứu độ, nếu đủ chí nguyện tâm tu, đức tin trọn vẹn.

Ngày nay con đường giải thoát sẵn sàng đón rước khách lữ hành. Hãy lo đi, đi mau. Đừng dự dự chần chờ. Đừng bỏ qua cơ hội tốt đẹp.

Chị em hãy để tâm cầu nguyện. Cầu nguyện là một pháp môn tu luyện của chị em vậy. Cầu cho mình và cầu cho chị em, cho nhơn loại. Có cầu thì ma chướng<sup>(10)</sup> mới tiêu, nghiệp oan<sup>(11)</sup> mới giải. Mỗi khi cầu nguyện nên kiểm điểm lại thân tâm với những giờ sai quấy, rồi ăn năn mà sửa chữa. Có như thế, mới giao cảm cùng Trời.

Đừng có tâm ích kỷ tổn nhơn.<sup>(12)</sup> Tổn nhơn thì thất đức. Cũng như trong hàng ngũ chị em có người sai kẻ quấy mà cứ điềm nhiên, mặc ai tội lỗi, không đem tình thương mà dắt dìu, khuyên nhủ, thì đã phạm vào sự ích kỷ rồi vậy. Mà hề khuyên nhủ không đúng đường cũng bị thất đức đó vậy. Mình được mà mọi người chung quanh không được thì lòng nhơn của mình còn bị sút mẻ, thì không thành công đó, chớ đạo muội.

## BÀI

*Đường đi có lắm chông gai  
Bền tâm nhẫn nại, ngày mai sẽ thành*

<sup>(10)</sup> **ma chướng** 魔障 (*hindrances to one's self-cultivation*): Những chướng ngại cản trở việc tu hành.

<sup>(11)</sup> **ngiệp oan**: *Oan nghiệp* 冤孽 (*sins*), tội lỗi.

<sup>(12)</sup> **ích kỷ tổn nhơn** (nhân) 益己損人 (*benefiting oneself by harming others*): Mưu lợi cho mình mà làm hại người khác.

*Cuộc đời đầy dẫy hôi tanh  
Đạo màu trần ngập phước lành rưới ban.*

*Đạo màu quý báu hơn vàng  
Người đời mờ ám khó toan kiếm tìm  
Xem qua từ cổ chí kim  
Mấy người đắc ngộ không kiếm chí tâm.<sup>(13)</sup>*

*Chị em cố gắng kiếm tầm  
Đạo là màu nhiệm, cao thâm, bí truyền  
Ai người hữu phước hữu duyên  
Ngày nay mới được chung thuyền cứu nguy.<sup>(14)</sup>*

*Nay sanh giữa buổi Tam Kỳ  
Chúng ta là phận nữ nhi<sup>(15)</sup> gặp thời  
Tiến lên, bớ chị em ơi!  
Tu mau cố sạch cái đời trái oan.*

*Ai còn bận bịu trần gian  
Tâm hồn đen tối bởi màn vô minh<sup>(16)</sup>  
Ai còn mang nặng chữ tình  
Dây oan sẽ buộc vào mình chẳng thôi.*

*Ai còn lắm tiếng nhiều lời  
Thì con ma chướng chiều mơi sẽ gần  
Ai còn nuôi tánh tham sân  
Là con của quỷ, là dân của tà.*

<sup>(13)</sup> Câu này ý nói: Nào có ai không kiếm chí tâm mà đắc ngộ đâu.

<sup>(14)</sup> **chung thuyền cứu nguy**: Cùng một Đạo Thầy để được cứu độ.

<sup>(15)</sup> **nữ nhi** 女兒 (*women*): Phụ nữ.

<sup>(16)</sup> **vô minh** 無明 (*ignorant, unenlightened*): Ngu dốt, tối tăm, không hiểu biết.

Ai người chỉ biết lấy ta  
Là người đã bị quỷ ma buộc ràng  
Ai còn xảo trá, ngược ngang  
Cửa Trời chớ mộng,<sup>(17)</sup> đừng toan lọt vào.

Ai còn có tính tự cao  
Cửa Tiên thanh tịnh, làm sao được về  
Ai còn có tính khen chê  
Thị phi danh lợi, khó bề tu đơn.<sup>(18)</sup>

Đạo mầu là một lẽ chơn  
Chỉ theo đường lối nghĩa hơn mà tâm  
Đạo là quý, để nơi tâm  
Ôn hòa, nhẫn nại, lỗi lầm không vương.

Đạo mầu là một con đường  
Con đường đem lại tình thương cho người  
Đạo mầu đẹp tựa sen tươi  
Như là muôn cái nụ cười trẻ thơ.

Người tu coi tựa đại khờ<sup>(19)</sup>  
Mà lòng chất chứa cả cơ bí truyền  
Không ai rõ được tục Tiên  
Tâm không,<sup>(20)</sup> thanh tịnh, hờn nhiên<sup>(21)</sup> tháng ngày.

Bao nhiêu khổ nhục, vui say  
Trên đường đạo nghĩa bắt tay thân hòa<sup>(22)</sup>  
Tình thương nồng đượm thiết tha  
Tuy người bốn cõi, Mẹ Cha một dòng  
Được vầy Tiên cảnh mới mong.<sup>(23)</sup>

Bản Nương chào chư hiền muội.

<sup>(17)</sup> **Cửa Trời chớ mộng** (*Don't dream of entering the Heaven's gate*): Đừng mộng tưởng tới việc bước vào cửa Trời.

<sup>(18)</sup> **thị phi** 是非 (*right and wrong; praise and criticism*). Đứng và sai; ý nói khen chê. **tu đơn, tu đan** 修丹 (*practising inner self-cultivation*): Công phu, tịnh luyện.

<sup>(19)</sup> **Đại Thừa Chơn Giáo** dạy: Người tu giả đại, giả tâm / Giả đui, giả điếc lo tâm Đạo cao. (15-8 Bính Tý) – Làm như dốt nát đại khờ / Đừng cho kẻ thế rằng ngờ mình tu. (01-9 Bính Tý)

<sup>(20)</sup> **tâm không**: Không tâm 空心 (*a mind of detachment*): Tâm rỗng rang, không vướng bận.

<sup>(21)</sup> **hờn nhiên** 渾然 theo chữ Hán có nghĩa là 完整不可分割 (hoàn chỉnh bất khả phân cắt: *complete and unable to be divided*), tức là toàn vẹn và không thể phân chia hay cắt xẻ. Nhưng người Việt dùng *hờn nhiên* theo nghĩa khác. *Hán Việt Tân Từ Điển* (Sài Gòn: Nxb Khai Trí, 25-4-1974) của Nguyễn Quốc Hùng (1938-2003) giải thích *hờn nhiên* là: “Cứ như thế, không có gì khác cả. Chỉ tính tình giống như lúc trẻ thơ. Vô tư, chân thành.” Vậy, **hờn nhiên** dịch là *innocent*. Cách giải thích của ông Nguyễn gợi nhớ lời Chúa (Lu-ca 18:15-17): *Người ta còn đem cả trẻ thơ đến với Đức Giê-su, để Người đặt tay trên chúng. Thấy vậy, các môn đệ la rầy chúng. Nhưng Đức Giê-su gọi chúng lại mà nói: “Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Thiên Chúa là của những ai giống như chúng. Thầy bảo thật anh em: Ai không đón nhận Nước Thiên Chúa với tâm hồn một trẻ em, thì sẽ chẳng được vào.*

<sup>(22)</sup> **thân hòa** 親和 (*friendly and loving*): Hòa thuận và thương yêu.

<sup>(23)</sup> Làm được như vậy mới mong được vào cảnh Tiên.

## 7. BƯỚC TU THIÊN ĐẠO ĐÂU PHẢI AI TU CŨNG ĐƯỢC

Tu xá Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam)  
ngày 13-3 Canh Tý (Thứ Sáu 08-4-1960)

THI

NGŨ lệnh<sup>(1)</sup> ban ra gắng nhớ lời  
CAO ĐÀI mở Đạo khắp nơi nơi  
ĐẠI đồng thiết lập toan lo trước  
TIỀN Phật muốn thành phải biết thôi.

Chào chư liệt đẳng Thiên ân, chư Thánh môn tu sĩ.<sup>(2)</sup>

Bần Đạo lấy làm băn khoăn trong những phút cuối cùng của cơ khảo thí.<sup>(3)</sup> Rồi đây chẳng biết ai mất ai còn. Phải chi người đã chịu ơn cứu chuộc<sup>(4)</sup> lần này mà cũng một đức tin

(1) **Ngũ lệnh** 吾令 (My command): Lệnh của Ta.

(2) **Thánh môn tu sĩ** 聖門修士: (self-cultivators inside the Holy gate): Người tu học nơi cửa Thánh.

(3) **khảo thí** 考試 (examining sb, testing sb): Cho thi (thử thách) để xét khả năng, trình độ.

(4) **cứu chuộc** (cứu thực 救贖: redeeming sb, redemption): Cứu 救 là cứu nguy, cứu thoát (rescuing sb, saving sb). Chuộc (từ thuần Việt, chữ Nho là thực 贖) nghĩa là đem một món gì ra đánh đổi một hình phạt (lấy công chuộc tội; chữ Nho là tương công thực

thì bước tu đâu phải khó khăn, ma đời<sup>(5)</sup> [đâu] còn quanh quanh ngấn trở.

Đây là nơi phước huệ dành riêng cho hàng Thánh môn đệ tử<sup>(6)</sup> gội tắm điển lành, hầu sạch bợn trần ai; tẩy rửa oan khiên,<sup>(7)</sup> nghiệp chướng;<sup>(8)</sup> để lòng thanh tịnh, an vui trước những cảnh hỗn độn, điêu tàn; có đủ phương tiện cộng sự

---

tội 將功贖罪: redeeming one's crime[s] by meritorious acts). Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, cơ cứu chuộc mở ra khi Đức Giê-su hy sinh trên thập giá, lấy mạng sống của Người làm **giá chuộc** (thực giá 贖價: ransom) cho tội lỗi chúng sinh (xem Mát-thêu 20:28 và Mác-cô 10:45). Trong Tam Kỳ Phổ Độ, cơ cứu chuộc mở ra khi Đức Chí Tôn (Thầy) rời Bạch Ngọc Kinh xuống trần mở đạo Cao Đài với đại nguyện trước Công Đồng Tam Giáo rằng lập Đạo không thành thì Thầy không trở về ngôi vị cũ. *Cứu chuộc và giá chuộc* là thuật ngữ đạo Chúa. (Huệ Khải, *Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 20-29, 37-41.)

(5) **ma đời** (thế ma 世魔: earthly hindrances to self-cultivators): Những chướng ngại trên đời cản trở người tu.

(6) **Thánh môn đệ tử** 聖門弟子 (disciples inside the Holy gate): Học trò nơi cửa Thánh.

(7) **oan khiên** 冤牽 (predestined hostility or debts): Tiền khiên 前牽, những nợ nần, thù oán từ kiếp trước.

(8) **nghiệp chướng** 業障 (karmic obstacle): Chướng ngại, trở ngại phải nhận lãnh do trước kia tạo ra nghiệp xấu. **Điển tích**: *Cūlapanthaka* (Chu Lợi Bàn Đà Ca 周利盤陀迦 hay Chu Lợi Bàn Tha Kiệt 朱臘般他嘎) là một đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca. Trước khi đắc quả A La Hán, ông đần độn đến nỗi học bốn tháng vẫn không thuộc một bài kệ ngắn. Chướng ngại này khiến ông tu hành kém cỏi. Nguyên do, trong tiền kiếp ông rất thông minh, nhưng đã tạo nghiệp xấu khi chế nhạo một thầy tu kém trí nhớ.

trong chương trình tái tạo thế gian, mở đường tận độ.

Chư hiền đồ vì nặng nghiệp, không kiềm chế nổi lòng thị dục,<sup>(9)</sup> để cho ma quỷ thừa thế tung hoành, làm cho quyền đạo yếu mòn, pháp tu đen tối, sống trong chuỗi ngày buồn khổ lo toan. Thật là một phút dễ duôi,<sup>(10)</sup> trọn đời ân hận.

Giờ này, Bần Đạo đến nhắc lại cho toàn chư tu sĩ nhớ lấy lời giao ước <sup>(11)</sup> giữa mình và Thiêng Liêng mà trở về cùng

---

<sup>(9)</sup> **thị dục** 嗜慾 (*inferior desire*): Ham muốn thấp hèn.

<sup>(10)</sup> **dễ duôi** (*disregarding sth*): Xem thường, coi nhẹ.

<sup>(11)</sup> **giao ước** 交約 (*testament, covenant, contract, agreement*): Những quy định (cam kết) về quyền lợi và trách nhiệm giữa hai bên để hai bên căn cứ theo đó thực hiện. Giao ước cũng là *minh ước* 盟約 (*an oath between two parties*), lời thề giữa hai bên. **Đối chiếu**: 1/ Kinh Thánh gồm hai phần là Cựu Ước 舊約 (*the Old Testament*) và Tân Ước 新約 (*the New Testament*). a/ Cựu Ước là giao ước thời **Nhất Kỳ Phổ Độ**, khi Đức Thượng Đế chọn một người dân du mục chín mươi chín tuổi, đặt tên ông là Áp-ra-ham (*Abraham*), cho ông làm cha của nhiều dân tộc (*the father of many nations*), và dạy ông: *Ta sẽ lập giao ước của Ta giữa Ta với ngươi và với dòng dõi ngươi sau này, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Đây sẽ là giao ước vĩnh cửu, do đó Ta sẽ là Thiên Chúa của ngươi và của dòng dõi ngươi sau này. (...) Phần ngươi, hãy giữ giao ước của Ta, ngươi và dòng dõi ngươi sau này, từ thế hệ này qua thế hệ khác.* (Sáng Thế 17:7,9) – *I will establish my covenant as an everlasting covenant between Me and you and your descendants after you for the generations to come, to be your God and the God of your descendants after you. (...) As for you, you must keep my covenant, you and your descendants after you for the generations to come.* Đến thời Mô-sê (Moses) làm trung gian giữa Trời và người, ông lập lại giao ước này khi lấy máu con vật hiến tế rảy lên dân chúng và nói: *Đây là máu giao ước Đức Chúa*

đạo pháp. Được vậy thì sự cứu chuộc Bần Đạo sẵn sàng đưa tay dịu dặt đến nơi tùy theo sở nguyện.<sup>(12)</sup>

Chư tu sĩ đã phạm hồng ân, bội tín <sup>(13)</sup> cùng mình, thì làm sao đi đến nơi về đến chốn. Một việc làm quá sức mình nếu không cố gắng rất nhiều và nhờ ở Thiêng Liêng thì sao dễ dàng đạt thành Phật quả.

**Bước tu Thiêng Đạo đâu phải ai tu cũng được.**<sup>(14)</sup> Trong muôn có một, người ấy mới đủ sức làm được những việc anh hùng, vất vả lợi danh ham muốn, xô ngã bao nhiêu trở ngại khó khăn, đặt nguyện lực <sup>(15)</sup> lên trên, một lòng mạnh tiến.

---

*đã lập với anh em ... (Xuất Hành 24:8) – This is the blood of the covenant that the Lord has made with you ...* b/ Tân Ước là giao ước thời **Nhị Kỳ Phổ Độ**, giữa Đức Thượng Đế và con người qua trung gian Chúa Giê-su Ki-tô. Giao ước được lập khi Chúa cầm chén trong buổi Tiệc Ly và bảo các tông đồ: *Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu giao ước, đổ ra cho muôn người được tha tội.* (Mát-thêu 26:27-28) – *Drink from it, all of you. This is my blood of the covenant, which is poured out for many for the forgiveness of sins.* 2/ Sang **Tam Kỳ Phổ Độ**, Đức Thượng Đế lập giao ước cứu độ con người khi đại nguyện trước Công Đồng Tam Giáo rằng nếu cứu độ Lã Ba không thành, *Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.* (Đại Thừa Chơn Giáo, 1936, bài *Chỉ Ý Thuyết Minh*)

<sup>(12)</sup> **sở nguyện** 所願 (*one's wish, one's expectation*): Mong ước của mình.

<sup>(13)</sup> **bội tín** 背信 (*breaking a promise*): Không giữ lời hứa.

<sup>(14)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(15)</sup> **nguyện lực** 願力 (*vow power*): Sức mạnh của lời thề nguyện. Người tu nhờ lập nguyện, phát nguyện mà thành đạo. Người xưa nói: *Vô nguyện bất thành Phật dữ Tiên; Phật Tiên vô nguyện bất điều hiền.* 無愿不成佛與仙; 佛仙無愿不調賢. (Người không lập nguyện chẳng thành Phật Tiên; Phật Tiên chẳng độ người không

Nên chư tu sĩ đây làm sao có cái gan, cái chí anh hùng kia để thắng tất cả mọi trở ngại,<sup>(16)</sup> để theo cùng Bần Đạo. Theo Bần Đạo có khó gì. Đường đi rất êm đềm mát mẻ. Đường ấy ở lòng thanh tịnh. Sở dĩ chư tu sĩ gặp bước khó khăn là tại lướng vương ái ân, quần quanh trong danh lợi.

Tóm lại, việc tu là phải nhất thành,<sup>(17)</sup> xả thân cầu đạo<sup>(18)</sup> thì mọi sự dễ dàng. Được vậy, Bần Đạo mới nhận làm đệ tử.

Phước Huệ Đàn thành lập là cửa thiên đạo<sup>(19)</sup> mở ra. Lễ tất nhiên trong bước đầu có nhiều trở ngại. Trở ngại ấy bởi một sự thử lòng. Mà Thầy cũng cho phép ma quỷ đặt các thầy ma trên đầu con đường vào nơi Thánh vực.<sup>(20)</sup>

---

lập nguyện.) Sinh thời, tiền khai Ngô Minh Chiêu có dịch bốn lời đại nguyện của các bậc cổ đức thành lục bát như sau: *Một là sanh chúng hằng hà / Dốc lòng cứu vớt, lòng ta thề nguyện / Hai là phiền não nối chuyền / Thề nguyện đoạn tuyệt như thuyền ra khơi / Ba là chí học chiêu mời / Phép mâu sâu nhiệm, thánh thời có ngày / Bốn là Phật Đạo công dày / Nguyện thành chánh quả kíp tay chí ta.* (Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ/ Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn/ Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học/ Phật Đạo vô thượng, thệ nguyện thành. 眾生無邊誓願度 / 煩惱無盡誓願斷 / 法門無量誓願學 / 佛道無上誓願成.)

<sup>(16)</sup> **trở ngại** (*severe obstacle*): Trở ngại gay go, khó vượt qua.

<sup>(17)</sup> **nhất thành** 一誠 (*absolutely sincere*): Một lòng thành thật.

<sup>(18)</sup> **xả thân cầu đạo** 捨身求道 (*abandoning one's body in searching for the dao, i.e., dharma*): Bỏ mình cầu đạo; quên cả bản thân để cầu học pháp môn.

<sup>(19)</sup> **thiên đạo** 天道 (*the heavenly way*): Con đường nội tu tịnh luyện (*the way of inner self-cultivation*) để giải thoát, cũng gọi *thiên đạo đại thừa, thiên đạo giải thoát*.

<sup>(20)</sup> Câu này ý nói: Để được thành đạo, người tu phải chấp nhận

Ai là người đã hứa, có đủ can đảm bảo vệ sự giao ước cho đến cùng?

Rồi đây công việc của ma quỷ còn làm nhiều điều ghê sợ hơn và [khiến người] dễ ngã lòng trước bao thuận cảnh.<sup>(21)</sup>

Phước Huệ Đàn nhà tu thiết lập. Bần Đạo đã hứa. Mọi việc nói ra cùng chư hiền đồ sẽ làm trọn nay mai. Hứa cứu phần hồn và tạo cho mọi người có chí tu tâm giải thoát được ngồi trên thiên vị<sup>(22)</sup> xứng đáng.

Có một điều gần đây, nó sẽ đập vào lòng các hiền một tin buồn dữ dội. Nhưng các hiền đồ cứ tin mọi sự ấy Thầy cho. Mất đi một tình thiêng liêng là đem lại bao điều thánh khiết. Tình ấy kết nên vô lượng pháp môn.<sup>(23)</sup> Thầy và Bần Đạo tận tâm xây nên hạnh phúc cho nó.

Một Hội Thánh Trung Hưng đã đứng dậy. Các hiền đồ còn nhớ sứ mạng vừa trao ban thì nhị vị đại Thiên ân trong Hội Thánh là bạn yêu của toàn đạo phải lia thể,<sup>(24)</sup> đổi một giá

---

những khảo thí rất dữ dằn, có thể mất mạng sống mà không sợ. – **Thánh vực, Thánh vực** 聖域 (*the Holy realm*): Cõi Thánh.

<sup>(21)</sup> Thuận cảnh rất dễ khiến người tu thất bại nên gọi là khảo thuận. Thí dụ, công danh thăng tiến mau lẹ, tài lộc dồi dào dễ dàng, v.v... Chúng làm người tu mất cảnh giác, sập bẫy và say đắm mùi đời bá tục. Dân gian nói: “Khảo thuận mới dễ dờ dang anh hùng.”

<sup>(22)</sup> **thiên vị** 天位 (*heavenly position*): Chỗ (vị trí) trên cõi trời.

<sup>(23)</sup> **vô lượng pháp môn** 無量法門 (*infinite dharma methods*): Vô số pháp môn, cùng nghĩa *bát vạn tứ thiên pháp môn* 八萬四千法門 (tám vạn bốn ngàn pháp môn).

<sup>(24)</sup> Hai vị đại Thiên ân này là: a/ Thượng Giáo Sư Trần Nguyên Chí

[chúch] rất nên xứng đáng.

Đây là việc sắp đặt trở lại, theo lời đã cầu xin. Bản Đạo y cho.

Một là chư tu sĩ đứng trên địa hạt giải thoát để giải quyết vấn đề tương quan với giáo quyền và xã hội.

Tương quan đây là trong lúc cần để gây kết thêm các duyên lành, báo bổ ơn giáo hóa dựng xây của Hội Thánh để công được đầy, quả được trọn. Thìn lòng<sup>(25)</sup> trước mọi cám dỗ để tỏ ra một tu sĩ đã chiến thắng ngang tàng, không hề động tâm lưu luyến.

Tương quan giữa gia đình em chị trong nhà tu để bảo trợ về đời sống hay tinh thần, xây dựng nhau để trở nên ai cũng có đủ phương tiện tạo Tiên tác Phật. Nhất là phải tôn quyền trọng pháp,<sup>(26)</sup> luôn luôn tụng đọc lời hồng thệ, nhắc nhở mãi ở lòng mình, rèn đúc một đức tin làm khí giới đánh bại cả những quyền pháp nào xúi bả ta quên phần công phu tu học.

---

sinh năm 1914, quy thiên đêm Giáng Sinh (Thứ Ba 24-12-1957, tức 04-11 Đinh Dậu). Ngài đắc quả *Trung Đẳng Huyền Cơ Chương Pháp Hộ Đạo Thiên Quân* 中等玄機掌法護道天君, hay *Bảo Nguơn Khai Huyền Cơ Tuyển Tiên* 保元開玄機選仙, cũng là *Bảo Nguơn Chơn Tiên* 保元真仙. b/ Thái Giáo Sư Nguyễn Đán (Nguyễn Như Sơ) sinh năm 1905, quy thiên ngày Thứ Tư 26-02-1958 (09-01 Mậu Tuất). Ngài đắc quả *Nhất Phẩm Nhị Thừa Hoan Hỷ Chơn Quân* 一品二乘歡喜真君.

<sup>(25)</sup> **thìn lòng** (*controlling one's temper*): Giữ gìn tánh tình cho điềm thắm, nét na.

<sup>(26)</sup> **tôn quyền trọng pháp** (*respecting the dharma power*): Tôn trọng quyền pháp (*tôn trọng pháp quyền* 尊重法權).

Trong các mối tương quan, điều đáng lo là sống bằng hư danh và bần bè với khôn ngoan lý trí.<sup>(27)</sup> Người tu, danh đã ư, lợi đã muốn, thì cửa Bạch Ngọc khó vào.

(...)

Vậy ra hành đạo bằng lối nào cũng giữ vui với sứ mạng, làm tròn nhiệm vụ, đừng để duôi mà mất nét, Thần Thánh khó gần.

Ngày 8 tháng 4 tới đây, lời hứa cho các tu sĩ ra trường, tùy sự phân công của Hội Thánh. Ở đâu, ai làm gì, việc ấy tùy đó.

Có một điều, ai đi ra, ai ở nhà đều gìn giữ lấy con người giải thoát. Luôn luôn bốn thời công phu. Đi đứng ngồi nằm<sup>(28)</sup> đều theo pháp đạo.

Nếu bởi chế độ nhà tu, không chịu được nổi khổ hạnh, xin về ở nhà riêng, thì ở nhà riêng sống với cha mẹ, anh em cũng giữ y quyền pháp đã định.

Tóm lại, tu theo pháp đạo của Bản Đạo, không luận có

---

<sup>(27)</sup> **bần bè với khôn ngoan lý trí**: Nghĩa là tin tưởng vào óc khôn ngoan theo lý trí thế gian. Trong *Thư 1 Cô-rin-tô* (3:18-19), Thánh tông đồ Phao-lô cảnh báo: *Nếu trong anh em có ai tự cho mình là khôn ngoan theo thói đời, thì hãy trở nên như điên rồ, để được khôn ngoan thật. Vì sự khôn ngoan đời này là sự điên rồ trước mặt Thiên Chúa. – If any of you think you are wise by the standards of this age, you should become fools so that you may become wise. For the wisdom of this world is foolishness in God's sight.*

<sup>(28)</sup> **đi đứng ngồi nằm** (*hành trụ tọa ngọa* 行住坐臥: *walking, standing, sitting, lying*): Là bốn oai nghi 四威儀 (*four respecting forms of demeanour*) của người tu sĩ.

đoàn thể hay chưa vào đoàn thể, làm sao tu được là được. Mọi việc phải qua một sự tuyển trạch bằng vô hình và bằng hữu hình dưới lệnh được cáo chọn.<sup>(29)</sup>

Đây, theo lời Giáo Tông Lý Đại Tiên, cần xây dựng một Hội Thánh Nữ Phái có quyền pháp để dìu dắt nữ phái ngày mai, để nữ phái thành hình một đời sống lành mạnh, bình đẳng trong pháp môn tận độ. Mà muốn có một Hội Thánh lành mạnh thì nhất là phải có con người tu, người tu trong pháp môn giải thoát. Chọn con người ấy để làm những việc quyền pháp sứ mạng.

Người ấy là người của Giáo Hội, không dính líu gì với gia đình chồng con, tính toán danh lợi. Người tu sĩ đã có lòng thanh tịnh, nguội lòng ái ân nhục dục, để mọi việc bởi bàn tay thanh khiết xây nên thì việc ấy mới trở thành vô lậu<sup>(30)</sup> chân tướng, và người mới có đủ tư cách lãnh một chức trách Thiên ân làm đầu trong phái nữ. Vậy muốn có Hội Thánh Nữ Phái, trước là phải có nhà tu để tuyển thâu người đi trên con đường thiên đạo.

Vào nhà tu để tập khổ hạnh, để khép mình theo khuôn phép nhà đạo, để chờ một sự tiến cử vào Phước Huệ Đàn thọ

---

<sup>(29)</sup> **cáo chọn** (*examining to select sb*): Khảo tuyển 考選, xem xét để chọn lựa.

<sup>(30)</sup> **vô lậu** 無漏 (*immortal, exempt from death*): Lậu là rò rỉ (*lậu tiết* 漏泄: *leaking*), ám chỉ phiền não 煩惱 (*distress*). Vì phiền não mà quần quanh trong vòng luân hồi sống chết, đó là hữu lậu 有漏 (*mortal, subject to death*). Không phiền não và thoát khỏi vòng luân hồi sống chết, đó là vô lậu. Vô lậu còn có nghĩa là thuần khiết (*pure*), không ham muốn (*passionless*).

pháp, ra trường học phần giáo lý. Xem xét trong một năm đủ tư cách đạo hạnh, cho về các tu xá tĩnh đạo hướng dẫn chị em. Số ấy đã cao hơn trình độ số người trong tu xá.

Một số khác, hơn về đạo hạnh cũng như năng khiếu, cần ở lại học tu một năm thứ hai để năm thứ ba ra hành đạo. Năm thứ nhất lại vào. Cứ luân chuyển như thế. Thời gian chín năm là đủ số người cung phụng cho Giáo Hội.

Nhưng chương trình trên đây bị mẻ,<sup>(31)</sup> cơ khảo thí còn dày, chư tu sĩ liệu làm sao tùy ý.

Bần Đạo dặn một điều: Bất cứ người tu sĩ làm gì, ở đâu, sống như thế nào, cũng đặt vấn đề công phu tu học lên trước, chớ đừng đặt cái gì trước nữa. Đặt công phu lên trước để đảm bảo cho lời nói, cho việc làm, cho con người không bị rẻ rúng.

Nếu toàn bộ Hội Thánh cũng như dòng tu Bảo Thọ này đồng ý theo lời Bần Đạo thì quyền pháp sẽ trả lại cho, mọi việc trở nên bình yên, đường thông công được nổi. Bằng không, nguyện lực cá nhân tu sĩ nào giữ đúng hồng thệ thì đi thẳng, có người Bần Đạo cho đến dìu dắt.

Còn tu sĩ nào muốn tạm ngừng [một] thời gian, [sau] năm mười năm sẽ sám hối cầu đạo. Bần Đạo cho phép rút lời thề. Mà cấm từ đây trở đến ngày sám hối cầu đạo không phạm mười lời răn<sup>(32)</sup> và năm giới, ba quy đã ấn định.

---

<sup>(31)</sup> **bị mẻ** (*defective, imperfect*): Bị sút mẻ, chưa hỏng hết nhưng không hoàn hảo.

<sup>(32)</sup> **mười lời răn** (*thập thanh điều* 十清條: *ten purity clauses*): Đức Ngô Minh Chiêu dạy môn sanh tu theo pháp môn Ngài truyền

Vị nào muốn trở về với thế đạo, nhờ Hội Thánh và toàn thể nhân sinh cầu xin chư Thần Thánh tha tội. Tịnh đường làm lễ xả giới và trước buộc giữ kín bí quyết. Nếu lậu Thiên cơ phải chịu Thiên khiển lôi tru,<sup>(33)</sup> vĩnh kiếp A Tỳ.<sup>(34)</sup> Đừng trách sao không dặn trước.

Về Phước Huệ Đàn, tu sĩ đã phạm lời răn, trái hồng thệ, phạm giới tu thì nên ăn năn sám hối để toàn bộ khỏi bị khảo lấy. Tu sĩ nào trái quyền pháp nên giữ danh,<sup>(35)</sup> đừng để mang tiếng trong dòng tu.

Vậy báo tin cho các hiền đồ hay công việc Phước Huệ Đàn. Nếu dòng tu Bảo Thọ được đứng vững trên địa hạt giải thoát thì Phước Huệ Đàn vẫn giữ nguyên, chờ một ngày quyền pháp trọn vẹn sẽ mở đường tận độ. (...)

Hôm nay, Bần Đạo chỉ đến ban ơn, nhắc lại việc tu hành. Chư hiền đồ nhớ đừng trái hồng thệ là điều Bần Đạo vui mừng nguyện độ.

---

phải giữ mười điều như sau: *Một khuyên giảm khẩu bớ con / Hai khuyên chánh kỹ cho tròn hóa nhơn / Ba khuyên giảm tánh giận hờn / Bốn khuyên giữ lễ chớ lờn oai Tiên / Năm khuyên kính mến người hiền / Bảy khuyên học chữ từ bi / Tám khuyên hành đạo kíp kỳ Long Hoa / Chín khuyên suy xét gần xa / Mười khuyên lập nết ôn hòa độ dân.*

<sup>(33)</sup> **Thiên khiển lôi tru** 天遣雷誅 (*Heaven orders death by thunder strike*): Trời khiển sét đánh chết.

<sup>(34)</sup> **A Tỳ** 阿毘 (*avīci*): Cũng gọi *Vô Gián Địa Ngục* 無間地獄 (*the Hell of Unintermitted Punishment*), là nơi tội nhân bị trừng phạt không hề gián đoạn và không có ngày được thoát khỏi tù.

<sup>(35)</sup> **giữ danh** (*deleting a name*): Bỏ tên ra khỏi danh sách, tức không còn là người của dòng tu.

Có một điều, chư hiền đồ đặt đức tin thì mọi việc bình yên. Có đức tin thì quyền pháp linh nghiệm. Mọi việc gần đây bị thay đổi, nhưng dầu người hay Trời phải thay đổi mà lòng tu của tu sĩ vẫn được thanh tịnh. Ở cảnh ngộ nào, lòng tu sĩ vẫn vô ngại. Tu là trước vạn sự đều đặt [đức tin] vào đó làm trụ cột thì được vững chắc.

(...)

Mọi việc của Hội Thánh phải có một phần thay đổi. Dù sao,<sup>(36)</sup> các hiền tin ở Bần Đạo. Dù sao, cũng yên tâm. Chi chi cũng có Thầy trong đó. Phải vui nghe thánh ý trong lúc khảo thí này. Nói chung, có tu là sung sướng hơn cả. Mà tu được trong hồi khảo thí lại đón nhiều huyền cơ.<sup>(37)</sup>

Vậy các hiền tu sẽ thành công trong sứ mạng và tiếp [tục] sứ mạng ngày mai. Nếu ngày này các hiền không tu được thì ngày mai các hiền cũng không ra gì và mọi việc có ra gì.

(...) Nếu chân tu và đạo đức thì cùng với chân tu và đạo đức làm bạn thân yêu vậy. Bạn ấy là Thần Thánh. Mong các hiền làm Thần Thánh. Mà làm Thần Thánh, đừng chấp kẻ phạm phu. Đã chấp kẻ phạm phu, làm sao làm được Thần Thánh. Nên người Thần Thánh chỉ chấp điều của Thần Thánh mà thôi.

Vậy đồng ý cho Bùi Thị Ngàn về, gọi là Thanh Phong Thần Nữ.

Bần Đạo ban ơn và xin hứa diu dắt. Bần Đạo thăng.

---

<sup>(36)</sup> **dù sao** (*if any happens*): Dầu có (nếu có) việc gì chẳng nữa.

<sup>(37)</sup> **huyền cơ** 玄機 (*mysterious principles*): Cơ mầu, những nguyên lý mầu nhiệm. Đồng nghĩa với *Thiên ý* 天意, *Thiên cơ* 天機.



## 8. HẰNG GIỮ CÔNG PHU TU LUYỆN CẦU CHỨNG TIÊN ĐƠN

Tu xá Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam)  
ngày 14-3 Canh Tý (Thứ Bảy 09-4-1960)

THI

*BẢO* nhau thành thật mến yêu nhau  
*THỌ* pháp rồi lo gắng luyện trau  
*THÁNH* vực <sup>(1)</sup> có ngày chung một cõi  
*NƯƠng* Thầy nương bạn trước hiền sau.<sup>(2)</sup>

Chào chư quý hiền đẳng Thiên ân. Chào chị em thân mến.

Giờ này Bản Nương đến cùng chị em nhắc lại một lần nữa:  
Đã giao ước trong tình Linh Sơn quyền pháp,<sup>(3)</sup> phải chân

<sup>(1)</sup> **Thánh vực, Thánh vực** 聖域 (*the Holy realm*): Cõi Thánh, miền đất Thánh, cõi thượng giới, cõi thiêng liêng hằng sống.

<sup>(2)</sup> **bạn trước hiền sau** (*good friends around*): Bạn hiền (bạn đồng tu) chung quanh.

<sup>(3)</sup> **Linh Sơn** 靈山 (*Spiritual Vulture Peak*): Núi Linh Thú 靈鷲山 (*thúu*: chim kên kên; *vulture*). Trên núi này Đức Phật Thích Ca đã thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa 妙法蓮華經, gọi tắt là kinh Pháp Hoa 法華經. Những ai có mặt nghe pháp lúc ấy là những người dự hội Linh Sơn (*Linh Sơn hội thượng nhân* 靈山會上人: *people attending the assembly on Spiritual Vulture Peak*).

Người tu thường gọi tình bạn đạo thân thiết là tình Linh Sơn

thật xây dựng, thúc đẩy lẫn nhau, cùng khổ cùng vui, không vì một lý do nào mà gây nên bất bình để nhiều đau khổ cho Đoàn,<sup>(4)</sup> cho bạn.

Gây nên đây không phải ấu đả nhau, mà bằng nhiều hình thức ở mình hay ở hoàn cảnh xui nên. Lòng không tự chủ, một cử chỉ không khéo léo, một ý thức sa đọa cũng để cho tổ chức tai tiếng không lành.

Vậy, chị em từ nay muốn sống yên lành trong Thượng Đế phải vui nghe quyền pháp và bao lời giáo hóa của Tôn Sư <sup>(5)</sup>

---

cốt nhục. *Cốt nhục* 骨肉 là xương thịt (người Anh gọi là máu thịt: *flesh and blood*), nghĩa bóng là tình máu mủ (*blood relationship*) cùng cha cùng mẹ rất mực thân thiết (*nearest and dearest*).

Khi người tu nói tới tình Linh Sơn cốt nhục, hoặc nói tắt là tình Linh Sơn, ngụ ý rằng chúng ta đâu phải mới gặp nhau, mới biết nhau kiếp này; đứng ra, xa xưa trong nhiều kiếp, chúng ta đã cùng dự hội Linh Sơn, cùng nghe Đức Thế Tôn giảng kinh Pháp Hoa.

Sâu xa hơn, khi nhắc nhau tình Linh Sơn tức là ngụ ý hãy giữ cho tâm chúng ta gần gũi nhau trong đạo mạch thiêng liêng, vì diệu để cùng thương nhau, hiểu nhau, cảm thông nhau, bảo bọc nhau, quyết không để lòng phàm tánh tục đồng đạo chúng ta.

Trong thánh giáo này, Đức Bảo Thọ Thánh Nương nói *tình Linh Sơn quyền pháp* tức nhấn mạnh rằng đây là quyền pháp (*dharma power*) áp dụng giữa bạn tu đồng Đạo đồng Thầy đồng trách nhiệm, không phải nhằm cai trị nhau mà nhằm yêu thương, che chở, bảo bọc cho nhau cùng vững vàng và tiến bộ trên đường dài cầu tìm giải thoát vốn quá nhiều thử thách (khảo thí) dữ dằn.

<sup>(4)</sup> Nói đủ là *Nữ Đoàn Giải Thoát* được Ôn Trên ban lệnh thành lập năm 1955. Tu xá Phước Huệ Đàn cho Nữ Đoàn được thành lập năm 1959.

<sup>(5)</sup> Đức Đại Tiên Ngô Minh Chiếu.

thì cơ khảo thí<sup>(6)</sup> dần dần thối nhượng<sup>(7)</sup> cho bước tu tự do tiến thủ.<sup>(8)</sup>

Từ đây, dù chị em còn ở trong nhà tu hay về với quê hương yêu dấu thân mến, cũng đĩnh ninh<sup>(9)</sup> ghi nhớ ở lòng, **hàng giữ công phu tu luyện, cầu chứng Tiên đơn**.<sup>(10)</sup> Dù hoàn cảnh gây nên bao chuyện éo le cũng tự nhủ lấy lòng mình để cho lòng thanh tịnh, thanh cao, thanh bạch. Không vì một có gì mà phạm trái hồng ân, sai hồng thệ,<sup>(11)</sup> sa vào lời răn cấm, khổ nhục suốt đời.

Chị em nghe tôi, mọi việc tin ở Thầy, không lo đỏi lo thua, lo thương lo ghét.

---

<sup>(6)</sup> **khảo thí** 考試 (*examining, testing*): Cho thi (thử thách) để xét khả năng, trình độ.

<sup>(7)</sup> **thối nhượng** 退讓 (*conceding*): Chịu lùi lại để nhường chỗ.

<sup>(8)</sup> **tiến thủ** 進取 (*moving forward to grasp the success*): Tiến lên để nắm lấy thành công.

<sup>(9)</sup> **đĩnh ninh** (*kiên định 堅定: steadfast*): Trước sau như một, không thay lòng đổi dạ.

<sup>(10)</sup> **Tiên đơn, Tiên đan** 仙丹 (*immortal elixir*): Thuốc Tiên giúp trường sinh bất tử, ám chỉ kết quả công phu tu luyện. Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(11)</sup> **hồng thệ** 洪誓 (*solemn pledge*): Lời thề rất hệ trọng. Dân gian nói là “thề độc”. Chẳng hạn, lời hồng thệ khi nhập môn: *Từ nay biết một Đức Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp cùng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục. Hồng thệ của môn sanh đạo Minh Sư: Nhược hữu nhị tâm, song nhãn lạc địa, thân hóa膿血, 天遣雷誅.* (Nếu như có hai lòng, hai mắt rớt xuống đất, thân xác hóa ra mủ máu, Trời cho sét đánh chết.)

Bây giờ Bản Nương chịu lệnh Tôn Sư đến cung Tây [Vương] Mẫu rước hồn Thanh Phong Thần Nữ nhập đàn<sup>(12)</sup> để hòa lẫn tình thương, tinh thần giao cảm nhau trong khối tình linh sơn quyền pháp.

(...)

### TIẾP ĐIỂN

#### THI

*BUI* ngùi nhớ lại chị em xưa

*THỊ* hiện<sup>(13)</sup> gần nhau dạ mới vừa

*NGÂN* dậm để chi quên mấy chị

*MỪNG* mừng tủi tủi mấy lời thưa.

Chị ôi, em ôi, mấy bạn ôi! Buồn không? Thương mến nhau không? Chi đâu mà nó bắt bận ở lòng mình. Nhớ những lúc cùng học cùng tu, cùng chơi cùng làm. Với nó phảng phất bao nhiêu hình bóng của nhau. Mà chính thật ra em đây đã về cảnh bên kia nó cũng còn vương vấn mãi. Tôn Sư quả trách luôn ngày. Ôi lòng phàm cũng còn mang theo một ít. Hôm nay cũng bớt nhớ bớt thương, bớt lòng lo nghĩ băng quơ rồi đó mấy chị, mấy bạn ạ!

Tuy đã biết mọi việc mọi sự ở trên đời đều giả tạm, nghe được thấy được đâu phải là vật trường tồn, mà chính là ảo vọng gây nên. Chính đã biết cái thân của mình là nợ mà cũng không sao quên được.

Chị em ôi! Cũng vì nó, vì mình chiều chuộng nó quá, quý

---

<sup>(12)</sup> Xem cuối bài 7: *Bước Tu Thiên Đạo Đâu Phải Ai Tu Cũng Được.*

<sup>(13)</sup> **thị hiện** 示現 (*appearing*): Xuất hiện.

yêu nó mà mình phạm phải tội khiên,<sup>(14)</sup> xa Thầy bỏ bạn. Tôi đã biết vì nó mà liên tiếp mấy kiếp luân hồi, vì nó mà bó buộc tôi trong vòng khổ lụy.

Tới khi được thọ truyền chánh pháp, lòng tôi cương quyết tu trì. Thế rồi nó xui nó dỗ, nó phỉnh nó phờ.<sup>(15)</sup> Lòng tôi sợ bạn sợ Thầy, quyết chống quyết tiến, quyết trừ bức bách, xô xát giữa ý thức và tâm hồn, mà nó cũng vậy <sup>(16)</sup> cả nghiệp lực chống lòng tôi, quyết không cho tôi được toàn vẹn, phải lâm vào bệnh điên. Tưởng thế là rồi đời tu học.

Nhưng Thầy thương ở lòng tôi. Thầy quyết độ tôi. Tôi được sớm chiều Thầy. Tuy quả tu còn non, vị tu còn thấp mà cũng được sung sướng, sớm đạo Tây vức,<sup>(17)</sup> chiều lại Bồng Lai,<sup>(18)</sup> khi chơi động Tiên, lúc về non Thánh. Cảnh được nhàn, không gì bó buộc.

Nhớ lại chị em còn ở dưới trần, sống một ngày là một ngày khổ. Thiếu ăn thiếu mặc, thiếu an ủi dạy khuyên, mà còn phải ngày ngày trong cơ khảo thí. Chuyện có làm không, chuyện không sinh ra có. Tà chánh khó phân, Phật ma đâu rõ.

Chị em chắc cũng buồn buồn. Một đôi lần tôi ghé về, thấy chị em đương rầu rầu phát khóc. Tôi thương lắm.

---

<sup>(14)</sup> **tội khiên** 罪愆: Tội (*sins*); khiên (*faults*) là lỗi lầm. *Tội khiên* đồng nghĩa *tội quá* 罪過 (tội lỗi).

<sup>(15)</sup> **phỉnh, phỉnh phờ** (*coaxing*): Nói khéo, dỗ ngọt cho người ta thích để lừa dối họ.

<sup>(16)</sup> **vây** (*gathering*): Gom lại, tụ lại, nhóm họp lại.

<sup>(17)</sup> **Tây vức, Tây vục** 西域 (*the Western realm*): Cõi phương Tây, cõi Phật.

<sup>(18)</sup> **Bồng Lai** 蓬萊 (*the abode of immortals*): Cảnh Tiên, cõi Tiên.

Thế mà thôi đi, mấy chị ạ! Có buồn làm chi, lo làm chi. Mọi việc ở Thầy. Thân này đã hiến trọn cho quyền năng Thượng Đế thì thân đâu phải còn chủ quyền của ta mà tính lợi tính hơn. Bởi chị em ta nghĩ cái thân rồi lo cho thân mà gây nên khó khăn cho bước đạo.

Nghe Thầy, mọi việc đều tin vào quyền năng. Lo tu lo luyện, giữ thanh tịnh để đón huyền cơ.<sup>(19)</sup>

Vậy kính chúc Hội Thánh thành công trên sứ mạng. Chúc chị em sống mãi ở lòng Thượng Đế yêu thương, và gởi ít lời về thăm quê hương, thân phụ, thân mẫu.

Chào chị em thân mến.

---

<sup>(19)</sup> **huyền cơ** 玄機 (*mysterious principles*): Cơ mầu, những nguyên lý mầu nhiệm. Đồng nghĩa với *Thiên ý* 天意, *Thiên cơ* 天機.

*Cơ* 機 (*minute sign*) nghĩa là dấu hiệu nhỏ nhất, điềm mới khởi, triệu chứng mới vừa xuất hiện. *Huyền* 玄 là ảo diệu, sâu xa, rất khó nhận ra, rất khó nắm bắt (*mysterious*). *Huyền cơ* là dấu hiệu rất kín nhiệm mà Trời hé lộ cho người Thiên ân sứ mạng tìm hiểu để kịp thời *kiến cơ nhi tác* 見幾而作 (nhìn ra dấu hiệu kín nhiệm mà hành động đúng lúc, không bỏ mất cơ hội).

*Luận Ngữ* (7:8) chép rằng ngày xưa Đức Khổng Tử dạy học trò hình vuông thì chỉ nêu lên một góc (*cử nhất ngung* 舉一隅), học trò phải suy ra ba góc còn lại (*dĩ tam ngung phản* 以三隅反). Khi hé lộ *huyền cơ*, Trời chỉ nói mí mí, chẳng khác gì Đức Khổng *cử nhất ngung*. Người hướng đạo, bậc Thiên ân sứ mạng nếu tâm không thanh tịnh, bị chi phối bởi thứ này hay thứ khác thì khó mong *đón nhận huyền cơ*, và rốt cuộc đành lỡ mất tín hiệu được Trời nhắn gởi (*missing a Heaven's message*).

## 9. NGUỘI ĐỨC TIN NƠI QUYỀN PHÁP THÌ LÚC NÀO CŨNG VẮT VẢ, ÂU LO

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 25-3 Canh Tý (Thứ Tư 20-4-1960)

THI

TRẦN ai <sup>(1)</sup> mới biết nghĩ xa gần  
ĐẠO đức còn bền mới khỏe thân  
QUANG điển chan hòa tình ấm áp  
Giáng thẳng tuần tự nấy <sup>(2)</sup> hồng ân.

Lão chào chư Thiên ân đàn nội.<sup>(3)</sup> Chư đệ an vị. Lão có ít lời.

Từ lâu, toàn chư đạo tâm đã đặt mình trong ân điển, ngày tháng yên lành, tất cả mọi việc khó khăn đều làm xong, mặc dù phải đôi trở ngại. Làm không mỏi, không chán là nhờ ở đức tin, quyền pháp trọn trao, sứ mạng về mình. Nhưng rồi giờ phút này dòm lại trong hàng ngũ đạo tâm còn được mấy người mà trong đó Thiên ân cũng nguội tình phổ độ.

Ôi! Sức người còn có thể chống đông dẹp tây, xây thành đắp lũy; tài người còn đủ tháo vát, xoay xử mưu toan thì

<sup>(1)</sup> **trần ai** 塵埃 (*dust; fig., hardship*): Bụi bặm; nghĩa bóng là gian khổ, vất vả.

<sup>(2)</sup> **nấy** (*bestowing sth*): [cổ] Ban cho, trao cho.

<sup>(3)</sup> **đàn nội** 壇內 (*at the seance*): Trong đàn cầu cơ.

người bao giờ chịu tùy thuận một lẽ nào trên <sup>(4)</sup> sự khôn lanh trong đầu não.<sup>(5)</sup>

Khoa học ngày càng tiến bộ, tiến bộ phi thường, đem tâm tư đầu não ở sức người khám phá các lẽ huyền vi của vũ trụ. Chìa khóa bí mật mở các then chốt trong bầu càn khôn không còn ở nơi thiên không Tạo Hóa,<sup>(6)</sup> mà đã ở vào tay người.

Khoa học còn có thể vá trời, tạo người, đem người từ quả cầu này sang quả cầu nọ. Các nhà bác học còn nghĩ rồi đây họ sẽ di cư loài người lên cung trăng hay lên ở các cõi trời, tạo dựng một cuộc đời thần tiên. Sự đi lại giao thông giữa các ngôi tinh cầu <sup>(7)</sup> như đường đi chợ trong xóm. Khoa học còn dự định mọi phương tiện cung ứng cho loài người. Nên nhiều người cũng thấy không cần tu làm Tiên, cũng được đắc đạo không khó gì.

Nhưng than ôi! Thế giới loài người đã cực khôn ngoan, lẽ tất nhiên sắp đến ngày tàn tạ.

Thượng Đế không bao giờ cho phép loài người kiêu ngạo làm chủ bầu vũ trụ bao la. Vì trong vũ trụ còn biết bao siêu

<sup>(4)</sup> **trên** (*beyond*): Hơn, trội hơn.

<sup>(5)</sup> Câu này ý nói: Con người ý tài sức và lý trí khôn lanh của mình, không chấp nhận có Trời hiện hữu. [Xem thêm chú thích (27), bài 7, lời răn của Đức Ngô Cao Đại Tiên và Thánh tông đồ Phao-lô.]

<sup>(6)</sup> **thiên không** 天空 (*sky*): Bầu trời. **thiên không Tạo Hóa** 天空造化 (*the Creator in heaven*): Đấng Tạo Hóa trên trời.

<sup>(7)</sup> **tinh cầu** 星球 (*celestial body, heavenly body*): Thiên thể 天體, như hành tinh 行星 (*planet*), như vệ tinh 衛星 (*satellite*), v.v... Mặt trăng là vệ tinh của trái đất; trái đất là một hành tinh.

đăng Thần Tiên, cơ màu nhiệm, để chi ai khoát<sup>(8)</sup> hết được các bức màn bí mật.

Đã khôn ngoan mà biết thần phục thờ kính Đấng Cha thiên thượng<sup>(9)</sup> của muôn loài thì quyền pháp đó được thay Trời mà an bài cho trăm họ.

Ngặt,<sup>(10)</sup> khôn ngoan rồi tự nói trên đầu không ai, mới đem lòng kiêu ngạo. Kiêu ngạo cùng Trời, thật đáng ghê sợ! Bởi vậy, loài người còn chút thể lực nào, họ cũng tự mãn.<sup>(11)</sup> Đến khi nào cùng khốn, bại liệt rồi họ mới cầu xin van vái, tin ở sức Trời.<sup>(12)</sup>

Quyền pháp ấy từ xưa nay cảm hóa loài người là để cho người cùng đường rồi trở lại. Mà khi đi xa khỏi Thiên Sứ, Thiên Thần, giờ phút sống phải chịu phạt phòng lo sợ, không hề bình an. Thật vậy, chư hướng đạo đã **ngươi đức tin nơi quyền pháp thì lúc nào cũng vất vả, âu lo.**<sup>(13)</sup>

Vậy, Lão ghé về đây là nhân dịp tuần du<sup>(14)</sup> phổ hóa<sup>(15)</sup>

---

<sup>(8)</sup> **khoát:** vén (tấm màn) ra (*raising the curtain, or lifting it, or pulling it aside*). – **khoát hết được các bức màn bí mật:** *revealing the secret completely.*

<sup>(9)</sup> **Cha thiên thượng** (*Heavenly Father, Father in heaven*): *Thiên thượng đích Phụ* 天上的父, Cha trên trời, Trời Cha.

<sup>(10)</sup> **ngặt** (*unfortunate to say*): Khổ nỗi, khốn nỗi.

<sup>(11)</sup> **tự mãn** 自滿 (*complacent, self-satisfied*): Cho rằng mình đầy đủ, không còn cần thêm gì nữa.

<sup>(12)</sup> Đoạn này giải thích câu mở đầu bài thơ xưng danh: *Trần ai mới biết nghĩ xa gần.*

<sup>(13)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(14)</sup> **tuần du** 巡遊 (*cruising*): Đi xem xét tình hình các nơi.

thiện duyên.<sup>(16)</sup> Nghe mời không thấy chư Tiên,<sup>(17)</sup> Lão mượn cơ để đôi lời gọi là tình trước nghĩa xưa, đôi điều nhắc nhở.

Xây dựng một Hội Thánh phải ở cả lòng giác ngộ, rất nhiều công phu.<sup>(18)</sup> Lòng ấy, lúc nào người hướng đạo cũng thiết tha bồi dưỡng, không một chút lười làm, sơ sót để làm mô phạm<sup>(19)</sup> cho toàn đạo xa gần.

Người hướng đạo ngồi một chỗ mà đức khắp đó đây, mọi người sống trong yên lành trật tự. Lời nói việc làm người hướng đạo đều là khuôn phép cho trăm họ giữ gìn. Nét mặt trầm tĩnh thuần hòa, ám ảnh<sup>(20)</sup> cả lòng người, lúc nào [lòng người] cũng tương tư<sup>(21)</sup> cảm mến. Nên xây dựng Hội Thánh là đặt một khu cơ<sup>(22)</sup> quyền pháp trung ương làm động lực cho bao nhiêu tâm hồn quy theo lẽ phải.

---

<sup>(15)</sup> **phổ hóa** 普化 (*converting lots of people to self-cultivation*): Hóa độ rộng rãi, phổ độ, đưa nhiều người vào đường tu hành.

<sup>(16)</sup> **thiện duyên** 善緣: Người có duyên lành để được Ơn Trên dìu dắt vào đường tu hành.

<sup>(17)</sup> **Nghe mời không thấy chư Tiên:** Nghe các vị hướng đạo than thở lập đàn mà không có Tiên giáng cơ.

<sup>(18)</sup> **công phu** 功夫, 工夫 (*skill and long-time effort*): Sự khéo léo và công sức khó nhọc trong thời gian dài. Cùng nghĩa *công trình*.

<sup>(19)</sup> **mô phạm** 模範 (*model, example*): Gương mẫu.

<sup>(20)</sup> **ám ảnh** (*unceasingly influencing*): Ảnh hưởng không dứt.

<sup>(21)</sup> **tương tư** 相思 (*thinking of, remembering*): Nhớ đến nhau.

<sup>(22)</sup> **khu cơ** (xu cơ 樞機: *place of the greatest importance*): Chỗ quan trọng nhất. – **khu cơ quyền pháp trung ương** (*trung ương pháp quyền xu cơ* 中央法權樞機: *the most important place of the central dharma power*): Chỗ quan trọng nhất nắm quyền pháp trung ương.

(...)

Nếu một Hội Thánh trên không trên, dưới không dưới, quyền pháp chẳng biết về ai, mà ai cũng quyền pháp, rồi nhân sinh lờn dễ,<sup>(23)</sup> và cũng chẳng biết đâu là phương hướng đi về. Vậy cuộc cải tổ ngày tới đây, nói vậy chứ không có gì mà gọi là thay [đổi] cả.

Dầu muốn dầu không, sứ mạng ở Trời đã đặt vào đây, không bắt buộc ai nhưng không ai trái được và theo ý muốn ngoài quyền pháp mà được.

Hội Thánh phải có ngày khô khan, ngỡ ngác.<sup>(24)</sup> Có khô khan, ngỡ ngác rồi mới tìm lại những phút êm đềm, tìm về nơi đầu tiên mà mình sống trong lòng đạo pháp.

Vì vậy mà hôm nay cũng là một dịp tốt để cho Hội Thánh đủ ngày giờ rửa ráy thánh hình, đủ phương tiện cho người Thiên ân sau này đương vi<sup>(25)</sup> sứ mạng.

Người Thiên ân nào ở trong giai đoạn này bị rẻ rúng<sup>(26)</sup> thì nên ẩn mình mà tu học, bồi bổ tâm pháp tinh thần để đức đủ trí đầy, mối tương quan được nối; rồi sẽ ra lèo lái thuyền từ, mở đường tận độ.

Dù lúc này có làm cũng thiếu sức mà ngọc cát không

---

<sup>(23)</sup> **lờn dễ** (*contemptuous*): Coi thường, không kính trọng.

<sup>(24)</sup> **khô khan, ngỡ ngác**: Vì thiếu ân điển soi dẫn, mất đường thông công với các Đấng thiêng liêng.

<sup>(25)</sup> **đương vi** 當為 (*assuming, undertaking*): Nhận lấy, gánh vác, đảm đương.

<sup>(26)</sup> Vì hạnh tu kém nên đánh mất uy tín trước đạo hữu.

phân.<sup>(27)</sup> Nếu ai xin thì cho, giành thì nhượng. Mọi việc đến sau, tất cả về sau sẽ thấy.

Lão cũng ghé về nói qua đôi việc và mừng chúc Thiên ân trưởng thành quyền pháp. Mừng quý em tâm đạo được viên dung<sup>(28)</sup> thì sứ mạng sau này và ngày nay có gì thay đổi, bình tĩnh làm sứ mạng, điển quang còn ngự. Lo âu, bối rối thì thánh đức xa lìa. Vì vậy, người sống trong quyền pháp thì được bình yên, kẻ sống trong tà thần thì lúc nào cũng pháp phồng lo sợ. Muốn đừng có gì lo sợ nữa thì xây dựng cho được quyền pháp mạnh mẽ.

Có đức tin, khi gọi, cần hy sinh bằng cách nào, người hy sinh vui sướng, thấy sự hy sinh cũng hân hoan tận tụy.

Nếu đức tin yếu, lệnh ban xuống không thi hành. Không thi hành là nghịch chống mà làm đầu<sup>(29)</sup> cho muôn người nghịch chống, là quyền đạo hết mạnh, cơ cứu chuộc đã bị xa lánh vậy.

Thôi, Lão chào chư đệ.

---

<sup>(27)</sup> **ngọc cát không phân** (*jade and sand, ie., good and bad, are not differentiated*): Tốt xấu lẫn lộn, đúng sai không phân biệt rõ ràng.

<sup>(28)</sup> **viên dung** 圓融 (*perfect harmony among all differences*): Hòa hài mọi khác biệt một cách hoàn hảo. Bậc đạt đạo thấy được phiền não là bồ đề, sanh tử là niết bàn, trần gian là tịnh độ... Đó là tâm viên dung.

<sup>(29)</sup> **làm đầu** (*being the first who sets a bad example*): Làm người khởi xướng (đầu têu, đầu trò) việc sai trái cho kẻ khác bắt chước.

## 10. Ý THỨC XÂY DỰNG ĐẠI ĐỒNG XÃ

Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 26-3 Canh Tý (Thứ Năm 21-4-1960)

### THI

Ngoảnh lại TRẦN gian những sứt sùi  
Cha Trời THỊ hiện, đón mừng vui <sup>(1)</sup>  
Nghĩa nhân XỬ trọn, hồng ân đến <sup>(2)</sup>  
Cất tiếng chào lên, nhớ những hồi. <sup>(3)</sup>

Chào chư Thiên ân, chư đạo huynh, đạo tử và toàn thể đạo tâm.

Sanh ra làm người là một hân hạnh. Hân hạnh hơn nữa là gặp được sứ mạng cứu chuộc <sup>(4)</sup> Lãn Ba.

<sup>(1)</sup> Câu này ý nói: Hãy mừng vui đón Đức Chí Tôn xuất hiện. – **thị hiện** 示現 (*displaying, appearing*): Bày ra, hiện rõ cho mọi người thấy; xuất hiện.

<sup>(2)</sup> Câu này ý nói: Đối xử với nhau trọn nhân nghĩa, sẽ được hưởng ơn Trời.

<sup>(3)</sup> Câu này ý nói: Cất lên lời chào đồng đạo, mà nhớ lại những lúc trước bên nhau.

<sup>(4)</sup> **cứu chuộc** (*cứu thực 救贖: redeeming, redemption*): Cứu 救 là cứu nguy, cứu thoát (*rescuing, saving*). Chuộc (từ thuần Việt, chữ Nho là thực 贖) nghĩa là đem một món gì ra đánh đổi một hình phạt (lấy công chuộc tội; chữ Nho là tương công thực tội)

Tiên Nữ nhận thấy kiếp liễu bồ <sup>(5)</sup> mà không vút gánh trần tình, <sup>(6)</sup> bước tới một ngày lại kết thêm phiền não, nên Tiên Nữ hân hoan tươi sáng trước oai vũ nhục hình, mà khi bỏ xác lấy đó làm con đường thẳng ngay về quê xưa vị cũ. Bởi vậy, muốn giải thoát kiếp trần bằng một đức tin thì có thấy gì trở ngại.

Xin lỗi. Mời liệt quý Thiên ân, đạo tâm an tọa.

### BÀI

Chị em nữ phái mình ôi  
Bao chừ <sup>(7)</sup> nợ thế cho rồi mà tu  
Tam Kỳ để chút công phu

---

將功贖罪: *redeeming one's crime[s] by meritorious acts*). Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, cơ cứu chuộc mở ra khi Đức Giê-su hy sinh trên thập giá, lấy mạng sống của Người làm *giá chuộc* (*thực giá 贖價: ransom*) cho tội lỗi chúng sinh (xem Mát-thêu 20:28 và Mác-cô 10:45). Trong Tam Kỳ Phổ Độ, cơ cứu chuộc mở ra khi Đức Chí Tôn (Thầy) rời Bạch Ngọc Kinh xuống trần mở đạo Cao Đài với đại nguyện trước Công Đồng Tam Giáo rằng lập Đạo không thành thì Thầy không trở về ngôi vị cũ. *Cứu chuộc* và *giá chuộc* là thuật ngữ đạo Chúa. (Huệ Khải, *Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 20-29 và 37-41.)

<sup>(5)</sup> **liễu bồ** 柳蒲: a/ **bồ** (*various monocotyledonous flowering plants including Acorus calamus and Typha orientalis*) là cây cói, lác (dùng làm chiếu, giỏ, quạt...); **liễu** (*willow*) là loại cây có cành dài và thanh mảnh, lá mềm yếu buông rủ xuống. b/ **liễu bồ**, **bồ liễu** (*women, as compared to slender and weakly willow*) tức là phụ nữ (vì phần đông họ mảnh mai, yếu ớt như cây bồ, cây liễu).

<sup>(6)</sup> **trần tình** 塵情 (*worldly emotion, earthly feeling*): Phàm tâm tục tình 凡心俗情, tình cảm phàm tục.

<sup>(7)</sup> **bao chừ** (*when*): Bao giờ.

Đến khi nhắm mắt thanh u <sup>(8)</sup> được gần.  
 Đại đồng thiết lập chung phần  
 Để cho sự nghiệp canh tân <sup>(9)</sup> hoàn thành  
 Noi gương các bậc đàn anh  
 Sớm chiều thu xếp để dành giờ tu.  
 Sống còn lao khổ cần cù  
 Nuôi thân cũng nhớ công phu nuôi hồn  
 Vâng nghe lời dạy Chí Tôn  
 Trở về cùng Đạo, Thiên môn <sup>(10)</sup> châu Thầy.  
 Không nghe, quanh quẩn nơi này  
 Cái cơ tận diệt tới đây tiêu hồn  
 Để rồi mua khéo bán khôn  
 Khéo khôn cho lắm, dập dồn khổ đau.

Tiện nữ được lệnh Đức Quan Âm cho đến chào mừng chư quý Thiên ân và đạo hữu. Lòng mừng muốn nói muốn thưa, làm choán mất thời giờ của chị Thanh Lương Thần Nữ về cơ xây dựng Đại Đồng Xã.

Vậy kính chào. Quý vị thành tâm đón Người.

TIẾP ĐIỂN  
 THI

THANH bạch <sup>(11)</sup> thì ai chẳng chuộng vì <sup>(12)</sup>

<sup>(8)</sup> **thanh u** 清幽 (*beautiful and quiet*): Xinh đẹp và yên tĩnh (ý nói cảnh Tiên).

<sup>(9)</sup> **canh tân** 更新 (*renovating*): Đổi mới. – **sự nghiệp canh tân** (*renovation career*): Công cuộc xây dựng đời mới (tái tạo), chuyển từ hạ nguồn điêu tàn sang thượng nguồn thánh đức.

<sup>(10)</sup> **Thiên môn** 天門 (*the Heaven's gate*): Cửa Trời.

LƯƠNG phương diệu dược pháp Tam Kỳ <sup>(13)</sup>  
 THẦN Tiên đến thế lo điều độ <sup>(14)</sup>  
 Nữ phái ta ôi, gắng bước đi.

Tệ Thần NGUYỄN THỊ NGẠI hôm nay được lãnh nhiệm vụ hộ trì <sup>(15)</sup> nữ phái xây dựng Đại Đồng Xã. <sup>(16)</sup>

Đại Đồng Xã được đặt nơi miếng đất thành đạo Đà Nẵng là một đặc ân cho toàn đạo thánh thất Trung Thành.

Thánh thất Trung Thành, thánh thất đầu tiên công khai giáo pháp cùng toàn thể đồng bào, đã chường mặt trên hai

<sup>(11)</sup> **thanh bạch** 清白 (*pure and honest*): Trong sạch, không nhơ nhuốc vì không chạy theo danh lợi.

<sup>(12)</sup> Câu này ý nói: Người tu trong sạch thì ai cũng yêu kính, nể trọng hơn. – **chuộng vì** (*preferring and respecting*): Yêu thích hơn và nể trọng.

<sup>(13)</sup> Câu này ý nói: Pháp môn tận độ Kỳ Ba là toa thuốc hay, liều thuốc thần hiệu cứu chữa người đời. – **luơng phương** 良方 (*effective prescription*): Đơn thuốc hay, toa thuốc hiệu nghiệm. – **diệu dược** 妙藥 (*wonderful medicine*): Thuốc rất hay, rất hiệu nghiệm.

<sup>(14)</sup> **điều độ** 調度 (*guiding, leading sb to self-cultivation*): Dìu dắt vào đường tu hành.

<sup>(15)</sup> **hộ trì** 護持 (*protecting and supporting*): Bảo vệ và nâng đỡ.

<sup>(16)</sup> **Đại Đồng Xã** 大同社 (*Society of Great Harmony*): Trong lúc chiến tranh ác liệt vào giữa thế kỷ 20, bốn đạo chạy loạn đổ xô về Đà Nẵng rất đông. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tập hợp tín hữu tản cư lại và tổ chức thành Đại Đồng Xã để chăm sóc đời sống và hướng dẫn tâm linh. Khi chiến tranh lắng dịu, tín hữu trở về quê cũ, Đại Đồng Xã vì thế không còn nữa. Vị trí của Đại Đồng Xã sau này trở thành thánh thất Trung Thành, tại số 170 đường Trường Chinh (quốc lộ 1), quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.



mười năm.<sup>(17)</sup> Lời nói, việc làm của thánh thất trong chuỗi thời gian dài dặc như thế đã lấy gì chứng minh, để trả lời cho bá tánh đồng bào?

Tôn chỉ dung hòa mà giữa nhau trong nội bộ còn phân chia, xục xịch. Mục đích tối cao là giải thoát, tạo thành an lạc thánh bang <sup>(18)</sup> mà rồi nhà ai nấy biết, việc ai nấy lo, thì sao có một thành tích gì để lại làm giá chuộc <sup>(19)</sup> cho mình khỏi

---

<sup>(17)</sup> Chính xác là hai mươi hai năm (1938-1960). Ban sơ, các bậc hướng đạo Cao Đài ở Trung Kỳ mua được khu đất khoảng 4.000 thước vuông trên đường Đỗ Hữu Vị (nay là đường Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Tiền khai Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang (1870-1946) thay mặt bốn đạo đứng tên làm chủ khu đất và dùng họ tên theo giấy tờ tùy thân của ngài là Hà Văn Thuần (thật ra đây là tên một người khác). Năm 1937 các vị hướng đạo Trung Kỳ cất ba gian nhà gỗ lợp tranh để tạm làm thánh thất Trung Thành. Gian giữa thiết trí Thiên Bàn, phía sau có phòng khách, và nơi ngồi nghỉ của tiền khai Trần Đạo Quang. Đông lang dành cho phái nữ và nhà bếp. Tây lang dành cho các hướng đạo và khách phương xa lưu trú. Thánh thất Trung Thành sau đó được xây dựng kiên cố và khánh thành ngày 14-4 Mậu Dần (Thứ Sáu 13-5-1938) theo thánh lệnh Đức Chí Tôn. Ngày hôm trước, đại hội Long Vân Đệ Bát do Liên Hòa Tổng Hội tổ chức được khai mạc tại thánh thất Trung Thành. Địa điểm này từ năm 1960 là thánh tịnh Trung Tông. Thánh thất Trung Thành hiện nay (đủ tam đài) tại số 101 đường Lê Đình Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, được khánh thành năm 1998.

<sup>(18)</sup> **thánh bang** 聖邦 (*holy state*): Nước thánh, quốc gia thánh.

<sup>(19)</sup> **giá chuộc** (*thực giá* 贖價: *ransom*): Một giá trị bằng tiền, bằng vàng, hay thứ gì khác quý báu đem ra để đánh đổi lấy một thứ khác. Như thời xưa, ai muốn trả tự do cho một nô lệ, phải nộp cho chủ nô đúng số tiền mà chủ nô ra giá. Đó là giá chuộc tự do cho một nô lệ.

uống một kiếp người gặp Đạo?

## BÀI

*Này Thiên ân quản quyền* <sup>(20)</sup> *trị sự* <sup>(21)</sup>

*Này đạo tâm giáo tứ bảo dân*

*Làm sao đón lấy hồng ân*

*Ban cho bá tánh xa gần hưởng chung.*

*Đại Đồng Xã kỳ phùng* <sup>(22)</sup> *thiết lập*

*Họ Trung Thành bình chấp* <sup>(23)</sup> *dựng xây*

---

Khi Đức Giê-su Ki-tô chuộc tội cho loài người, tất nhiên Chúa cũng trả cái giá tương xứng cho hết thảy những tội lỗi mà loài người đã gây tạo từ đời nào kiếp nào tích lũy lại. Vậy, giá chuộc mà Chúa đã trả là gì? Chúa trả bao nhiêu? Chúa đã trả một giá rất đắt (1 Cô-rin-tô 6:20), bởi lẽ giá chuộc ấy chính là mạng sống (*His life*) của Chúa (Mát-thêu 20:28; 1 Ti-mô-thê 2:6; Titô 2:14), là máu (*His blood*) của Chúa (Rô-ma: 3:23-25; Ê-phê-sô 1:7), tức là bửu huyết (*His precious blood*) của Người (1 Phê-rô 1:19).

Kỳ Ba này, Thầy *đem mình làm giá chuộc* (Trung Hưng Bửu Tòa, 16-02-1959). Giá chuộc của Thầy là gì? Là chính Thầy phế Bạch Ngọc Kinh để xuống cõi phàm trần cứu độ con cái; nếu Đạo không thành, Thầy không trở về ngôi vị cũ.

Trên đây, Đức Thanh Lương Thần Nữ nói tới giá chuộc của mỗi người hướng đạo chơn tu. Giá chuộc này là cuộc sống riêng tư của mỗi người, tức là hy sinh nó để phụng sự lý tưởng Đại Đạo.

Đức Thanh Phong Thần Nữ (PHĐ, 09-4-60) nói tới giá chuộc của người tu như sau: *Thân này đã hiến trọn cho quyền năng Thượng Đế thì thân đầu phải còn chủ quyền của ta mà tính lợi tính hơn.*

<sup>(20)</sup> **quản quyền** 管權 (*holding the authority*): Nắm quyền.

<sup>(21)</sup> **trị sự** 治事 (*managing the affair*): Quản trị, trông coi công việc.

<sup>(22)</sup> **kỳ phùng**: Phùng kỳ 逢期, gặp kỳ, gặp dịp.

Hân hoan thánh địa nơi này  
 Ai người dọn phá, cuộc cày đầu tiên?  
 Muốn thấy được pháp quyền mạnh mẽ  
 Thì trong ngoài có vẻ trang nghiêm  
 Chớ cho trên dưới tỵ hiềm <sup>(24)</sup>  
 Chớ cho vật chất làm chìm linh quang.<sup>(25)</sup>  
 Ai ai cũng vững vàng đạo hạnh  
 Ai ai đều nhất lệnh tướng tin <sup>(26)</sup>  
 Trẻ già quyền pháp vẹn gìn  
 Đại Đồng Sơ Bộ đều vin tựa vào.  
 Muốn thành công phải nào tại sự  
 Phải ở lòng vẹn giữ giới quy  
 Ở người đạo đức tu trì  
 Ở tâm giải thoát, kiên trì dẻo dai.  
 Tâm ai cũng không sai quyền pháp  
 Ai ai đều đóng góp quả công  
 Đều ham nhân nghĩa vun trồng  
 Đều lo cho thấy đại đồng nay mai.  
 Thân ai cũng lành trai đẹp gái  
 Nhà cửa đều trật tự vệ sinh

Giữa nhau thắt chặt mối tình  
 Sang hèn giao đối công bình, hòa thân.<sup>(27)</sup>  
 Ai cũng gắng một phần xây đắp  
 Xây đắp mình rồi khắp gần xa  
 Nhà nào cũng có thờ Cha <sup>(28)</sup>  
 Cũng vui đạo lý, cũng hòa lấy nhau.  
 Lo học tập để trau sửa nét  
 Năng hội đàm <sup>(29)</sup> liên kết cảm thông  
 Từ đây cho đến đại đồng  
 Phải nhiều sức lực, của công nhiều ngày.  
 Ngày nào cũng để vài kỷ niệm  
 Lo làm sao tiệm tiệm <sup>(30)</sup> thành hình  
 Cho thân, cho đám nhà mình  
 Chung quanh lân ấp <sup>(31)</sup> khối tình láng láng.

(...)

Có một điều, trong giai đoạn thành hình Đại Đồng Xã quá khó khăn (nhân tâm còn rời rạc mà quyền pháp lại yếu non, cơ khảo thí bên ngoài cho chí bên trong còn đương hoành hành, ma quỷ đi rảo khắp nhà nọ xóm kia, cắt mối thông

<sup>(23)</sup> **bình chấp** 秉執 (*carrying out*): Thật hành, thi hành.

<sup>(24)</sup> **tỵ hiềm** 避嫌 (*avoid meeting due to suspicion*): Nghi ngờ nhau mà lánh mặt nhau.

<sup>(25)</sup> Câu này ý nói: Đừng để lợi ích vật chất che mờ lương tâm rồi phạm tội.

<sup>(26)</sup> Câu này ý nói: Khi quyền pháp nghiêm minh, một lệnh từ trên đưa xuống thì tất cả mọi người đều tin tưởng mà thi hành.

<sup>(27)</sup> Câu này ý nói: Cư xử với nhau không phân biệt kẻ sang người hèn, hãy công bằng, gần gũi và thân thiện. – **giao đối** 交對 (*behaving towards each other*): Cư xử với nhau. – **hòa thân**: Thân hòa 漢和 (*close and friendly*): Gần gũi và thân thiện.

<sup>(28)</sup> **thờ Cha** (*worshiping Heavenly Father*): Thờ Cha Trời.

<sup>(29)</sup> **hội đàm** 會談 (*discussing*): Trao đổi ý kiến, bàn bạc.

<sup>(30)</sup> **tiệm tiệm** (*gradually*): Dần dần.

<sup>(31)</sup> **lân ấp** 鄰邑 (*neighbourhood*): Láng giềng chung quanh.

công, làm đức tin yếu đuối) thì bốn phạm hộ trì như Tệ Nữ đây làm sao đủ sức nói cho chị em nghe lọt vào lòng những câu lợi ích phải chăng, hầu làm tên lính vũ trang đánh bại con ma tham sân si ra khỏi lòng chị em, để chị em vệt ngút thấy trời, lui chân ra lối hiểm?

Bây giờ, Đại Đồng Xã mới bắt đầu giâm mầm ươm giống, phải cả một công phu chăm sóc thường xuyên.

- Trước hết là chọn những giống mạnh mẽ tốt đẹp. Giống ấy là người đạo tâm nồng nhiệt với sứ mạng và quyền pháp để kết thành hình các đoàn, nhất là đoàn thanh thiếu niên Đại Đồng Xã có một tinh thần giác ngộ về sự nghiệp ngày mai. Mà họ phải để lòng phục tùng quyền pháp, lo tu sửa con người sớm trở nên một phẩm giá, nhân cách hầu phục vụ sứ mạng, để thiết lập một nền phong hóa<sup>(32)</sup> đạo đức.

- Xây dựng cho những gia đình có một phong nghi<sup>(33)</sup> văn minh thịnh vượng, sức sống thăng bằng.

- Lập một nền kinh tế phước thiện để cung cấp nhu cầu vật chất, hầu điều hòa giữa sự chênh lệch, bất công trước thời tân pháp.

- Nối được mối dây thân ái giữa nhà này với nhà kia thành một guồng điện lực. Buộc giữa nhau phải có sự tương quan trách nhiệm.

- Phải chia vui sót khổ với nhau. Nên tiết chế sự qua lại đái

---

<sup>(32)</sup> **phong hóa** 風化 (*public morals*): Tập tục (phong tục) đã được dạy bảo (giáo hóa) và trở thành đạo đức chung cho một nước.

<sup>(33)</sup> **phong nghi** 風儀 (*dignified appearance, respectful demeanour*): Dáng vẻ, phong cách đáng kính trọng.

đăng. Ma chay, kỵ lạp<sup>(34)</sup> và ăn mặc tùy nghi, không nên xa xỉ.

Giai đoạn này chỉ có gây ảnh hưởng tốt là làm cho mọi người cảm thông, mọi nhà nhận chân cái giá trị ở đầu đường.<sup>(35)</sup> Mục đích là phải có một tương lai lành mạnh cho nhân loại. Sự mạnh lành kia, ngay bây giờ, là sự khởi điểm xây dựng Đại Đồng Xã.

Xây dựng Đại Đồng Xã không phải để một vài năm mà thành hình. Dầu bao nhiêu năm, đời ta hay đến đời con cháu, cũng cố gắng mà làm.

Làm được hay không, mọi người đều có một ý thức. Ý thức đó là mầm mống thịnh vượng, hòa bình. Ý thức đó là báo thân<sup>(36)</sup> sau này của đạo hữu. Ý thức đó là một ngọn kiếm minh triết đoạn được oan khiên, nghiệp chướng, luân hồi.<sup>(37)</sup>

Nếu ý thức đó mạnh mẽ, dồi dào thì là chìa khóa mở cửa Ngọc Kinh cho linh hồn nhập vào vô cực tịnh cảnh.<sup>(38)</sup> Nên

---

<sup>(34)</sup> **kỵ lạp** 忌臘 (*observing an ancestor's death anniversary*): Cúng giỗ, giỗ quai.

<sup>(35)</sup> **ở đầu đường**: Ở vào giai đoạn đầu của con đường xây dựng Đại Đồng Xã.

<sup>(36)</sup> **báo thân** 報身 (*reward body*): Do nghiệp lành tại cõi trần mà cái thân kiếp sau tốt đẹp hơn và ở cõi tốt đẹp hơn.

<sup>(37)</sup> **đoạn được oan khiên, nghiệp chướng, luân hồi** (*cutting off predestined hostility, karmic obstacles, and reincarnation*): Cụm từ này giúp hiểu câu *Ý thức đó là báo thân sau này của đạo hữu*.

<sup>(38)</sup> **linh hồn nhập vào vô cực tịnh cảnh** (*the soul entering the realm of supreme purity*): Cụm từ này giúp hiểu câu *Ý thức đó là báo thân sau này của đạo hữu*. – **vô cực tịnh cảnh** 無極淨境 (*the realm of supreme purity*): Cõi (*cảnh giới* 境界) sạch tuyệt đối.

các hiền đùng nghĩ đi nghĩ về <sup>(39)</sup> có thành hay không, dễ hay khó. Khó dễ là một việc, còn ý thức là một việc.

**Ý thức xây dựng Đại Đồng Xã** <sup>(40)</sup> là một pháp môn hành đạo, một phương <sup>(41)</sup> tận độ của Thầy.

Đời hiện nay, họ nghĩ thế giới một ngày gần đây sẽ tiêu diệt bằng lẽ tuần hoàn, bằng sự hủy diệt của Trời, bằng cơ khí nguyên tử, v.v... Họ không tin có một tương lai, một ơn tái tạo. Họ toan gây dữ làm ác, có đầy những ý thức ghét thù. Mà ghét là sự chết, thù là mối tranh đấu tàn phá. Ý thức người đời không chứa đựng hạt giống tương lai. Nên mục đích Đạo Thầy quyết cải tạo thế gian, xây một thế giới đại đồng, lập cho nhân sinh một cảnh đời chân thiện mỹ, sống để thi thiết lòng lành, chết được an vui nơi Thiên quốc.<sup>(42)</sup>

Cảnh ấy hôm nay, ta tạo nó bằng một ý thức, một tưởng tượng ở tinh thần. Tưởng tượng lâu ngày, trong tâm hồn của ta có một sức mạnh thành hình. Sức mạnh ấy xúi giục, thúc đẩy lòng ta phải thực hiện ra việc làm một mình, hay cộng sự cùng đoàn thể, tổ chức bằng công phu, công quả.

Gào thét lên kêu gọi đồng đạo cùng lo. Cổ vũ <sup>(43)</sup> lên cho nhà nhà cùng làm tiêu biểu. Đương đầu để hướng đạo cho đoàn người có lý tưởng đại đồng, có tâm tư vì xã hội, để thực hành theo tiếng gọi thiêng liêng, để cúng dường bằng mọi sự

---

<sup>(39)</sup> **nghĩ đi nghĩ về** (*revolving sth*): Nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ tới nghĩ lui.

<sup>(40)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(41)</sup> **phương** 方 (*method*): Phương cách, phương pháp.

<sup>(42)</sup> **Thiên quốc** 天國 (*kingdom of Heaven*): Nước Trời.

<sup>(43)</sup> **cổ vũ** 鼓舞 (*boosting, encouraging*): Khuyến khích.

phát tâm, để xây dựng nên lâu đài hạnh phúc cho thế hệ mới, thế hệ đạo đức vậy.

Tội Thần yếu điển. Xin chào và kiếu.<sup>(44)</sup>

---

<sup>(44)</sup> **kiếu** (*goodbye*): *Cáo biệt* 告別, *cáo từ* 告辭, từ giã.

## 11. ƠN CỨU CHUỘC LẦN BA

Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 27-3 Canh Tý (Thứ Sáu 22-4-1960)

### THI

Công đầy quả đủ gặp minh sư  
Lập chí tu nên NGUYỄN VĨNH TỪ  
Phổ Độ Lần Ba quyền pháp trọn  
Kẻ còn người mất hãy ưu tư.

Chào chư quý Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ. Mời toàn thể an tọa.

### PHÚ

**Ơn cứu chuộc Lần Ba** <sup>(1)</sup> Thầy đã đến,  
Thả thuyền từ đưa rước người qua tới bến giải thoát linh hồn.  
Đón hồng ân chờ ngày nhập Thiên môn,<sup>(2)</sup>  
Trường công quả mau nôn <sup>(3)</sup> để tay bồi đắp.  
Quyền pháp đến, ai có duyên mới gặp,  
Sự đương vi <sup>(4)</sup> Thầy đã sắp, toàn đạo gắng tranh công.

(1) Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

(2) **Thiên môn** 天門 (*the Heaven's gate*): Cửa Trời.

(3) **nôn** (*eager*): Nôn nóng, sốt sắng muốn làm việc gì.

(4) **đương vi** 當為 (*assuming, undertaking*): Nhận lấy, gánh vác, đảm đương.

Làm, làm sao cho ai nấy được cảm thông,  
Ai ai cũng sống trong đại đồng, chung khối tình thương mát mẻ.  
Sung sướng nhứt được ấp yêu trong lòng Mẹ,  
Mặc phong ba, nào sồn mẻ đến thân hình.  
Hội Tam Kỳ ai cũng chứa sẵn một lòng tin,  
Ơn tái tạo <sup>(5)</sup> muôn nghìn chứa chan trong thánh thể.  
Có lòng tin thì có ngày phát tuệ,  
Có tin rồi, Thượng Đế sứ mạng gấn, trao cho.<sup>(6)</sup>  
Đã cho ai thành kính hết lòng lo,  
Lo sớm lo chiều để cho chóng hoàn thành sự nghiệp.  
Sự nghiệp đó như khúc cầu muôn nhịp,  
Bắc liền qua sông suối để vầy hiệp mối tình thân.  
Để muôn đời không còn thấy họa chia phân,  
Để đồng đạo xa gần không cách trở.  
Sự nghiệp ấy phải dày công mà phải đủ tay thầy thợ,  
Cho vẻ vang rực rỡ cả vật chất lẫn tinh thần,  
Cho suốt thông lớn bé có trọng phần.  
Đừng tưởng chỉ có khôn lanh mà trọn đủ.  
Đại Đồng Xã là một công trình tranh thủ,<sup>(7)</sup>  
Xây nên hàng ngũ để cho dây đó rập ràng.<sup>(8)</sup>  
Tạo lập đời thịnh vượng là đạo pháp mở mang,  
Lòng giác ngộ mưu toan được lợi mình lợi chúng.

(5) **tái tạo** 再造 (*reconstruction; giving a new lease of life*): Xây dựng lại; tạo nên cuộc sống mới.

(6) Câu này ý nói: Có đức tin vào ơn cứu độ Kỳ Ba thì sẽ được Thượng Đế gấn cho, trao cho sứ mạng.

(7) **tranh thủ** 爭取 (*striving for sth*): Ra sức thực hiện cho xong.

(8) **rập ràng** (*harmonious, in harmony*): Nhịp nhàng, hòa điệu, ăn ý với nhau, không đối chọi nhau.

Ôi! Toàn đạo phát tâm nhân, trí, dũng,  
 Phải làm sao cho trúng, khỏi khó nhọc muôn đời.  
 Gào thét lên, mau tránh nạn vật đổi sao dời,<sup>(9)</sup>  
 Kéo ngược lại, nay bước đời nên dừng chơn đo đắn kỹ.  
 Nhắm theo đây, có bản đồ Thầy chỉ,  
 Tin nghe thì khỏi hối hận ăn năn.  
 Bả lợi danh<sup>(10)</sup> lòng tham muốn cứ nhùng nhằng,<sup>(11)</sup>  
 Thân phận đó như bầy trăn đang quấn riết.  
 Tất thấy sắc, thính, hương là mối dây oan nghiệt,  
 Chỉ có lòng hiểu biết mới phân biệt được chánh tà.  
 Biệt phân rồi, ta phải cứu lấy ta,  
 rồi cứu cả trăm nhà, xe<sup>(12)</sup> nên mối tình sấn đậm.  
 Nay đạo hữu! Lóng tai nghe nghĩ suy cho lắm,  
 muôn việc đời cũng là một nắm tro tàn.  
 Sống giữa nhau thiếu thành thật tương quan,  
 Thậm chí trong họ hàng, đem ruột gan chia phanh,  
 hết tình cốt nhục.  
 Đây kết luận việc đời buồn cho đồng chúng,  
 khuyên đạo tâm một bụng chiều sớm tu trì.

<sup>(9)</sup> **vật đổi sao dời** (vật hoá tinh di 物換星移: *the change that accompanies the passage of time; circumstances change over the years; things change with the passing of years*): Mọi việc trên đời đều thay đổi theo thời gian.

<sup>(10)</sup> **bả** (*poison bait*): Mồi độc để nhử. – **bả lợi danh** (*danh lợi chi nhĩ 名利之餌: the bait of fame and profit*): Danh lợi cám dỗ con người phạm lỗi, trái đạo lý, mất nhân phẩm, v.v... nên danh lợi giống như mồi độc giết người.

<sup>(11)</sup> **nhùng nhằng** (*hesitant, indecisive, undecided, shilly-shallying*): Do dự, không dứt khoát.

<sup>(12)</sup> **xe** (*twisting*): Xoắn nhiều sợi mảnh lại với nhau cho sấn chắc.

Hành đạo lo xây dựng uy nghi,  
 đầu đầy cửa nhà ở ăn tuân y chương trình tâm pháp.  
 Gây ý thức ở lòng người xa gần cho phù hợp,  
 Tin mệnh Trời đóng góp chút công phu.<sup>(13)</sup>

## BÀI

Một tu năm bảy cũng tu<sup>(14)</sup>  
 Không tu khó được ơn sâu đỡ đỡ  
 Bây giờ gặp hội Long Vân  
 Nhủ khuyên đầu đó ân cần tranh đua.  
 Chuyện đời mình có dầu thua  
 Tinh thần quyền pháp để mua được lòng  
 Đại đồng sơ bộ làm xong  
 Cháu con thọ hưởng ân phong muôn đời.  
 Làm đi thì đẹp lòng Trời  
 Lòng Trời được đẹp, thân người được yên  
 Yên rồi có pháp có quyền  
 Có công khai sáng có quyền khai cơ.  
 Có ngày được đón huyên cơ  
 Có cơn bát loạn,<sup>(15)</sup> Thầy chờ giải vây

<sup>(13)</sup> **công phu** 功夫, 工夫 (*skill and long-time effort*): Sự khéo léo và công sức khó nhọc trong thời gian dài.

<sup>(14)</sup> Câu này ý nói: Một lòng một dạ quyết chí tu hành, dù gặp bất kỳ chướng ngại nào vẫn không nhụt chí. – **năm bảy**: Số năm và số bảy. Nghĩa bóng chỉ sự đa dạng, khác biệt nhau. Tục ngữ có câu: *Của năm bảy loại, người năm bảy loài*. Người đời hay mỉa mai: *Tiến sĩ bây giờ cũng năm bảy đường*.

<sup>(15)</sup> **bát loạn** 撥亂: Nói đủ là *bát loạn phân chính 撥亂反正* (*bringing order out of chaos; setting to rights things which have*

*Ai ai cũng hướng tin Thầy  
Đầu cho có thiếu cũng đầy như ai.*

Mọi việc trong chương trình Đại Đồng Xã, Thầy đã vạch các nét đại cương để toàn đạo lựa lấy phần nào thích hợp theo trình độ và hoàn cảnh mà thi thiết.

Trước hết là gieo bùa ý thức của nó vào lòng toàn đạo để ai nấy có một quan niệm. Ý thức đã có ở lòng rồi là hạt giống đại đồng có đất sống, có nơi gieo. Cây đại đồng mọc lên mỗi ngày mỗi lớn và nhờ ở công phu chăm sóc của Ban Quản Quyền Trị Sự, các ngành Phổ Tế, Phước Thiện luân chuyển thường xuyên, cây đại đồng mọc lên, đâm chồi nứt nhánh, loán<sup>(16)</sup> dần ở tâm địa con người, thì miếng đất kia không còn chứa những thứ gai góc làm gì. Cây đại đồng sum suê, mát mẻ lại có trái có bông thì lòng người còn nứt nở,<sup>(17)</sup> vui mừng, lo gì giống đại đồng không người tìm hỏi.

Ý thức có thì họ mới chịu về chùa châu lễ là lợi ích, đi họp

---

*been thrown into disorder*), tức là ổn định lại tình trạng rối ren, lộn xộn. Người Việt xưa nay thường dùng *con bát loạn* theo nghĩa loạn lạc, giặc giã (*wartime*). Trong *Sãi Vãi*, Nguyễn Cư Trinh (1716-1767) viết: *Thuở thái bình, yển võ tu văn* 偃武修文; *con bát loạn, yển văn tu võ* 偃文修武. (Lúc thái bình, ngưng việc võ bị; sửa sang văn học; khi loạn lạc, ngưng văn học, sửa sang võ bị.) Đức Phật Thầy Tây An khuyến tu: *Bây giờ huân dãi không lo / Đến con bát loạn năm co kêu Trời*. Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy: *Dương trần thường bạc như vôi / Gặp con bát loạn mới hồi tâm hung*. Lễ ra nên viết là *bác loạn* 駁亂 (rối loạn, lộn xộn: *confusion, disorder*), nói đủ là *bác tạp thác loạn* 駁雜錯亂.

<sup>(16)</sup> **loán**: Lan rộng ra, tràn ra.

<sup>(17)</sup> **nứt nở**: Nở nang, rộng mở, phóng khoáng.

hội là bốn phận, chia lo sót khổ chung vui là nhiệm vụ phải làm. Đạo hữu có quan niệm lành mạnh và giác ngộ thấu đáo thì họ mới xả thân, xả phú cầu lấy đạo đức. Có biết đạo đức là quý báu thì họ mới giâm nó vào lòng con cháu họ, vì họ sợ con cháu thiếu hạnh phúc sau này.

Nhưng trái lại, bấy lâu họ cũng thương con nịnh cháu họ. Mặc dù là tu nhưng cũng cùm nùm<sup>(18)</sup> cho con miếng thịt miếng huyết, con tôm con cá để cho con ngon miệng béo thân, và để mặc con đùa con nghịch vừa với ý con. Họ lại chọn rể giàu rể giỏi, quyền quý hơn mình mà gởi con vào trong ngục trăm năm, không nghĩ con mình vào đó mất tu bỏ Đạo, nhốt chôn linh hồn muôn kiếp mịt mờ. Ý đó là ý môn đăng hộ đối,<sup>(19)</sup> so sánh bên ngoài, nào nghĩ thẳng rể mình có đạo, thẳng chồng con mình có tu là vị hộ pháp linh hồn,<sup>(20)</sup> con mình nhờ đó mà còn Đạo còn tu, mà chỉ nghĩ người ấy có của có quyền, có danh có phận.

Ôi! Danh phận rồi cũng hư, của quyền rồi cũng mất, chỉ có đạo đức là còn, mà mấy ai chọn rể lựa dâu, gây mầm đạo hạnh tương lai, xây đắp thịnh vượng.

---

<sup>(18)</sup> **cùm nùm** (*cringing*): Khúm núm.

<sup>(19)</sup> **môn đăng hộ đối** (*môn đương hộ đối* 門當戶對: *the families are well-matched in social and economic status; well-matched matrimonial alliance*): Nhà cửa, gia thế, địa vị hai gia đình phải tương xứng để kết làm thông gia (*matrimonial alliance*).

<sup>(20)</sup> **hộ pháp** 護法 (*dharma protector*): Vị bảo vệ và giữ gìn chánh pháp (*hộ trì chánh pháp* 護持正法: *protecting and maintaining the true dharma*). – **hộ pháp linh hồn** 靈魂的護法 (*the dharma protector in terms of spirituality*): Vị hộ pháp về mặt linh hồn, giữ cho mỗi tín đồ không quên Thầy xa Đạo.

Họ không ngó xa là vì họ chưa có một ý thức tội phước hơn kém hai mặt. Còn con gái, con trai họ cũng chưa ý thức lâu dài. Nó chỉ ngó nhau trên bằng cấp, trên áo quần, gương mặt bánh bao, mà nó không thấy đó là mối hại cho đời, là con sâu lung lạc lòng mình. Nó đâu có đi sâu vào tâm địa con người, mà chỉ thấy giá trị mặt đời là thế, chỉ có thế.

Nên sự gây ý thức và làm cho mọi người cảm thông là việc cần mà cũng là việc yêu sách <sup>(21)</sup> của nhơn dân trên địa giới.

Vậy cần gấp rút trong giai đoạn trên hai trọng tâm:

Một là xây dựng đức tin quyền pháp để toàn đạo cảm thông ý nghĩa sứ mạng.

Hai là gây ý thức ở lòng người.

Muốn làm được việc này Ban Quản Quyền xây dựng một tổ chức gồm các thành phần hữu giác tâm tư vì Đạo, tới lui thăm viếng giúp đỡ, đừng nên động viên nhiều sức lực tài sản trong lúc lòng người yếu đức tin và chưa nhận định sâu rộng.

Việc làm của Ban Quản Quyền Đại Đồng Xã còn phải một chương trình to lớn, một tổ chức lành mạnh khoa học hơn nhiều. Có thiên đạo giải thoát, thế đạo đại đồng, có ban này ban kia, kẻ lo việc sống, người lo việc chết. Nhiều lắm.

(...)

Chào chư Thiên ân, chư đạo tâm. Xin kiếu.

---

<sup>(21)</sup> **yêu sách** 要索 (*a high demand*): Đòi hỏi cho bằng được.

## 12. MỘT NGÀY ĐÔI BUỔI NUÔI THẦN DƯỠNG TÂM

*Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 10-5 Canh Tý (Thứ Sáu 03-6-1960)*

THI

*TIẾP mối thông công để mấy lần  
VẮN đàn cũng lập thiếu văn nhân  
PHÁP quyền ai giữ đưa sanh chúng  
QUÂN tử tri thời <sup>(1)</sup> phải dẫn thân.*

Chào quý liệt vị.

Bước đạo đến một giai đoạn gay cấn vô cùng, ví như hoa đẹp phải tàn để nhường cho quả lành nở kết. Quả lành ấy là con đường khép thân luyện chí, cầu chứng chơn không.<sup>(2)</sup> Chớ có phô trương mà hoài công nhọc sức. Việc từ nay trở đi phải để nguyên vẹn với cuộc điều hành của nó. Không nên

---

<sup>(1)</sup> **tri thời** 知時: Nói đủ là *tri thời thức vụ* 知時識務 (nhận định, biết rõ tình thế, thời cuộc, trào lưu hiện tại và tương lai nên không hành động trái nghịch với xu thế đó: *being aware of current as well as future situation and trends; thus, being not contrary to them*).

<sup>(2)</sup> **chơn không, chân không** 真空 (*true emptiness*): Chẳng phải giả nên gọi là *chơn*; xa lìa hình tướng nên gọi là *không*.



chống trái, <sup>(3)</sup> vì đó cũng là ý Trời.

Thời nay chỉ tu và các hiền quyết tu, mọi người quyết tu. Ai nấy lấy chữ tu làm thiết yếu <sup>(4)</sup> thì khoảnh khắc sẽ thấy cảnh vật tung bừng sống động, tươi đẹp vô cùng. Nếu không nghĩ đến, ta lo bôn nam tẩu bắc, <sup>(5)</sup> xẻ núi lấp sông cũng là làm chuyện nhọc mà kết quả là trò cười. Vì ân điển đã thiếu ở cùng mình thì sức mình đâu còn đủ mà hoạt động.

Việc từ nay, phần của các hiền cứ coi y thánh huấn mà tu học. Thời gian qua xuân sẽ tiếp lấy hồng ân. Chừng đó lòng người được hồi tỉnh, mọi sự được tốt lành, quyền pháp lần hồi sắp đặt lại theo nền nếp, giáo quyền mở mang, kết tình huynh đệ đại đồng, quy nguyên chánh giáo.

#### BÀI

*Đường đi tới đó còn xa  
Gặp Thầy gặp bạn, thiết tha lấy lòng  
Muốn cho nước đục nên trong  
Để yên thì thấy hai dòng khác nhau.  
Độ giờ tu trước làm sau  
Trước sau ai biết lẽ nào mà phân*

---

<sup>(3)</sup> **chống trái** (vi bối 違背: *going against, being contrary to, violating*): Làm trái lại, làm ngược lại. – **không nên chống trái**: Lời khuyên này không khác câu chốt bài thơ xưng danh *Quân tử tri thời phải ần thân*.

<sup>(4)</sup> **thiết yếu** 切要 (*essential, extremely important*): Rất cần thiết, không thể thiếu.

<sup>(5)</sup> **bôn nam tẩu bắc** 奔南走北 (*laborously running everywhere*): Vất vả chạy ngược chạy xuôi.

*Cuộc đời gặp bước phân vân <sup>(6)</sup>  
Nội tình cho vẹn mới thân mới hòa.*

*Rồi đây nội bộ chia ba  
Rồi đây mới thấy phụng gà đua tranh  
Khuyên nhau giữ một lòng lành  
Ấn tu đừng có đua tranh rầy rà.*

*Việc đời muôn việc bỏ qua  
Anh em ta phải thiết tha sửa mình  
Làm cho quyền pháp được linh <sup>(7)</sup>  
Làm cho các mối bất bình thân yêu. <sup>(8)</sup>*

*Làm cho cựu oán <sup>(9)</sup> tan tiêu  
Làm cho ai nấy biết điều <sup>(10)</sup> tự tâm <sup>(11)</sup>  
Đường tu chậm rãi tu lần  
**Một ngày đôi buổi nuôi thần dưỡng tâm.** <sup>(12)</sup>*

*Chờ cho quyền pháp ngự lâm <sup>(13)</sup>*

---

<sup>(6)</sup> **phân vân** 紛紜 (*bewildered and unable to make a decision*): Hoang mang, rối trí, không thể quyết định.

<sup>(7)</sup> **được linh** (effective): Được hiệu quả, phát huy được tác dụng.

<sup>(8)</sup> Câu này ý nói: Làm các mối bất bình trở thành thân ái (*turning dissatisfied relations into friendly ones*).

<sup>(9)</sup> **cựu oán** 舊怨 (*old hatred*): Oán cũ hờn xưa.

<sup>(10)</sup> **biết điều** (reasonable, sensible): Biết cư xử hợp tình hợp lý.

<sup>(11)</sup> **tự tâm** 自心 (*from one's own heart*): Từ chính lòng mình.

<sup>(12)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(13)</sup> **ngự lâm** 御臨 (*administering, governing, managing*): Ngự và lâm đồng nghĩa là cai trị, quản trị. Thư Kinh, Đại Vũ Mô 書經, 大禹謨 có câu: *Lâm hạ dĩ giản, ngự chúng dĩ khoan*. 臨下以簡, 御眾以寬. (Lấy giản dị mà cai trị người dưới, lấy khoan dung mà

Trung Tông tái lập, tri âm đủ người  
Chừng kia đây đó tốt tươi  
Là nhờ tu học trong hồi khó khăn.

(...)

Bây giờ cầu cho tu sĩ được cái đạo pháp là quý. Còn quyền sắp xếp không phải bởi ở quyền mình mà xen lẫn <sup>(14)</sup> [thì] sinh ra khảo thí.<sup>(15)</sup> Việc dạy có huấn học.<sup>(16)</sup> (...) Việc tu có tịnh đường. Việc làm dưới quyền pháp có Hội Thánh.

Tu sĩ vì thiếu tâm tu học mà bị khảo. Chức sắc thiếu lòng tu học mà bị khảo. Hội Thánh thiếu sự an bài mà Hội Thánh bị khảo. Nên chư tu sĩ theo Đức Ngô Đại Tiên thì đặt mình vào đạo pháp, sống nối liền cùng Thiêng Liêng để ân điển cùng chảy.

Về giáo lý, huấn học, và tịnh đường: Dạy cho họ một trình độ vừa hết.<sup>(17)</sup> Mỗi tháng bốn tuần, chia hai để làm nghề và học giáo lý. Nhưng bây giờ tạm chờ có một nhà tu sẽ an bài cách thức.

Thăng.

---

cai trị dân.) – **quyền pháp ngự lâm** (*pháp quyền ngự lâm* 法權御臨): Hiểu thoát ý là mọi việc trong Hội Thánh đều không trái quyền pháp.

<sup>(14)</sup> **xen lẫn** (*interfering*): Chen vào, can thiệp.

<sup>(15)</sup> **khảo thí**: Nên hiểu là khảo đảo, xung đột (*conflict*).

<sup>(16)</sup> **huấn học** 訓學: Thời xưa là chức quan lo việc dạy học. Ở đây tạm hiểu là chức sắc lo việc giảng dạy.

<sup>(17)</sup> **trình độ vừa hết** (*suitable for everyone*): Trình độ phù hợp hết cả mọi người.

## 13. KHÔNG TU SAO THẤY ĐIỂN QUANG NHIỆM MẦU

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 28-5 Canh Tý (Thứ Ba 21-6-1960)

THI

NGÔ tâm <sup>(1)</sup> nguyện thẳng đến Tiên Bồng <sup>(2)</sup>  
ĐẠI nghiệp <sup>(3)</sup> mới còn có thể trông  
TIÊN Phật hỏi ai lòng đã quyết <sup>(4)</sup>  
Giáng thẳng <sup>(5)</sup> cho rõ máy huyền công.

---

<sup>(1)</sup> **ngô tâm** 吾心: Lòng ta.

<sup>(2)</sup> **Tiên Bồng** 仙蓬 (*the realm of Immortals*): Bồng Lai Tiên Cảnh 蓬萊仙境, cõi Tiên.

<sup>(3)</sup> **đại nghiệp** 大業 (*great cause*): Sự nghiệp to lớn, tức là kết quả công phu tu luyện.

<sup>(4)</sup> Câu này ý nói: Hỏi ai là người quyết tâm tu thành Tiên Phật.

<sup>(5)</sup> **giáng thẳng** 降升 (*descending and ascending*): Xuống thấp và lên cao. Con người sanh vào cõi trần (hậu thiên) đã đánh mất phần tiên thiên, nói ví von là Càn ☰ Khôn ☷ trở thành Ly ☲ Khảm ☵ (hào hai của hai quẻ đối chỗ lẫn nhau). Hành giả tu luyện (công phu, thiên) để biến đổi hậu thiên trở lại tiên thiên, tức là làm cho Khảm Ly trở lại Khôn Càn (xem Đại Thừa Chơn Giáo, bài Nhơn Vật Tiến Hóa), cũng gọi là chiết Khảm điền Ly, để cho quẻ Khảm biến thành Khôn, quẻ Ly biến thành Càn. Tiên Học Từ Điển của Đới Nguyên Trường giảng rằng một điểm chơn âm

Bần Đạo chào chư liệt đẳng Thiên ân, đạo tâm.

Giờ này, Bần Đạo cũng đặt lòng tận độ đến cùng chư môn sanh đã phát nguyện trở bước về Thầy. Con đường quay lại ngôi xưa vị cũ cần nhất là ở chí nguyện nơi lòng mình. Lòng ấy không còn vương vấn lợi danh, tài sắc ở đời, mà chỉ thiết tha với con đường giải thoát. Vì lúc nào người giải thoát cũng cầu cho được mối vô vi thanh tịnh ở lòng mình, nên lòng được bình an mà tiếp trọn thánh ân linh hiển.

Vậy chư hiền đồ an tọa.

Đây, bước một bước gay go mà còn nhiều bước gay go hơn nữa. Có gay go như thế mới thấu được lòng thành. Càng gay go thì lòng mình mới trở nên tươi đẹp. Gay go là phần thưởng cho kẻ nhiệt thành, thì ráng mà nhận lấy những cái gì mà người ta không dám.

Hôm nay đã dành sứ mạng trung hưng vì quyền pháp chưa linh,<sup>(6)</sup> ân oai chưa tỏ nên giữa nhau trong nội bộ bất đồng. Mọi việc Thầy có thương cũng không làm xong xả.<sup>(7)</sup>

Thời giáo pháp đã ngẫu nhiên bước đến một bước lạnh lòng. Thời Khuê đã hiện. Đã là Khuê rồi thì lòng ai cũng mang lấy một mối ngờ, mà ngờ nhau thì trông vào ai cũng là người thù địch.

---

trong cung Ly [hào hai âm, vạch đứt] *giáng xuống* cung Khảm; một điểm chơn dương trong cung Khảm [hào hai dương, vạch liền] thăng lên cung Ly, khôi phục lại Càn Khôn; đây là phép *quy căn phục mệnh* 歸根復命. Giáng thăng vì vậy còn ám chỉ phép tu luyện (công phu, thiền).

<sup>(6)</sup> **chưa linh** (*ineffective*): Chưa hiệu quả, chưa phát huy tác dụng.

<sup>(7)</sup> **xong xả** (*finished, accomplished*): Xong xuôi, hoàn thành.

Vì vậy, trong giai đoạn Khuê này ai là người đã thấy xa biết rộng, nên chữa cứu lại cho được tốt lành. Đứng trong thời Khuê người Thiên ân há chẳng biết Khuê mà chừa tránh cái Khuê để cho Hỏa Trạch Khuê trở ngược lại Trạch Hỏa Cách. Khuê trở thành Cách thì sứ mạng sẽ về.<sup>(8)</sup> Quyền pháp sứ mạng trung hưng được huy hoàng, tỏ rõ.

## BÀI

*Từ đây các đệ lo tu*

*Để lòng hôm sớm đền bù tội khiên<sup>(9)</sup>*

*Thì là thấy được giáo quyền*

*Thì là giữ vững mối giềng Trung Tông.*

*Nếu còn muôn mối chưa thông<sup>(10)</sup>*

*Làm sao thấy được Tiên Bồng ngày quy<sup>(11)</sup>*

*Lòng Thầy lân mẫn,<sup>(12)</sup> từ bi*

---

<sup>(8)</sup> **Hỏa Trạch Khuê** 火澤睽 (*Fire-Lake Opposition*): Quẻ Dịch 38 睽 nói về thời kỳ chia lìa, đối đầu nhau; tuy rất xấu nhưng trong họa vẫn ẩn nấp cái phúc. Hoán vị nội quái và ngoại quái của quẻ Khuê thì thành quẻ Cách. – **Trạch Hỏa Cách** 澤火革 (*Lake-Fire Revolution*): Quẻ Dịch 49 革; đại ý là cải cách, cách mạng phải hợp thời, hợp đạo, sáng suốt, chí thành, được lòng tin của nhiều người (quần chúng).

<sup>(9)</sup> **tội khiên** 罪愆: Tội (*sins*); khiên (*faults*) là lỗi lầm. *Tội khiên* là tội lỗi, đồng nghĩa *tội quá* 罪過.

<sup>(10)</sup> **muôn mối** (đa đoan 多端: *multifariously occupied*): Vương bận quá nhiều điều. – **muôn mối chưa thông** (*multifariously occupied with earthly matters*): Còn vương mắc vào lăm chuyệu phạm tục thế gian như danh lợi, tình tiền, được mất, hơn thua, ganh ghét, đố kỵ, v.v...

<sup>(11)</sup> **ngày quy** (*the day leaving this world*): Ngày lìa trần.

Trông người hối quá <sup>(13)</sup> ban kỳ hồng ân.

Thấy nhau nghi kỵ, phân vân <sup>(14)</sup>

Làm sao sự nghiệp canh tân <sup>(15)</sup> ở mình

Mong sao ai nấy thực tình

Vì ơn cứu chuộc <sup>(16)</sup> quên mình <sup>(17)</sup> mới hay.

Chớ đừng ném đá giấu tay

Để cho nội bộ đặng cay, nghi ngờ

Mong trò cầu lấy huyền cơ

Cầu ơn cứu chuộc, đừng mơ lợi quyền.

Tu sao nên Phật được Tiên

Mới là hạnh phúc, phỉ nguyện <sup>(18)</sup> toàn dân

Nếu lòng đo đẩn so cân <sup>(19)</sup>

Lấy khôn lấy khéo khó gần Thánh ân.

(...)

Cơ đồ <sup>(20)</sup> gánh lấy không xong

Tội tình quy cả Thiên phong Lưỡng Đài

Làm sao đừng để chia hai

Làm sao cứu lại ngày mai mạnh lành.

Làm sao điều độ nhân sanh

Làm sao ai nấy thanh danh rõ ràng

Ngày mai muốn được huy hoàng

Ngày nay ai nấy phải toan tu hành.

Ngày mai muốn Đạo được thành

Ngày nay chức sắc khép mình lo tu

Ngày mai thấy được phép màu

Ngày nay hạ thủ <sup>(21)</sup> tu cầu Tiên gia.

Ngày mai được gặp mặt Cha

<sup>(12)</sup> **lân mẫn** 憐愍 (*pitying sb, feeling pity for sb*): Thương xót, xót xa.

<sup>(13)</sup> **hối quá** 悔過 (*repenting*): Hối lỗi, ăn năn sám hối.

<sup>(14)</sup> **phân vân** 紛紜 (*bewildered and unable to make a decision*): Hoang mang, bối rối, không thể quyết định.

<sup>(15)</sup> **canh tân** 更新 (*renovating*): Đổi mới.

<sup>(16)</sup> **cứu chuộc** (*cứu thực 救贖: redeeming, redemption*): Cứu 救 là cứu nguy, cứu thoát (*rescuing, saving*). Chuộc (từ thuần Việt, chữ Nho là thực 贖) nghĩa là đem một món gì ra đánh đổi một hình phạt (lấy công chuộc tội; chữ Nho là tương công thực tội 將功贖罪: *redeeming one's crime[s] by meritorious acts*). Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, **ơn cứu chuộc** đến với thế gian khi Đức Giê-su hy sinh trên thập giá, lấy mạng sống của Người làm **giá chuộc** (*thực giá 贖價: ransom*) cho tội lỗi chúng sinh (xem Mát-thêu 20:28 và Mác-cô 10:45). Trong Tam Kỳ Phổ Độ, **ơn cứu chuộc** đến với thế gian khi Đức Chí Tôn (Thầy) phế Bạch Ngọc Kinh xuống trần mở đạo Cao Đài với đại nguyện trước Công Đồng Tam Giáo rằng lập Đạo không thành thì Thầy không trở về ngôi vị cũ. *Cứu chuộc* và *giá chuộc* là thuật ngữ đạo Chúa. (Xem: Huệ Khải, *Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 20-29 và 37-41.)

<sup>(17)</sup> **quên mình** (*vong ngã 忘我: oblivious to oneself*): Quên cái ta của mình.

<sup>(18)</sup> **phỉ nguyện** (*toại nguyện 遂願: having one's wish fulfilled*): Thỏa lòng mong ước.

<sup>(19)</sup> **đo đẩn so cân** (*selfish comparison*): So đo, toan tính ích kỷ nhằm lựa chọn cho bản thân được lợi.

<sup>(20)</sup> **cơ đồ** 基圖 (*the Caodai salvation career*): Sự nghiệp; công cuộc cứu thế Kỳ Ba.

<sup>(21)</sup> **hạ thủ** 下手 (*starting work on sth, putting one's hand to sth*): Bắt tay vào việc, ra tay làm việc, khởi sự làm gì.

Ngày nay ai nấy thiết tha e dè  
Ngày mai đất chở trời che  
Ngày nay đừng tạo phái phe thù hiềm.

Từ đây để các trò xem  
Hai đường thưởng phạt hư nên rõ ràng  
Không tu sao được trong hàng <sup>(22)</sup>

**Không tu sao thấy điển quang nhiệm màu.**<sup>(23)</sup>

Thiên ân ai có nguyện cầu  
Nhất tâm chung thủy pháp màu được trao  
Trao rồi phải giữ làm sao  
Cho còn cho tỏ, cho cao cho thành.

Cho lòng đừng lệch đừng chệnh  
Cho thân ra khỏi bức màn vô minh  
Có tu, quyền pháp có linh  
Có ơn hướng đạo, có tình nhân sanh.

Có tu muôn việc được lành  
Có tu mới hết cạnh tranh, nghi ngờ  
Có lòng sao lại giận nger  
Ơn Trời đã đến có chờ được đâu.

Chư hiền đồ cũng thấy được ân điển đã cạn mà không lo tu sửa nội bộ thì càng lúc càng thấy cạn, cho đến lúc kiệt tất thì không còn cầu cứu nơi đâu. Tại sao cạn và phải kiệt tất, là ví như nước không nguồn hay bị cắt mạch thì làm sao không tắt được.

Cũng vậy, ân điển không chan chảy đến cho người là vì

---

<sup>(22)</sup> **trong hàng:** Còn trong hàng ngũ, không bị đào thải.

<sup>(23)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

người phạm một tội nghịch chống nào, hay ô uế nào, đã tự đoạn mối thông công, thì nhân sinh tuy còn sống trong quyền pháp của hướng đạo, mà quyền pháp của hướng đạo hữu hạn vì hướng đạo đã không còn nối liền với ân điển bao la.

Tại sao hướng đạo không còn sống trong quyền pháp bao la? Vì lòng hướng đạo đã chật hẹp. Nên người hướng đạo muốn che chở, tận độ nhân sinh để làm tròn sứ mạng của mình, thì nhân lúc khảo thí này cũng được thấy mà lo sợ. Biết lo sợ càng phải tu.

Muốn tu thì phải thật thà mới cầu được cái pháp môn vô lậu <sup>(24)</sup> mà tu trụ, trì chí thuần chân vô ngã để cầu lấy cái chân thường thanh tịnh <sup>(25)</sup> cho mọi người.

Nếu không thực tình mà đem lòng giả dối cầu lấy cái Đạo màu nhiệm thì không bao giờ được thấy màu nhiệm. Người chưa thể giả được với người, thì làm sao giả được với Thần, với các bậc đại giác được.

Vậy, Bàn Đạo khuyên đừng có đem cái lòng giả dối mà cầu Đạo ở Bàn Đạo. Số chức sắc đã lấy lòng giả dối cầu lấy Đạo trường sanh của Bàn Đạo nên Bàn Đạo không nhận lấy giả dối ấy, mà rồi cái đó nó hoàn trở về với lòng [giả dối] đó.

(...)

---

<sup>(24)</sup> **pháp môn vô lậu** (vô lậu pháp môn 無漏法門: *the dharma method for freeing oneself from passions and delusions as well as reincarnation*): Phương pháp tu hành giải thoát khỏi phiền não (tham dục và mê lầm) để ra khỏi vòng sống chết (luân hồi).

<sup>(25)</sup> **chân thường thanh tịnh** 清淨眞常 (*the true and eternal tranquility*): Thanh tịnh thật sự và bất biến, không còn mây may phiền não (hết sạch tham dục và mê lầm).

Việc hành chánh thì phần đó đã hứa, và Thần Tiên cũng giữ lời; khi nào người bất lực, [Thần Tiên] sẽ đến ban cho một quyền pháp sống.

Việc xây dựng Hội Thánh và xây dựng quyền pháp trung hưng chỉ còn có một phương là chư Thiên ân hướng đạo chịu tu. Tu cho đắc cái lòng chơn thường thanh tịnh thì sự nghiệp lo gì không phục hồi, nhân sinh lo gì không thỏa nguyện, danh nghĩa lo gì không rõ ràng, giá trị Thiên ân lo gì không quý trọng.

Vì Thiên ân ít tu, Thiên ân còn lấy lý trí để xét đoán chân lý hoặc tìm hiểu chân lý thì không bao giờ thấy pháp môn.<sup>(26)</sup>

Nói tu sĩ sẽ bị thế nạn thế kia, điều đó vì thiếu đức tin. Mà đã thiếu đức tin thì không bao giờ hưởng được quyền pháp đó.

Vậy Bần Đạo cũng mừng; trong dịp khảo thí này, chư Thiên ân đã thấy được phần nào về quyền pháp, đã cho hướng đạo nhiều kinh nghiệm.

Mà muốn dẫn người ra khỏi tối tăm chỉ có người sáng suốt mới làm hướng đạo. Muốn đem tự do an lạc cho loài người thì làm hướng đạo phải chứng được pháp môn thanh tịnh trước.

(...)

Việc làm đạo thiết cần, mà thiết cần hơn là việc tu thân, luyện kỹ.<sup>(27)</sup> Cả hai đều vì Giáo Hội, vì bản thân. Nếu cần bỏ

---

<sup>(26)</sup> Xem lại chú thích (27) bài 7.

<sup>(27)</sup> **luyện kỹ** 煉己 (*refining oneself*): Tinh luyện bản thân cho hoàn hảo.

bớt một thì bỏ phần Giáo Hội, lo phần tu thân. Có thân mới xây dựng được Giáo Hội. Có Giáo Hội để nương cậy là một phương tiện tu thân lập công. Nên dầu là sứ mạng mà thân không tu thì có sứ mạng cũng không làm được trọn, mà lại còn gây nhiều trở ngại.

Việc trong Hội Thánh từ đây còn gặp nhiều khó khăn. Mà khi có khó khăn bên ngoài là lúc các hiền nổi lại cùng Thầy được một mối liên lạc. Đến đó cũng là dịp tốt. Nhưng phần nội bộ, các hiền đồ nên xóa bỏ cựu ác,<sup>(28)</sup> gây lại một tinh thần tin cậy và thương yêu, rồi đây sẽ an toàn trở lại. Việc nào có đến cho Hội Thánh hay đến cho các hiền, trong lúc này là lúc cần phải sáng suốt.

Thầy có dạy chung nhau mà gỡ khổ. Các hiền phải chung nhau mới gỡ được khổ. Không chung nhau thì khổ hoài. Nghĩa là còn chống nghịch nhau thì còn lâm lụy<sup>(29)</sup> suốt đời.

Thôi, công việc tu hành là vậy.

(...)

Bần Đạo ban ơn và chào chư hiền đồ.

---

<sup>(28)</sup> **cựu ác** 舊惡 (*wickedness of former times, former sins*): Tội lỗi lúc trước.

<sup>(29)</sup> **lâm lụy** 臨累 (*facing suffering*): Gặp khổ lụy.

## 14. LẬP PHÁP ĐỘ MÌNH CỨU NGƯỜI TRÊN NỀN THANH TỊNH

Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 30-6 Canh Tý (Thứ Bảy 23-7-1960)

THI

CAO thấp cân đo chớ tưởng lầm  
ĐÀI tiền Thầy ngự luống thương tâm  
TIÊN phàm ai thấu phân cho được  
ÔNG nguyện diu đưa kẻ quyết tâm.

Chào mừng các con.

Giờ này Thầy đến mở đường tận độ<sup>(1)</sup> cho các con một năm thành công, mà cũng cho biết là một năm đầy gian khổ.

Con đường mà Thầy định đưa bước các con hôm nay là con đường thanh tịnh.<sup>(2)</sup> Đường ấy tuy không nguy hiểm khó khăn mà ít người để chân nên nẻo về âm u. Nếu lòng chưa thanh tịnh cũng gặp nhiều chướng ngại.

Hôm nay Hội Thánh các con lâm vào một thời chống

<sup>(1)</sup> **tận độ** 盡度 (*saving all*): Cứu độ hết tất cả.

<sup>(2)</sup> **thanh tịnh** 清淨 (*purified and tranquil*): Không phiền não (tham dục, mê lầm), không ô nhiễm, không chấp trước, không dính mắc vào bất cứ điều gì.

trái.<sup>(3)</sup> Thời này cả một sự gay gắt, ngọc đá chưa phân. Nếu không phải con mắt nhà nghề thì dầu cho nó là của quý Biện Hòa<sup>(4)</sup> cũng khó mong khỏi tội khi người. Nên Thầy muốn cho các con từ nay trở đi **lập pháp độ mình cứu người trên nền thanh tịnh**.<sup>(5)</sup> Hằng ngày soi rọi vào lòng mình, cố nguyện làm Tiên phụng sự cho Thầy, muốn cho được cái tâm thanh tịnh.<sup>(6)</sup>

Tâm đã hàm súc<sup>(7)</sup> Tiên cơ, khí đủ thần đầy, tinh huyết sung mãn thì tự khắc thấy được máy dinh hư tán tụ,<sup>(8)</sup> làm cho bình định<sup>(9)</sup> nhân hoàn.<sup>(10)</sup>

Vì phương thuốc cứu đời là một khối tinh thần trọn vẹn, nào phải ở tài ba lý trí mà ổn định được sóng gió trên mặt đời. Nếu không suốt tận Thiên cơ thì đâu dễ gì làm cho lòng người thỏa mãn. Nên Thầy mới cho các con một pháp môn tận độ kỳ trung hưng là về phần hành đạo, tịnh luyện.

<sup>(3)</sup> **chống trái** (*severe contradiction*): Kinh chống, trái nghịch nhau.

<sup>(4)</sup> **Biện Hòa**: Xem Phụ Đính 1 cuối bài thánh giáo này.

<sup>(5)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(6)</sup> **tâm thanh tịnh** (*thanh tịnh tâm 清淨心: purified and tranquil mind*): Tâm xa lìa phiền não (tham dục, mê lầm), ô nhiễm; tâm không chấp trước, không dính mắc vào bất cứ điều gì.

<sup>(7)</sup> **hàm súc** 涵蓄 (*containing, holding*): Chứa đựng.

<sup>(8)</sup> **dinh hư** 盈虛 (*full and not full*): Đầy vơi. – **tán tụ** 散聚 (*scattering and congregating*): Tan ra và họp lại. – **máy dinh hư tán tụ** (*Tạo Hóa chi cơ 造化之機: the mechanism of nature, the mechanism of yin-yang*): Máy Tạo, máy âm dương, sự vận hành của trời đất.

<sup>(9)</sup> **bình định** 平定 (*pacifying*): Làm cho an ổn, hết rối loạn.

<sup>(10)</sup> **nhân hoàn** 人寰 (*the world*): Cõi trần, cõi người ta.

Lấy Cửu Trù <sup>(11)</sup> để khai trị <sup>(12)</sup> nhân tâm, vận hóa <sup>(13)</sup> theo độ số <sup>(14)</sup> của đất trời, thì được độ mình mà đem người về một. Nên Thầy muốn ban cho con những yếu khuyết <sup>(15)</sup> tối cần để con sớm được ngày chứng ngộ, cũng là sự vui mừng cho Giáo Hội.

Ngặt vì con còn chạy theo thế sự hơn thua, lòng không thanh tịnh. Lòng con không thanh tịnh thì dù Thầy có thương muôn vạn lần hơn cũng không sao nói được cho con cảm thông cơ mầu nhiệm đất trời. Ít ra con phải có vốn liếng được ít nhiều về thuộc linh,<sup>(16)</sup> thánh trí mới nghe thấu lời bí nhiệm.

Lời bí nhiệm đâu phải giấu kín ở một nơi nào, mà lúc nào cũng vang vọng trong không gian. Vì con thiếu lòng thanh tịnh mà nghe không được. Bao nhiêu lời trong thánh ngôn cũng như sự việc xảy ra mỗi ngày, mà có đũa nào biết đó là cơ mầu nhiệm đưa đến.

Vậy Thầy muốn con nghe cho hiểu được lời Thầy, ngó cho rõ lẽ hư nên của cơ Tạo Hóa. Muốn thế, phải đâu Thầy không

dạy bày nhắc nhở. Vì con chưa đủ sức nghe hiểu ý Thầy.

Thầy cũng thường hiện bao lẽ thật ở trước các con mà các con chưa hề thấy được là vì mắt các con yếu thần, tai con thiếu tuệ. Thầy muốn con cảm thông và hăng hái những việc Thầy bày và được gần gũi bên Thầy. Vì các con vô minh mà chẳng thấy Thầy, không nghe Thầy, và các con loay hoay tìm kiếm chi mãi trong vòng thị phi náo nhiệt.

Vậy tóm lại, muốn cứu đời, độ mình là trước phải làm chủ cái lòng mình. Lòng không lung lay phóng tán thì hạo khí <sup>(17)</sup> của trời đất đến nhóm tụ nơi lòng mình. Lòng nương theo hạo khí mà sống, hòa nhịp với Thiên lý, vạn hữu <sup>(18)</sup> chúng sinh. Cốt làm sao cho lòng thanh tịnh.

Thân đứng trước bao thử thách cám dỗ, bao khiêu khích đe dọa, bao nguy kịch khó khăn cũng không lay động lòng mình, thì lòng ấy đã được làm thầy của vạn hữu, làm chủ sự biến hóa mất còn. Được vậy thì mới sửa cái hư, chữa cái tệ,<sup>(19)</sup> khiến kẻ dữ làm lành, trừ các họa hại, gây cho nhân tâm một tinh thần bình đẳng, vô ngã.

Nếu không thanh tịnh thì làm sao nếm được các vị chất

---

<sup>(11)</sup> **Cửu Trù:** Xem Phụ Đính 2 cuối bài thánh giáo này.

<sup>(12)</sup> **khai trị:** Khai hóa 開化 (khai sáng: *enlightening*) và chữa trị (trị 治: *curing*).

<sup>(13)</sup> **vận hóa** 運化: Vận hành biến hóa 運行變化 (*operating and transforming*).

<sup>(14)</sup> **độ số** 度数: Tiêu chuẩn 標準 (*standard, norm*); quy tắc 規則 (*rules and regulations*).

<sup>(15)</sup> **yếu khuyết** (yếu quyết 要訣: *the secret of success*): Bí quyết quan trọng để thành công.

<sup>(16)</sup> **thuộc linh:** Xem Phụ Đính 3 cuối bài thánh giáo này.

---

<sup>(17)</sup> **hạo nhiên** 浩然 (*vast, expansive, overwhelming*): Rộng lớn, bao la, mênh mông bát ngát, trùm khắp. – **hạo khí** 浩氣: Nói tắt của *hạo nhiên chi khí* 浩然之氣, tức là khí hạo nhiên. Khí rất rộng lớn, rất mạnh mẽ (*chí đại chí cương* 至大至剛: *exceedingly great, exceedingly strong*), bao trùm khắp cả trời đất (*tắc ư thiên địa chi gian* 塞於天地之間: *filling up all between heaven and earth*).

<sup>(18)</sup> **vạn hữu** 萬有 (*all living beings*): Vạn vật 萬物, muôn vật.

<sup>(19)</sup> **tệ** 弊 (*harm, detriment*): Điều xấu, có hại.



tính được như Thần Nông,<sup>(20)</sup> khai được bát quái, mở được Cửu Trù như Phục Hy,<sup>(21)</sup> Đại Vũ.<sup>(22)</sup>

Vận được khí nơi trong thì cũng vận được khí nơi ngoài. Khai được cửu khiếu <sup>(23)</sup> ở người thì Cửu Trù cũng không phải khó gì.

Từ xưa đến nay, các sự nghiệp lợi ích cho đời còn để lại

---

<sup>(20)</sup> **Thần Nông** 神農 (*Shennong*; literally, “Wondrous Peasant”, often known as “Peasant God”): Nhân vật thời thượng cổ trong huyền sử Trung Hoa, dạy dân nghề nông (*giáo nhân nông canh* 教人農耕: *teaching people agriculture*), đích thân nếm các loại cây cỏ (*thân thường bách thảo* 親嘗百草: *tasting all kinds of flora on his own*); được người Hoa xem là ông tổ nông nghiệp và y dược (*nông nghiệp, y dược do tha khai thủy* 農業, 醫藥由他開始: *agriculture and medicine started by him*).

<sup>(21)</sup> **Phục Hy** 伏羲 (*Fuxi*): Nhân vật thời thượng cổ trong huyền sử Trung Hoa, vẽ bát quái cho Kinh Dịch (*tác Dịch bát quái* 作易八卦: *drawing the eight trigrams of the Book of Change*); tạo chữ viết (*tạo thư khế* 造書契: *inventing Chinese characters*); dạy dân săn bắn, đánh cá, chăn nuôi (*giáo dân điền, ngư, súc mục* 教民佃, 漁, 畜牧: *teaching people hunting, fishing, domestication*).

<sup>(22)</sup> **Đại Vũ** 大禹 (*Da Yu*): Là con ông Cồn 鯀, nhận lệnh vua Thuấn 舜 trị thủy 治水 (*controlling floods*) mười ba năm, từng đi ngang nhà ba lần mà không ghé vào. Trị thủy thành công, được vua Thuấn nhà Ngu 虞 (nên cũng gọi *Ngu Thuấn* 虞舜) truyền ngôi, ông Vũ sáng lập nhà Hạ (nên cũng gọi *Hạ Vũ* 夏禹). Trong lúc trị thủy ở sông Lạc 洛, ông Vũ bắt được một con rùa mà trên mai (mu) tượng hình chín điểm, căn cứ theo đó ông lập thành Cửu Trù 九疇. Kinh Thư nói Trời ban cho ông Vũ Cửu Trù để làm chín nguyên lý trị nước an dân.

<sup>(23)</sup> **cửu khiếu** 九竅 (*nine cavities*): Chín cái huyết để luyện đạo trong thân thể hành giả.

những người đắc đạo, nào phải kẻ học nhiều mà không làm chủ được tâm. Vậy các con sau khi sứ mạng đã bị truất rồi, thì sự việc các con có làm khó nhọc đến đâu cũng không đem lại kết quả. Là vì sứ mạng không còn, cũng như có xác không hồn, có gì giá trị. Nên sự xa cách với Thầy khiến việc làm của các con trở nên khó nhọc.

Bây giờ Thầy muốn độ các con. Chờ một ngày các con thành công Thầy sẽ trao lại quyền pháp để đương vi,<sup>(24)</sup> tiếp tục sứ mạng. Vì hiện nay, các con còn ở trong thời Khuê,<sup>(25)</sup> mọi việc chưa hiền, mọi người lòng còn cách bức. Chờ đông chí sẽ quyết định.<sup>(26)</sup> Bây giờ Thầy để tự lòng các con chọn lấy một con đường tu.

Về hành đạo thì cứ theo quy trình quyền pháp đã định và tùy theo địa phương, trình độ mà giáo hóa, không thêm bớt gì khác.

Các con đây cũng vậy. Thầy không muốn để giữa các con nghi kỵ nhau làm trở ngại cho nhơn sanh, nên Thầy cũng thể lòng chung mà mong các con xúm nhau xây dựng, chớ không được cầu hỏi riêng rẽ mà phạm đến quyền pháp chí công.

Chỉ riêng cho những con nào muốn tu giải thoát được cầu lấy cái đạo thanh tịnh thì có số; quần Tiên, chư Tổ đến chỉ điểm cho. Nhưng cũng lắm dặt dè để tránh cơ khảo thí.

---

<sup>(24)</sup> **đương vi** 當爲 (*assuming, undertaking*): Gánh vác, đảm đương.

<sup>(25)</sup> **thời Khuê**: Thời kỳ chia lìa, đối đầu nhau. Xem chú thích (6) về quẻ Hỏa Trạch Khuê trong bài 13.

<sup>(26)</sup> Đông chí ứng với quẻ Địa Lôi Phục; bấy giờ mọi việc bắt đầu trở lại tốt đẹp hơn trước. Xem bài 18 giảng về quẻ Phục.

Việc xây dựng tịnh đường là một việc quan yếu,<sup>(27)</sup> cần được sự giúp đỡ nhiều của toàn đạo. Nhưng trong thời Khuê phải lo chuẩn bị mọi mặt về nội dung quy ước.

Nếu đã được mọi bề thế, đủ tư cách, sẽ cho một tông đạo trung hưng, phương tu chia năm đẳng, pháp đạo chín tầng. Mở rộng phạm vi, bất cứ hạng nào tu cũng được, miễn là trường trai tuyệt dục, nguyện đi thẳng, thì cứ lần lượt trên nấc thang năm bậc mà tiến.

Bây giờ nói lại, ngày sám hối của chư Thiên ân trong Giáo Hội Truyền Giáo đã được Thầy đồng ý xá giảm tội tình. Song dầu bao lần lầm lỗi cũng phải giữ được tâm nguyện thì khỏi phạm Thiên điều. Dầu kẻ kia được xá giới cũng không phép bội nghịch quyền pháp và lộ Thiên cơ, bí tích. Muốn được độ, có ngày cầu xin.

Về việc tu hành, nói phần thế đạo còn khó khăn thay, huống gì thiên đạo. Người tu thiên đạo không phải đại căn đại kiếp thì làm sao thắng nổi ma dục. Nên không ép buộc ai mà chỉ khuyên người, nếu kẻ đó giác ngộ thành tâm.

Phát tâm rồi cũng có thể sa ngã. Sa ngã là việc thường, đừng lấy làm lạ. Những người sa ngã mà biết đâu một phen giác ngộ tu mau. Miễn sao kẻ phạm giới mà hối cải kịp và biết ăn năn chuộc lại, cuối cùng ngày chung quy cũng còn ở trong thiên đạo là được độ.

Bây giờ lập xong bộ <sup>(28)</sup> tịnh đường dâng lên, nếu được

---

<sup>(27)</sup> **quan yếu** 關要 (*important*): Quan trọng 關重.

<sup>(28)</sup> **bộ, bạ** 簿 (*register*): Sổ sách ghi chép.

Tam Thanh <sup>(29)</sup> chấp chuẩn thì Thầy sẽ ban cho thành lập một tông đạo không phải thống thuộc <sup>(30)</sup> một chi nào. Mà tông đạo này chia làm hai phần: Một xiển minh <sup>(31)</sup> giáo pháp sáng lập trên nền tảng Tứ Giáo đồng nguyên.<sup>(32)</sup> Phần này cần được một chương Tâm Pháp Tận Độ. Nếu con không đủ tư cách lãnh lấy tông đạo này thì thống thuộc ở Chiếu Minh mà tu. Song Chiếu Minh tu theo phương pháp giải thoát tại gia, không dung hòa được các phần yếu khuyết của các giáo.<sup>(33)</sup> [Hai ... ]<sup>(34)</sup>

Nay Thầy đến đây chính cơ lập pháp, ban sứ mạng trung hưng.

Về công truyền, Thầy duy nhất nội bộ <sup>(35)</sup> và kết hợp các

---

<sup>(29)</sup> **Tam Thanh** 三清 (*the Three Pure Ones*): Theo đạo Lão là ba cảnh 境 (cõi: *realms*) mang tên Ngọc Thanh 玉清, Thượng Thanh 上清, Thái Thanh 太清. Giáo chủ Ngọc Thanh Cảnh là Nguyên Thủy Thiên Tôn 元始天尊. Giáo chủ Thượng Thanh Cảnh là Linh Bảo Thiên Tôn 靈寶天尊. Giáo chủ Thái Thanh Cảnh là Đạo Đức Thiên Tôn 道德天尊.

<sup>(30)</sup> **thống thuộc** 統屬 (*belonging to*): Lệ thuộc 隸屬, phụ thuộc.

<sup>(31)</sup> **xiển minh** 闡明 (*elucidating, expounding*): Làm cho sáng tỏ.

<sup>(32)</sup> **Tứ Giáo** 四教 (*the Four Teachings, i.e., Confucianism, Daoism, Buddhism, and Jesusism*): Tam Giáo (Nho, Tiên, Phật) và đạo Chúa. – **Tứ Giáo đồng nguyên** 四教同源 (*the Four Teachings coming from a common origin*): Bốn đạo (Khổng, Lão, Phật, Chúa) đều phát sinh từ một nguồn cội chung là Đại Đạo, được hữu ngã hóa là Thượng Đế hay Thiên Chúa.

<sup>(33)</sup> **các giáo** (chư giáo 諸教: *various religions*): Các tôn giáo, các đạo.

<sup>(34)</sup> Có lẽ khi sao chép bị sót phần thứ hai của tông đạo.

<sup>(35)</sup> **duy nhất nội bộ** 唯一內部: Làm cho nội bộ không còn chia rẽ.

pháp môn kim cổ Tứ Giáo.

Về tâm truyền thì tổng chi <sup>(36)</sup> phương môn tận độ [gồm]:

- Ban pháp phục sinh.
- Ban pháp khai thế, tạo thế.
- Ban pháp bí tích.

Nghĩa là tâm truyền tông đạo Trung Hưng [gồm]:

- Một là tu hẩn về Thầy.
- Hai là tu cầu chứng ngộ cứu đời.
- Ba là tu học các bí tích làm đầu họ và làm giáo sĩ.
- Bốn là tu cầu quyền pháp sống trong cơ tái tạo <sup>(37)</sup> tại thế.

Các con có hiểu? Nói lại nghe.

Vậy thì cơ tâm truyền gồm năm bậc để xây dựng một Tòa Thánh quyền pháp ngày mai. Ngày mai không còn nhiều chi nhiều phái như bây giờ mà chỉ có một Giáo Hội duy nhất chia làm hai đường: Một là công truyền; hai là tâm truyền. Tuy chia phân ra làm hai chớ kỳ trung <sup>(38)</sup> là một. Tâm truyền làm cơ chỉ, <sup>(39)</sup> nòng cốt <sup>(40)</sup> cho Giáo Hội. Công truyền làm môi

---

<sup>(36)</sup> **tổng chi** 總之 (*in a word, in short, in brief*): Nói gọn lại, nói tóm lại.

<sup>(37)</sup> **tái tạo** 再造 (*reconstruction; giving a new lease of life*): Xây dựng lại; tạo nên cuộc sống mới, xây dựng đời thượng nguồn thánh đức.

<sup>(38)</sup> **kỳ trung** 其中 (*essentially*): Tự trung 就中, thực chất.

<sup>(39)</sup> **cơ chỉ** 基址 (*basis, foundation*): Nền móng, căn bản.

<sup>(40)</sup> **nòng cốt** (hạch tâm 核心: *core*): Thành phần chủ yếu, hạt nhân.

giới <sup>(41)</sup> trợ Đạo. Vì vậy, không qua thiên đạo không thể chấp hành quyền pháp của Giáo Hội. Vì vậy, người chức sắc nào cũng tu tịnh đường [thọ pháp], giáo sĩ cũng tu [thọ pháp]. Chứ người giáo sĩ mà không đạt tâm pháp thì làm sao thông suốt lẽ đời.

Thầy ban ơn các con. Ngày nào con lập xong bộ tịnh đường và quy chế nhà tu sẽ cầu Ngô Đại Tiên dạy cho mà biết.

Phước Huệ Đoàn hoặc dời đi hoặc chia đôi chỗ làm hai đàn. Nghĩa là Phước Đoàn hay Huệ Đoàn. Đến đó sẽ dạy.

Hiện nay các con cần tu, cần để lòng cầu nguyện cho nội bộ lành mạnh, quyền pháp khỏi suy, chức sắc được công bình tỏ sáng, giảm cơ khảo thí. Cơ khảo thí không nên cho nó hoành hành nữa, là giữa các con đừng nghi kỵ, bàn tán nhau. Dù ai có nói này nói nọ, nhịn nhục mà tu, để rồi ngày mai sẽ thấy.

Công việc trong nội bộ lần hồi cũng nhờ tu mà chuộc được sứ mạng. Sứ mạng sẽ trở về với các con, thì các con mới sống trọn cùng Thầy. Các con có sứ mạng mới khỏi bị khi dễ.

Các con vì vi phạm hồng ân mà mất sứ mạng. Thầy không tiếc sứ mạng đã cho các con. Vì các con chống nghịch quyền pháp mà các con tự bỏ sứ mạng.

Vậy, các con có quyền pháp là có sứ mạng. Các con nếu ráng một lúc nữa thì danh nghĩa của các con cũng như của Đạo được tươi tắn. Vì giờ hỗn loạn đến rồi, nếu quyền pháp không có, làm sao che chở cho nhơn sanh. Nếu các con không

---

<sup>(41)</sup> **môi giới** 媒介 (*intermediary*): Trung gian.

cố gắng thì Thầy cũng phải lấy lại mà trao cho chi phái khác. Vậy, con cố gắng hai năm nữa sẽ biết.

Thầy vẫn nói thời gian cho các con sửa cải. Thầy biết các con phải bị một lần khổ đau, một lần tủi nhục mới mạnh mẽ. Thầy sẽ cho các con đến đó. Thầy ban ơn.

[Một chức sắc bạch: *Kính bạch Thầy, chúng con cúi cầu ơn Thầy ban pháp cho chúng con được tu lại, hầu cho chúng con được phục sinh thân tâm lành mạnh, được đẹp lòng Thầy.*]

Pháp tu là pháp bí mật, phải ở trong bí mật. Vì vậy chỉ truyền cũng ở chỗ bí mật.

Vì cơ khảo thí, nếu truyền cho con này, còn con khác chưa được truyền thì nó tưởng là cơ khảo thí. Vậy buộc việc làm đã bí mật phải cho bí mật. Cũng là chờ ngày giờ Đức Ngô sẽ dạy.

Việc tu thì chỉ bốn thời công phu. Nếu làm được một, hai, ba hay được bốn. Tập lần sẽ hứa với Người. Người sẽ chỉ dẫn. Nghĩa là các con phải chờ một đàn cơ bí mật. Mà từ đây luôn luôn ở trong sự bí mật. Lòng người đã Khuê thì việc làm cũng Khuê.

Thầy ban ơn các con.

## PHỤ ĐÍNH 1: Ngọc bích Biện Hòa

Không ít nhà thơ đời Đường nhắc tới ngọc liên thành (viên ngọc đáng giá nhiều thành trì). Chẳng hạn, Dương Quýnh (650-692) viết: *Triệu thị liên thành bích* 趙氏連城璧 (ngọc bích họ Triệu đáng giá nhiều thành liên); Đỗ Phủ (712-770) có câu: *Liên thành vi bảo trọng* 連城爲寶重 (Hãy giữ gìn kỹ ngọc liên thành.) Đó là cổ nhân nhắc tới sự tích ngọc bích Biện Hòa.

Bộ tiểu thuyết *Đông Chu Liệt Quốc Chí* danh tiếng của Phùng Mộng Long (1574-1646) gồm một trăm lẻ tám hồi (tức chương). Hồi Thứ Chín Mười chép sự tích viên ngọc quý của Biện Hòa như sau:

Vào năm cuối đời Sở Lệ Vương, có người nước Sở là Biện Hòa 卞和 nhặt được ở Kinh Sơn 荆山 một hòn đá lạ và biết rằng trong đó chứa ngọc, bèn đem dâng Lệ Vương. Nhưng thợ ngọc của vua xem qua lại bảo chỉ là hòn đá tầm thường. Lệ Vương nổi giận, liền sai chặt chân trái Biện Hòa để trừng trị tội khi quân.

Lúc Sở Vũ Vương lên nối ngôi, Biện Hòa tuy què vẫn cứ vào triều dâng ngọc lần nữa. Thợ ngọc trong triều cũng bảo chỉ là đá, Vũ Vương tức giận, ra lệnh chặt nốt chân phải Biện Hòa.

Rồi tới khi Sở Văn Vương kế vị, Biện Hòa lại muốn vào

triều dâng ngọc, nhưng bấy giờ đã cụt cả hai chân, không thể đi được, đành ôm hòn đá than khóc thảm thiết ở chân núi Kinh Sơn suốt ba ngày ba đêm, dòng lệ khô cạn, rõ cả máu mắt.

Thấy vậy có người hỏi: “Ông hai lần dâng ngọc thì hai lần đều bị chặt chân. Sao chẳng bỏ ý vào triều đi, lại còn khóc lóc như thế? Vẫn cứ mong vọng, luyến tiếc lộc vua ban thưởng ư?”

Biện Hòa nói: “Tôi nào phải mong cầu được thưởng, chỉ hận rằng thực sự là ngọc quý mà cứ bảo là đá. Lòng tôi ngay thẳng mà cứ bị mắng là lừa dối, điên đảo. Thật giả không được minh bạch, cho nên tôi đau xót lắm!”

Chuyện đến tai Sở Văn Vương, vua bèn cho người đưa Biện Hòa vào triều cùng viên đá. Vua sai thợ ngọc xẻ hòn đá ra xem, thì quả nhiên được viên ngọc quý, bèn cho chế tác thành ngọc bích, đặt tên là ngọc bích Biện Hòa.

Về sau nữa ngọc bích Biện Hòa về tay vua nước Triệu. Biết thế, vua Chiêu Vương nước Tấn xin đem mười lăm thành trì đổi ngọc ấy về; vì vậy ngọc bích Biện Hòa còn gọi là *ngọc liên thành*. Do tích này, phàm vật gì rất quý báu thì người xưa gọi là *liên thành* 連城 (nhiều thành liên nhau).

Cách nay hơn nửa thế kỷ, sự tích dẫn trên được Đức Đại Tiên Ngô Minh Chiêu dùng làm bài học lịch sử cho người tín hữu Cao Đài.

Tại Trung Hưng Bửu Tòa (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) ở Đà Nẵng, đàn giờ Tý, ngày 06-6 Đinh Dậu (Thứ Tư 03-7-1957), Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu giảng cơ dạy:

*Đạo Thầy khai ra đến năm nay chưa ngoài một thế,<sup>(42)</sup> chánh pháp chưa được phổ cập sâu rộng trong nhơn gian, triều nào cũng bị khốn đốn.*

*Các hiền hữu, vì sao nền Đạo mãi thăng trầm? Đạo mới ra đời chúng sanh còn lạ mắt. Kẻ có quyền thế lại nghi ngờ, chưa nhận chân giá trị. Các hiền có làm được như Biện Hòa chăng?*

*Biện Hòa là người thợ ngọc khi tìm được ngọc liên thành quý báu đem dâng cho Sở Lệ Vương. Sở Lệ Vương không biết ngọc quý, cho là khi quân, chặt mất một chân. Đến triều Vũ Vương, ông đem dâng ngọc ấy cũng bị cho là khi quân và bị chặt luôn một chân nữa.*

*Thử hỏi Biện Hòa còn giữ ngọc ấy không? Biện Hòa đã biết nó là quý mặc dù mình đã vì nó mà thành phế nhân. Nhưng chắc có ngày có người biết giá ngọc, thì khỏi bị mang danh giả trá. Đến đời Văn Vương được đem ra phá vỡ ngoài lấy ngọc báu ở trong mà thanh danh Biện Hòa trở nên trung trinh.*

*Đạo ta đây cũng thế. Có khi các hiền đem chánh pháp truyền bá cho nhơn gian không khỏi lâm cảnh Biện Hòa, ôm lấy Đạo chịu thân hình đau khổ.*

(Huệ Khải, *Giữ Lửa Cho Nhau*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2016, tr. 7-11.)

---

<sup>(42)</sup> Theo *Hoàng Cực Kinh Thế* 皇極經世 của Thiệu Khang Tiết 邵康節 (1011-1077) thì một *thế* 世 gồm ba mươi năm. Đạo khai vào tháng 11-1926. Đức Ngô dạy như thế vào tháng 7-1957, tức là vẫn chưa tròn ba mươi năm.

## PHỤ ĐÍNH 2: Cửu Trù

**Cửu Trù** 九疇 là chín nguyên tắc trị nước an dân, nói đủ là *Hồng Phạm Cửu Trù* 洪範九疇 (*the Great Plan Nine Divisions: Chín phần của kế hoạch lớn*). Theo *Kinh Thư*, Trừu ban Cửu Trù cho vua Vũ 禹.

I. Căn cứ theo *Kinh Thư*, chín nội dung này có thể hiểu và diễn giải lại như sau:

1. Ngũ hành: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ.

五行: 水, 火, 木, 金, 土.

Five elements: Water, Fire, Wood, Metal, Earth.

2. Năm việc cá nhân: Ngoại hình, lời nói, tai nghe, mắt nhìn, ý nghĩ.

Ngũ sự: Mạo, ngôn, thị, thính, tư.

五事: 貌, 言, 視, 聽, 思.

Five personal matters: Appearance, speech, seeing, hearing, thinking.

3. Tám vấn đề của chánh quyền: Lương thực, tiền bạc và hàng hóa, nghi lễ, xây dựng, giáo dục, tư pháp, ngoại giao, quân đội.

Bát chánh: Thực, hóa, tự, tư không, tư đồ, tư khấu, tân, sự.

八政: 食, 貨, 祀, 司空, 司徒, 司寇, 賓, 師.

Eight government issues: Food, money and commodities, rites and ceremonies, construction, education, justice, diplomacy, army.

4. Năm việc về thời gian: Năm, tháng, ngày, các sao, làm lịch.

Ngũ kỷ: Tuổi, nguyệt, nhật, tinh thần, lịch số.

五紀: 歲, 月, 日, 星辰, 歷數.

Five time issues: Year, month, day, stars, calendaric calculations.

5. Hoàng Cực: Tạo uy tín, tuyển chọn quan chức, tiêu chuẩn hóa thưởng phạt.

Hoàng Cực: Thụ lập uy tín, lân tuyển quan viên, thưởng phạt tiêu chuẩn.

皇極: 樹立威信, 遴選官員, 賞罰標準.

Royal Perfection: Establishing reputation, selecting officials, standardising reward and punishment.

6. Ba đức: Ngay thẳng, cứng rắn, mềm mỏng.

Tam đức: Chánh trực, cương, nhu.

三德: 正直, 剛, 柔.

Three virtues: Honest, strong rule, flexible rule.

7. Xử lý nghi vấn: Hỏi ý quan chức và dân chúng, tự mình suy nghĩ, phán đoán và quyết định.

Kê nghi: Tham chiếu khanh sĩ, chúng dân; tự kỷ ý kiến; phán đoán, quyết định.

稽疑: 參照卿士, 眾民; 自己意見; 判斷, 決定.

*Solving doubts: Consulting officials and citizens, thinking on one's own, judging and deciding.*

**8. Các điềm trời:** Mưa, tạnh ráo, ấm, lạnh, gió.

**Thứ trưng:** Vũ, tình, noãn, hàn, phong.

庶徵: 雨, 晴, 暖, 寒, 風.

*Celestial signs: Rain, sunshine, heat, cold, wind.*

**9. Năm phúc lành:** Sống lâu, giàu có, sức khỏe tốt, yêu thích đạo đức, chết lành.

**Ngũ phúc:** Thọ, phú, Khang Ninh, hiếu đức, thiện chung.

五福: 壽, 富, 康寧, 好德, 善終.

*Five proofs of happiness: Long life, riches, good health, love for virtue, peaceful death.*

**II. Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) diễn giải, bậc trị nước phải theo chín nguyên tắc này:**

1. Am tường vật lý.
2. Biết phương pháp tu thân.
3. Biết phương pháp trị dân.
4. Am tường ý nghĩa của tháng năm; hiểu thiên văn, lịch số.
5. Ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân.
6. Chánh trực nhưng biết cương nhu, quyền biến.
7. Biết hỏi han bàn bạc, suy nghĩ những khi gặp việc khó giải quyết.
8. Xem các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị.

9. Nhìn vào tình cảnh chúng dân, để nhận định giá trị của việc cai trị.

**III.** Theo thánh giáo, Cửu Trù còn được áp dụng vào việc quản trị Giáo Hội, Hội Thánh (hoặc họ đạo).

## PHỤ ĐÍNH 3: Thuộc linh

**Thuộc linh** 屬靈 (*concerning the Spirit; spiritual*): Thuật ngữ thường dùng trong bản dịch Kinh Thánh Tân Ước của Tin Lành. *Thuộc* là thuộc về (*concerning, related to*). *Linh* là Thánh Linh (*the Spirit*), Bản dịch của Công Giáo (BD 2011) thường gọi là *Thần Khí, Chúa Thánh Thần*. Xem: Huệ Khải, *Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài / A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019), tr. 64-69, mục từ 20, về Thánh Linh.

Vài thí dụ trích trong *Thư 1 Gửi Tín Hữu Cô-rin-tô (1 Cr)*:

**1 Cr 2:15** – *Nhưng người thuộc linh suy xét mọi sự [...].* (KTBDM)

*Nhưng con người sống theo Thần Khí thì xét đoán được mọi sự [...]* (BD 2011)

*The person with the Spirit makes judgments about all things [...].* (NIV)

*Thuộc linh đích nhân năng khán thấu vạn sự [...]. / 屬靈的人能看透萬事 [...].* (HHBTĐ)

**1 Cr 3:1** – *Thưa anh chị em, tôi vẫn không thể nói với anh chị em như nói với những người thuộc linh [...].* (KTBDM)

*Thưa anh em, về phần tôi, tôi đã không thể nói với anh em như với những con người sống theo Thần Khí [...].* (BD 2011)

*Brothers and sisters, I could not address you as people who live by the Spirit [...].* (NIV)

*Đệ huynh môn, ngã tông tiền đối nhĩ môn thuyết thoại, hoàn bất năng bả nhĩ môn đương tác thuộc linh đích [...]. / 弟兄們, 我從前對你們說話, 還不能把你們當作屬靈的 [...].* (HHBTĐ)

**1 Cr 14:1** – *Hãy theo đuổi tình yêu thương, hãy khao khát tìm kiếm các ân tứ thuộc linh [...].* (KTBDM)

*Anh em hãy cố đạt cho được đức mến, hãy khao khát những ơn của Thần Khí [...].* (BD 2011)

*Follow the way of love and eagerly desire gifts of the Spirit [...].* (NIV)

*Nhĩ môn yếu truy cầu ái, dã yếu thiết mộ thuộc linh đích ân tứ [...]. / 你們要追求愛, 也要切慕屬靈的恩賜 [...].* (HHBTĐ)

**1 Cr 14:12** – *Anh chị em cũng vậy, vì anh chị em khao khát tìm kiếm các ân tứ thuộc linh [...].* (KTBDM)

*Anh em cũng vậy: vì khao khát những ơn của Thần Khí [...].* (BD 2011)

*So it is with you. Since you are eager for gifts of the Spirit [...]* (NIV)

*Nhĩ môn dã thị như thử, ký nhiên nhĩ môn thiết mộ thuộc*

*linh* đích ân tứ [...]. / 你們也是如此, 既然你們切慕屬靈的恩賜 [...]. (HHBTĐ)

**Ghi chú xuất xứ:**

**BD 2011:** Bản dịch Kinh Thánh của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ (bản in 2011).

**KTBDM:** Kinh Thánh Bản Dịch Mới (*New Vietnamese Bible*), của Tin Lành, được dịch từ nguyên ngữ Hebrew (Hy Bá Lai 希伯來) và Hy Lạp, hoàn thành năm 2001 dưới sự hướng dẫn của United Bible Societies (New York, Hoa Kỳ).

**NIV:** Holy Bible, *New International Version* (Biblica, Inc. xuất bản, Colorado, Hoa Kỳ, 2011).

**HHBTĐ:** 和合本修訂版經文 [Hòa Hợp Bốn Tu Đỉnh Bản Kinh Văn], Revised Chinese Union Version, Hong Kong Bible Society xuất bản (2017).



## 15. NÊN ĐẶT MÌNH TRONG PHÁP ĐẠO

*Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 05-7 Canh Tý (Thứ Sáu 26-8-1960)*

### THI

*HOÀNG ĐẠO<sup>(1)</sup> Lăn Ba mở độ đời  
NGỌC lành<sup>(2)</sup> dồi luyện lấy ai ơi  
TRẮC tâm thánh khiết đương quyền pháp<sup>(3)</sup>  
GIÁNG giáng thẳng thẳng rõ máy Trời.*

Chào chư Thiên ân, chúc sắc, chúc việc, chư quý đạo tâm nam nữ đàn tiên. Mừng ngày trung nguơn khánh hội.<sup>(4)</sup>

<sup>(1)</sup> **Hoàng Đạo**: Hoàng 皇 (*great, grand*) là to tát, đồng nghĩa đại 大. Hoàng Đạo 皇道 (*the Great Way*) tức là Đại Đạo 大道. Xem Phụ Đính 1 cuối bài thành giáo này.

<sup>(2)</sup> **ngọc lành**: Như ngọc quý (*bảo ngọc 寶玉: precious jade*): 1/ Phần tốt đẹp sẵn có nơi con người do Trời ban cho (*thiên lương 天良, lương tâm 良心: conscience*). – 2/ Sứ mạng do Trời ban trao (*Thiên ân sứ mạng 天恩使命: mission bestowed by Heaven's favour*).

<sup>(3)</sup> **trác tâm thánh khiết** 琢心聖潔 (*training mind into holiness and purity*): Gọt giũa tâm cho trở nên trong sạch và thánh thiện. – **đương quyền pháp** (*đương vi pháp quyền 當爲法權: undertaking the dharma power*): Nhận lãnh quyền pháp.

<sup>(4)</sup> **trung nguơn khánh hội** 中元慶會 (*celebration on 15th day of 7th lunar month*): Lễ rằm tháng Bảy.

Chư đạo tâm thanh tịnh an vị.<sup>(5)</sup> Giờ nay Bản Thánh nương cơ nhập đàn, để lời nhủ khuyên toàn đạo.

Mối tình đồng đạo từ lâu cùng những lúc vui khổ có nhau, đều do chí nhiệt thành quyết mạnh tiến trên đường sứ vụ.<sup>(6)</sup>

Hôm nay, nhìn lại nhân sinh thấy có phần yếu đuối trên nẻo tu hành, lòng Bản Thánh lấy làm buồn. Dầu đã được nhập Thánh siêu phàm, cũng không sao dứt được tình riêng. Nhớ những ngày trong gia đình Truyền Giáo thượng hòa hạ mục,<sup>(7)</sup> mặc dù cơ Trời luân chuyển, việc thế đổi dời. Biết vậy, nhưng làm sao cũng muốn cho nhau như ngọc lành không tí vết.<sup>(8)</sup>

### BÀI

*Nhìn cuộc thế như dòng chỉ rối  
Trong Đạo nhà nhiều mối ngổn ngang  
Biết ai tâm huyết luận bàn  
Để cùng chia sót lo toan dựng gầy.*

*Nơi Trung Tông, Đạo Thầy điểm hóa  
Nghiệp Trung Hưng, Thầy đã dẫn đầu*

<sup>(5)</sup> **an vị** 安位 (*taking a seat*): Ngồi, an tọa 安坐.

<sup>(6)</sup> **sứ vụ** 使務 (*mission affair*): Việc làm (vụ) để thực hiện sứ mạng 使命 (nhiệm vụ được giao phó). – **trên đường sứ vụ** (*on the way to carry out mission affairs*): Trên đường thi hành các nhiệm vụ được giao phó.

<sup>(7)</sup> **thượng hòa hạ mục** 上和和睦 (*getting along well between the upper and the lower*): Trên hòa dưới thuận; hòa thuận giữa mọi người lớn nhỏ trong một tập thể.

<sup>(8)</sup> **tì vết** (hà tí 瑕疵: *flaw*): Tì vết, vết bẩn, vết xấu.

Giáo quyền thiết lập Trung Châu  
Chính tu nội bộ pháp màu ban theo.

Thế mà ai, ai nào có biết  
Để lòng lo cương quyết với nhau  
Nhuộm cho chân lý một màu  
Tình thương lẽ sống đời dào gần xa.

Nay đã tới Long Hoa Hội mở  
Phật Thánh Tiên dâng sớ cầu xin  
Lòng người vì cạn đức tin  
Làm sao trông cậy nhận nhìn ơn Cha.

Thầy rộng lòng thứ tha chờ đợi  
Đợi lòng người đổi mới ăn năn  
Sống trong quyền pháp giáng thẳng  
Trông ngày phán đoán công bằng có tên.

Giờ lớn nhỏ ta nên nghe lệnh  
Dưới trên đều bình tĩnh gẫm coi  
Ơn nào được Thánh dẫn soi  
Phước nào được giữ gậy còi<sup>(9)</sup> trong tay?

Còi gậy để phải thay người khác<sup>(10)</sup>  
Thì hồng ân lệch lạc làm sao  
Lời nào ta đã ước giao

Rửa tay thế sự quyết vào huyền quan.<sup>(11)</sup>

Dứt các mối tệ đoan, ác niệm<sup>(12)</sup>  
Tạo tình thương mà kiến huyền cơ<sup>(13)</sup>  
Cùng nhau giống trống phát cờ  
Tiền phong cải tạo, mở cơ độ đời.

(...)

### TIẾP ĐIỂN THI

NAM bang được chọn dựng nền Tiên  
CỰC khổ rồi đây được có quyền  
TIÊN Phật muốn thành phiền não đoan<sup>(14)</sup>

<sup>(9)</sup> **còi, gậy** (sáo tử dũ trượng 哨子與杖; *whistle and crook; fig., the dharma power conferred to a dignitary*): Người chăn cừu dùng còi để sai khiến chó canh giữ cừu (*sheepdogs*), dùng gậy để lừa cừu và đánh đuổi thú dữ (*predators*) tới bắt cừu; nghĩa bóng là quyền pháp trao cho một chức sắc.

<sup>(10)</sup> Câu này ý nói: Nếu phải trao còi gậy cho người khác vì chức sắc đương nhiệm không tròn phận sự được giao.

<sup>(11)</sup> **huyền quan** 玄關 (*mysterious entrance; fig., the Dao gate*): Cửa vào huyền diệu; nghĩa bóng là cửa Đạo.

<sup>(12)</sup> **tệ đoan** 弊端 (*harm or detriment*): Điều xấu, có hại. – **ác niệm** 惡念 (*evil idea*): Ý nghĩ xấu xa, ý niệm độc ác.

<sup>(13)</sup> **kiến huyền cơ**: 1/ 見玄機 (*seeing mysterious principles*): Thấy được cơ mầu (*Thiên ý* 天意, *thiên cơ* 天機, những nguyên lý mầu nhiệm). 2/ 建玄基 (*establishing mysterious foundation*): Xây dựng nền móng huyền diệu, tức là xây dựng nền tảng đạo.

<sup>(14)</sup> **phiền não** 煩惱 (*afflictions or distress; passions and delusion or illusions*): Phiền não là từ gọi chung những gì làm cho tâm hồn rối loạn, buồn sầu, khổ não. Bất kỳ thứ gì tác động đến tâm hồn, làm trở ngại sự tu tập để đạt được tâm thanh tịnh hay sự giác ngộ đều gọi là phiền não. Vì bị mê lầm (ảo tưởng hay huyền tưởng) chi phối, vì muốn thỏa mãn ham muốn mà tâm hồn bị phiền não. Do đó, nếu căn cứ theo mặt chữ thì dịch phiền não là *afflictions, distress*; căn cứ theo nghĩa nhà Phật thì dịch phiền não là *passions and delusion (illusions)*. Trái nghĩa với phiền não là *thanh tịnh* 清淨. – **đoan** 斷 (*cutting off*): Cắt đứt.

*ÔNG ban bí tích để thăng thiên.*<sup>(15)</sup>

Bần Đạo chào chư Thiên ân, chào liệt quý đạo tâm nam nữ.

Bần Đạo lần đầu đến với Hội Thánh Truyền Giáo, cũng là một sự hân hạnh trong cơ duyên dẫu dặt giữa quý hiền và Bần Đạo.

Nơi đây từ tiếp cơ lập pháp,<sup>(16)</sup> quyền tối cao đều ở Pháp Chánh Truyền. Về phần lãnh đạo nội trị, ngoại giao ở nơi tay Lý Bạch Đại Tiên xây nền tâm pháp. Nhưng cơ phổ độ rộng mở, quần Thánh được lập công, lâm cơ giáo hóa dẫu dặt nhưn sanh. Bần Đạo đến đây cũng một lẽ đó. Nghĩa là từ nay chư Tiên sẽ mượn các cơ đàn để thí pháp,<sup>(17)</sup> dẫu dặt môn sanh, thì Bần Đạo cũng nhắc lại để chư hiền được cảm thông cơ tận độ.

---

<sup>(15)</sup> **bí tích** 秘錫: *Bí pháp 秘法 (secret method of inner self-cultivation)*: Phương pháp tu luyện chỉ truyền riêng cho người được tuyển chọn, không truyền dạy rộng rãi. – **thăng thiên** 升天 (*ascending to heaven*): 1/ Sau khi chết, linh hồn được lên cõi trời, không phải sa vào địa ngục. 2/ Hành giả (người tu thiên) đắc đạo tại thế gian có thể xuất thần ra khỏi xác, bay đến một nơi khác, như tiền khai Ngô Văn Chiêu (1878-1932). Giờ Ngọ ngày 05-3 Canh Ngọ (Thứ Năm 03-4-1930), ngài Ngô ngồi tịnh ở trên lầu ngôi nhà số 110 đại lộ Bonard, Sài Gòn (nay là Lê Lợi); rồi ngài xuất thần cùng với Đại Tiên Vân Trung Tử đi tới đàn Hiệp Minh (Cái Khế, Cần Thơ). Hai vị cùng giáng đàn, ban chung một bài thất ngôn bát cú, với câu mở đầu là: *Xuân giao phướng phát hạ phùng nhiên...* – Đức **Nam Cực Tiên Ông** 南極仙翁 (*Immortal of the South Pole*): Cũng là Thọ Tinh lão Nhân 壽星老人 (*Immortal of Longevity*), người Việt gọi là Ông Thọ.

<sup>(16)</sup> **tiếp cơ lập pháp** 接乩立法 (*receiving holy messages to make law*): Tiếp nhận thánh giáo qua cơ bút để làm thành luật đạo.

<sup>(17)</sup> **thí pháp** 施法 (*bestowing dharma*): Ban trao lời dạy đạo.

Cơ tận độ Làn Ba, Thầy cho liệt Thánh quần Tiên lâm phạm phổ hóa<sup>(18)</sup> đưa người trở lại nẻo lành, điểm đạo khai đàn<sup>(19)</sup> cho khách hữu duyên<sup>(20)</sup> về nơi quyền pháp, nên các nơi trong đạo ngoài đời mà có lòng cầu thỉnh thì Tiên Phật đều đến dạy bảo.

Nhưng với quyền pháp Trung Tông không phải thế. Nghĩa là nơi đây đắc sứ mạng trung hưng, chỉnh tu<sup>(21)</sup> nội bộ, làm nòng cốt cho quyền pháp sau này mà có bài bố ân oai,<sup>(22)</sup> xây dựng cơ cấu, sắp xếp hàng ngũ cứu phẩm tam thừa,<sup>(23)</sup> truy ân các Thánh, thành lập tổ đình,<sup>(24)</sup> mưu lấy sự tương lai hy hữu. Nhưng đức non tài thiếu, gặp cơ khảo thí mà sứ mạng lớn lao, không thể một ít người đương<sup>(25)</sup> nổi. Nếu nội bộ bất hòa thì con đường ấy phải chờ một thời gian tu học, hầu xứng đáng và cũng đủ điều kiện tiến hành.

---

<sup>(18)</sup> **phổ hóa** 普化 (*widespreadly converting people to self-cultivation*): *Hóa độ 化度* rộng khắp để giúp chúng sanh tu hành.

<sup>(19)</sup> **điểm đạo khai đàn** (*khai đàn điểm đạo 開壇點道: opening a seance to initiate sb into the religion*): Mở một đàn cơ để cho ai nhập môn vào đạo.

<sup>(20)</sup> **hữu duyên** 有緣 (*having a predestined bond with*): Có mối quan hệ tiền định với đạo, nên có cơ hội học đạo, tu hành.

<sup>(21)</sup> **chỉnh tu** 整修 (*rebuilding, renovating*): Sửa chữa.

<sup>(22)</sup> **bài bố** 擺布, 排布 (*arranging*): Sắp đặt. – **ân oai** (*grace and power; favour and authority*): Ân uy 恩威, ơn huệ và quyền uy.

<sup>(23)</sup> **cửu phẩm tam thừa** 九品三乘 (*the nine grades of the three vehicles*): Xem Phụ Đính 2 cuối bài thánh giáo này.

<sup>(24)</sup> **tổ đình** 祖庭 (*ancestral temple*): Thánh sở đầu tiên mà các vị khai sáng nền tôn giáo đã quy tụ và hành đạo.

<sup>(25)</sup> **đương** 當 (*assuming, undertaking*): Gánh vác.

Ngặt vì thời giờ quá gấp rút mà nội tình chi phái mỗi ngày lạc hướng càng xa. Nếu thời thế <sup>(26)</sup> xảy đến cho loài người mà trong đạo thiếu quyền pháp, làm sao an ngự thánh địa? Nghĩa là mọi người tu, mọi người có đạo, tu hay có đạo là một việc, việc ấy là phước cho người cho đời, nhưng chưa đủ an bài, che chở cho loài người được, mà loài người cần có một tổ chức Giáo Hội đủ quyền pháp ân oai. Nơi ấy làm tòa ngự trị của Thầy, sứ mạng được về cho thiên hạ, nên Hội Thánh là cái cửa ban phát quyền hành, mệnh lệnh của Trời.

Hội Thánh làm cái cửa thì mọi nơi ở Trời phát xuất ra đó, loài người nương đó mà được nghe ngóng ý Trời, tựa vào đó mà nhập vào thiên môn tịnh cảnh, nên quyền pháp Hội Thánh trở nên trọng đại. Hội Thánh là cái lái,<sup>(27)</sup> thế giới là con thuyền; như loại nương sống ở thuyền, hướng đi của nhưn loại là cái lái vậy.

Vậy từ nay Hội Thánh có một con đường là phải tu, mọi người lo tu, người người đều tu, lớn nhỏ ân cần chiều sớm công phu, bòn chắt công quả, xây dựng một nền công đức chung để tiếp tục hoàn thành sứ mạng trung hưng chánh pháp.

Bây giờ nói tu, thì người Thiên ân, kẻ đạo hữu cũng không biết tu làm sao nữa. Tu rồi, ai cũng ăn chay giữ giới, ai cũng cúng sấm quỳ hương; hơn nữa, người Thiên ân thì xuất gia ly tục là tu rồi. Giờ còn tu sao nữa?

---

<sup>(26)</sup> **thời thế** 時勢: Ở đây nên hiểu là thời thế biến chuyển khốc liệt (*in case of changes in fatal violence*).

<sup>(27)</sup> **cái lái** (đà 舵: *rudder*): Bánh lái.

Phải vậy, tu là thế, nhưng ở đời không phải tu bao nhiêu đó mà an thiên hạ, được siêu phàm.

Tu là sửa, sửa mọi nét xấu tật hư, nhưng cái gốc của nó cần được gia công trừ khử, nên mọi người nhìn lại sự thất bại của mình, của đoàn thể mình, của chi phái bạn, nói chung các tổ chức trên mặt địa cầu đều bởi cơ tâm <sup>(28)</sup> làm xáo đổ cả trật tự. Cơ tâm đã mạnh khởi lên rồi thì dầu có khôn ngoan đến mấy cũng không còn thuần chất thánh tâm nữa. Xây dựng cơ tâm được mạnh lành trọn vẹn và phải đem nó trở về nơi trong, giữ nó cho còn thanh tịnh.<sup>(29)</sup> Điều ấy ở phần pháp môn.

Bần Đạo khuyên nhắc chư hiền từ đây **nên đặt mình trong pháp đạo**,<sup>(30)</sup> nghĩa là đặt mình trong thanh tịnh để cầu huyền cơ. Mọi việc Hội Thánh thì lo giữ gìn. Một là guồng máy, trên Thiên ân lành mạnh vui đẹp, dưới hàng ngũ nhưn sanh được yên ổn cậy tin. [Hai là] chưa có điều kiện tiến lên thì chuẩn bị cho mùa xây dựng sắp tới, nghĩa là Thiên ân quyền pháp đầu đấy đường hoàng, tôn ty trật tự, làm gương mẫu cho người dưới thật lòng tu học giải thoát.

Với đạo hữu, nên nâng đỡ họ bằng mọi mặt quyền pháp, nghĩa là làm cho họ nể mà yêu, nể mà tin, nể mà kính, nể mà sửa được mình, nể mà ăn ở giữa nhau có tình êm ấm. Nên

---

<sup>(28)</sup> **cơ tâm** 機心 (*mind given to deception or trickery*): Lòng dạ trở thành gian trá, lọc lừa.

<sup>(29)</sup> **thanh tịnh** 清淨 (*purified and tranquil*): Không phiền não (tham dục, mê lầm), không ô nhiễm, không chấp trước, không dính mắc vào bất cứ điều gì.

<sup>(30)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

người Thiên ân đủ quyền pháp rồi, không cần nói họ mới nghe. Nên lấy Thiên ân làm nòng cốt. Nếu Thiên ân nào không đương nổi quyền pháp, thì ngưng quyền bãi chức để cho Giáo Hội mạnh lành. Đừng nể, đừng vị mà chơn truyền phải bởi đó trở nên thất bát.<sup>(31)</sup>

Về đạo hữu, có một lòng tin cũng chưa đủ bảo đảm, mà lòng còn phải thường tư duy<sup>(32)</sup> việc làm lành lánh dữ. Có làm được lành thì ma chướng mới tiêu, nghiệp ác mới đoạn. Làm lành thì lòng tham sân được dứt. Có làm lành mới bưng được cái gốc sinh tử luân hồi. Làm được là xây dựng cho báo thân hậu nhật.<sup>(33)</sup> Nên đạo hữu ráng lo lập công quả để cho nhẹ bớt tiền khiên.<sup>(34)</sup> Lập công quả để làm bùa hộ mạng, làm pháp ấn thân trong buổi đời tên bay đạn lạc.

Mũi Thiên oai<sup>(35)</sup> đã đến không chừa một ai, nếu kẻ đó chẳng chịu làm lành. Ngày khói lửa bốc lên, nếu nghiệp chướng còn thì tránh sao khỏi cháy. Tai nạn chập chồng ghê sợ, nào hồng thủy,<sup>(36)</sup> nào đất sập, nào ôn hoàng,<sup>(37)</sup> đủ trò biểu

---

<sup>(31)</sup> **thất bát** (*failing, losing*): Thất bại, mất mát.

<sup>(32)</sup> **tư duy** 思惟 (*thinking*): Suy nghĩ.

<sup>(33)</sup> **báo thân hậu nhật** (*hậu nhật báo thân 後日報身: reward body in the future*): Cái thân thể tốt đẹp trong kiếp sau do kiếp này biết làm lành lánh dữ.

<sup>(34)</sup> **tiền khiên** 前牽: Nói đủ là **nợ tiền khiên** (*unpaid debt in one's former life*). *Tiền* là trước; *khiên* là lôi kéo, vướng vít, ràng buộc, liên lụy. *Nợ tiền khiên* là nợ do kiếp trước (*former life*) gây nghiệp xấu, qua kiếp này (*this life*) bị nó đòi và phải trả.

<sup>(35)</sup> **mũi Thiên oai**: Ý nói mũi tên, mũi đạn do luật Trời báo ứng.

<sup>(36)</sup> **hồng thủy** 洪水 (*flood*): Lũ lụt.

<sup>(37)</sup> **ôn** 瘟 (*epidemic*): Bệnh dịch. – **hoàng** (*hoàng trùng 蝗蟲*):

diễn những màn lạ lùng. Ráng lo tu, tu lệ, tu mau đi đạo hữu.

(...)

Về giáo hữu trở lên, xây dựng một nề nếp sống trong quyền pháp. Vị nào còn nặng gia đình ân ái thì nên gởi chức vị lại<sup>(38)</sup> cho quyền pháp Hội Thánh được linh.<sup>(39)</sup>

Còn từ lễ sanh trở xuống, cố gắng xây dựng được trội hơn người tín đồ, nghĩa là chánh phó trị sự, thông sự, lễ sanh không được một ai kém thua đạo hữu. Nếu đem so sánh giữa một người Thiên ân và một nhóm đạo hữu nơi đó, mà vị Thiên ân chức sắc đó kém hơn thì xin ngưng quyền chờ ngày xứng đáng phục vị. Thà nơi địa hạt đó thiếu người, còn hơn có người mà để nhơ danh Giáo Hội.

(...)

Cuộc vận động thống nhất nền đạo, Hội Thánh ta cũng có một trọng nhiệm<sup>(40)</sup> phải lo. Ngày liên kết nhau cũng không còn xa mấy. Thời thế xoay, muôn việc đều xoay. Hội Thánh lập, mọi người được lập.<sup>(41)</sup>

(...)

Thôi, Bần Đạo ban ơn cho Hội Thánh. Ban ơn cho chư chức sắc, chức việc thành công trên nguyện lực<sup>(42)</sup> và sứ

---

*locust, grasshopper*): Loài cào cào, châu chấu ăn hại lúa.

<sup>(38)</sup> **gởi chức vị lại** (*resigning*): *Từ chức 辭職, từ nhiệm 辭任*, thôi một chức vụ, trả lại một nhiệm vụ.

<sup>(39)</sup> **linh** 靈 (*effective*): Hiệu quả, hữu hiệu, có tác dụng.

<sup>(40)</sup> **trọng nhiệm** 重任 (*heavy responsibility*): Trách nhiệm nặng nề.

<sup>(41)</sup> **lập** 立 (*stable*): Vững vàng.

<sup>(42)</sup> **nguyện lực** 願力 (*vow power*): Sức mạnh của lời thề nguyện.

mạng được hoàn tất. Ban ơn cho chư đạo tâm nam nữ.

Bần Đạo chào.

## PHỤ ĐÍNH 1: Huỳnh Đạo, Hoàng Đạo

Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn thế danh Huỳnh Ngọc Trác (1898-1945). Phương danh này gợi nhớ một câu trong *Lễ Ký* 禮記 (thiên *Học Ký* 學記, câu 2): *Ngọc bất trác, bất thành khí.* 玉不琢, 不成器. (Ngọc không cắt gọt thì không thành vật dùng được: *The jade uncut will not form a useful thing.*) Người Việt diễn thành ca dao: *Ngọc kia chẳng giữa chẳng mài / Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi.* (Hoài là uổng phí.)

Trong nhiều bài tứ tuyệt quán thủ xưng danh, Đức Chơn Nhơn hay dùng hai chữ *Ngọc Trác* với nghĩa là sự cắt gọt, mài giữa viên ngọc, và nghĩa bóng là trau luyện cái tâm.

1. Đức Chơn Nhơn thường giáng cơ, xưng thế danh là Huỳnh Ngọc Trác. *Huỳnh* 黃 là họ dùng ở Trung và Nam; ngoài Bắc gọi *Hoàng*. Chẳng hạn, tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 03-4 Bính Thân (Thứ Bảy 12-5-1956), Đức Chơn Nhơn xưng thế danh Huỳnh Ngọc Trác trong bài tứ tuyệt quán thủ như sau:

---

Người tu nhờ lập nguyện, phát nguyện mà thành đạo. Người xưa nói: *Vô nguyện bất thành Phật dữ Tiên; Phật Tiên vô nguyện bất điều hiền.* 無愿不成佛與仙; 佛仙無愿不調賢. (Người không lập nguyện chẳng thành Phật Tiên; Phật Tiên chẳng độ người không lập nguyện.)

HUỲNH Đạo Làn Ba phục Ngũ Chi  
NGỌC lành vô giá, vật trân kỳ  
TRÁC tâm phàm thể thành tâm Phật  
Giáng giáng thẳng thẳng dễ mấy khi.

Ở đây *Huỳnh Đạo* 黃道 nên hiểu là Đạo vàng, tức là Đạo quý báu (*precious Dao*). Huỳnh (hoàng 黃) là màu vàng (*yellow*). Năm sắc ứng với năm phương thì màu vàng đặt ở trung tâm, được xem là quý nhất. Thời xưa áo vua màu vàng (*hoàng bào* 黃袍), các sắc 勅 hay chiếu 詔 do vua ban ra đều viết trên tấm lụa màu vàng hay tờ giấy màu vàng.

Màu vàng còn được xem là màu của kim loại vàng (金 *gold*), nên kim loại vàng còn gọi là *hoàng kim* 黃金. Chẳng hạn, ngạn ngữ xưa nói: *Di tử hoàng kim mãn doanh, bất như nhất kinh.* 黃金滿贏不如教子一經. (Để lại cho con vàng đầy rương không bằng một quyển sách quý.) Trong năm thứ kim loại (*ngũ kim* 五金) thì vàng quý nhất; bốn thứ còn lại là bạc, đồng, sắt và thiếc (hoặc chì). Do đó, nếu thánh giáo nói *Đạo vàng* thì vẫn hiểu là Đạo quý báu. Chẳng hạn, tại thánh thất Kim Quang Minh Đài, ngày 15-01 Bính Thân (Chủ Nhật 26-02-1956), Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

*Đạo vàng tế độ năm châu*  
*Làm cho thế giới hoàn cầu an vui.*

2. Khi dạy bài thánh giáo trên đây (ngày 26-8-1960), thay vì dùng họ Huỳnh như thông lệ, Đức Chơn Nhơn dùng họ Hoàng lúc xưng danh: *HOÀNG Đạo Làn Ba mở độ đời.*

Hoàng 皇 (*great, grand*) là to tát, đồng nghĩa đại 大. Hoàng Đạo 皇道 (*the Great Way*) tức là *Đại Đạo* 大道.

## PHỤ ĐÍNH 2: Cửu phẩm tam thừa

Theo chú giải Tân Luật do Đức Lý Giáo Tông ban ơn (giáng cơ tại ba nơi: Tòa Thánh Châu Minh, thánh tịnh Bạch Long Cung Hoàng, và thánh tịnh Đại Thanh) trong đêm 01-7 nhuần Mậu Dần (Thứ Năm 25-8-1938), *cửu phẩm tam thừa* 九品三乘 (*the nine grades of the three vehicles*) được hiểu như sau:

Tân Luật gồm ba phần tương ứng ba thừa: Thế Luật (hạ thừa); Đạo Luật (trung thừa); Tịnh Thất (thượng thừa). Mỗi thừa chia ba phẩm nên có chín phẩm.

### 1. Thế Luật (hạ thừa)

1.1. *Hạ phẩm hạ thừa* 下品下乘 (*the lower grade of the lower vehicle*): Người mới nhập môn, ăn chay kỳ, giữ đạo, thuộc Kinh Tứ Thòì.

1.2. *Trung phẩm hạ thừa* 中品下乘 (*the middle grade of the lower vehicle*): Tín đồ trường trai, giữ ngũ giới, lập hạnh đức, thông thuộc Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đạo nghi niêm thức, Kinh Tứ Thòì, nguyện ra hành đạo.

1.3. *Thượng phẩm hạ thừa* 上品下乘 (*the upper grade of the lower vehicle*): Tín đồ trai giới tinh nghiêm, hạnh đức đủ đầy, xong rồi nhơn đạo, nguyện không vào hàng chức sắc, quyết chí trọn đời vào tịnh thất học bửu pháp, tu tịnh, luyện châu.

### 2. Đạo Luật (trung thừa)

2.1. *Hạ phẩm trung thừa* 下品中乘 (*the lower grade of the middle vehicle*): Chức sắc thọ phong hay hàm phong vì trở ngại nên chỉ ở nhà không ra hành đạo.

2.2. *Trung phẩm trung thừa* 中品中乘 (*the middle grade of the middle vehicle*): Chức sắc đang hành đạo, thông thạo kinh luật, giáo lý, hạnh đức đủ đầy.

2.3. *Thượng phẩm trung thừa* 上品中乘 (*the upper grade of the middle vehicle*): Chức sắc đang hành đạo, đức hạnh hoàn toàn, đã xong phận sự, quyết chí vào tịnh thất tu luyện hoặc những chức sắc hành đạo đủ mười hai năm, đến ngày hưu trí mà không vi phạm luật Đạo.

### 3. Tịnh Thất (thượng thừa)

3.1. *Hạ phẩm thượng thừa* 下品上乘 (*the lower grade of the upper vehicle*): Tín đồ đã lo xong nhơn đạo hoặc chức sắc đã đủ đầy phận sự xin vào tịnh thất tu luyện, giữ luật lệ nhà tịnh.

3.2. *Trung phẩm thượng thừa* 中品上乘 (*the middle grade of the upper vehicle*): Tín đồ hoặc chức sắc vào tịnh thất tu luyện được ít nhất một trăm ngày, rõ thông chánh lý, ngộ đặng chỗ vô vi bí truyền của thiên đạo, có thể dạy lại người khác.

3.3. *Thượng phẩm thượng thừa* 上品上乘 (*the upper grade of the upper vehicle*): Tín đồ hoặc chức sắc vào tịnh thất đủ một trăm ngày rồi tịnh thêm ít nhất ba năm nữa, thông suốt thiên cơ, viên minh chánh giác, chứng phẩm thiêng liêng.

## 16. MƯỜI ĐIỀU GHI NHỚ

Trung Hưng Bửu Tọa (Đà Nẵng)  
ngày 15-7 Canh Tý (Thứ Hai 05-9-1960)

### THI

*BÁO* người sứ mạng sợ mà lo  
*THỌ* lãnh Thiên ân xứng phận trò  
*THÁNH* lĩnh trước sau lòng chẳng đổi  
*NƯƠNG* nhờ quyền pháp mới xong cho.

Chào quý hiền Thiên ân.

*Cho* hay đạo pháp rất màu vi  
*Nếu* thiếu lòng tin dễ thấy gì  
*Một* quyết từ đây về với Mẹ  
*Sống* trong thanh tịnh thấy Tam Kỳ.

### BÀI

*Tam Kỳ* Thầy đến độ ta  
*Truyền* trao bí pháp <sup>(1)</sup> cứu ra bể trần  
*Nghệp* duyên ràng buộc lấy thân  
*Bao* phen chìm nổi, bao lần tỉnh say.

<sup>(1)</sup> **bí pháp** 秘法 (*secret method of inner self-cultivation*): Phương pháp tu luyện chỉ truyền riêng cho người được tuyển chọn, không truyền dạy rộng rãi.

*Chùng* nào hết đắng cay, giải thoát  
*Để* lòng Thầy khỏi nát khỏi phiền  
*Không* tu muôn thuở đảo huyền <sup>(2)</sup>  
*Không* tròn sứ mạng, triền miên tội tình.

*Thầy* thương xuống công bình tận độ  
*Bởi* lòng ta nghiệp đổ <sup>(3)</sup> chống kình  
*Làm* cho quyền pháp mất linh  
*Hóa* nên hàng ngũ nhơn sinh rã rời.

*Làm* đoạn cắt giữa người và Thánh  
*Hóa* cho nên nóng lạnh tình đời  
*Làm* cho cơ cấu đổi đời  
*Cơ* tâm <sup>(4)</sup> xảo quyết, cơ Trời đầu dung.<sup>(5)</sup>

*Khuyên* ai nấy mau cùng hối cải  
*Dừng* bước đời, trở lại về Cha  
*Muốn* cho lớn nhỏ thuận hòa  
*Phải* lòng như thiết như tha <sup>(6)</sup> khẩn cầu.

<sup>(2)</sup> **đảo huyền** 倒懸 (*hanging upside down; fig., in dire straits*): Treo ngược; nghĩa bóng là tình cảnh xáo trộn, đảo điên, đau khổ.

<sup>(3)</sup> **ngiệp đổ**: Tạm hiểu là tạo nghiệp xấu bởi nuôi lòng *tật đổ* 嫉妒 (ghen ghét), *đổ kỵ* 妒忌 (ghen ghét, ghen tỵ).

<sup>(4)</sup> **cơ tâm** 機心 (*mind given to deception or trickery*): Lòng dạ trở thành gian trá, lọc lừa.

<sup>(5)</sup> **dung** (*forgiving*): Dung thứ 容恕, khoan dung 寬容, tha thứ.

<sup>(6)</sup> **như thiết như tha**; thiết tha 切磋 (*cutting and polishing; fig., eager and deliberate*): Cắt và mài cho bóng; nghĩa bóng, hết sức thành khẩn, mong mỗi được đáp ứng. Kinh Thi: *Như thiết như tha, như trác như ma*. 如切如磋, 如琢如磨. (As you cut and then file, as you carve and then polish.)



Cầu cho được minh châu <sup>(7)</sup> hiển hiện  
Cầu cho nhau cải tiến tu hành  
Cầu sao sống dưới phước lành  
Giáo quyền đứng vững, môn sanh vững vàng.

Hồn được tịnh mới an thể phách  
Phách được an, phẩm cách hoàn toàn  
Trông về ơn điển Thầy ban  
Ơn Thầy ngự trị, có đàng hanh thông.

Có giác tỉnh, còn trông ngày cứu  
Ăn năn rồi thành tựu Bửu Chương <sup>(8)</sup>  
Tôn Sư dẫn bước chỉ đường

Đón cơ hội ngộ, lập trường là tu.

Tu chắc thật, thật tu, tu thật  
Thật lòng tu, phải quyết phải cầu  
Phải ra khó nhọc đương đầu  
Chớ còn dục dục thì đâu được thành.

MỘT, nghe ta thanh thanh tịnh tịnh  
Hướng về Thầy nhứt lệnh tướng tin  
Sống còn quyền pháp tựa vin  
Phần ngoài tu gọn, vẹn gìn phần trong.

HAI, nghe ta hết lòng hoài bão <sup>(9)</sup>  
Thủy chung cùng với Đạo mất còn  
Hết tình thuận đạo làm con  
Thần <sup>(10)</sup> nghe phán định cho tròn từ đây.

BA, nghe ta Đông Tây lập chí  
Bắc cầu sang Âu Mỹ mở mang  
Phái chi chung vạch một đàng  
Đem nhau về chỗ huy hoàng thuận chơn.

BỐN, nghe ta chớ hờn chớ trách  
Ở thời Khuê qua Cách còn xa <sup>(11)</sup>

---

<sup>(7)</sup> **minh châu** 明珠 (*bright pearl; emblem of the true mind*): Viên ngọc sáng, ám chỉ chơn tâm.

<sup>(8)</sup> **Bửu Chương**: Bửu Chương Pháp Đạo, gồm mười hai chương, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài chưa hoàn thành. Ngày 27-11 Mậu Tuất (06-01-1959), Đức Lý Thái Bạch dạy: *Sắp loại theo Bửu Chương. Làm được thì nên soạn theo lối kinh văn Lăng Nghiêm, còn không thì như Hiệp Tuyển cũng được. Nhưng sẽ ra một bản kinh trong thời trung hưng đạo pháp.* Ngày 04-10 Mậu Thìn (12-11-1988), Đức Chí Tôn dạy: *Thầy bảo các con kết tập Bửu Chương Pháp Đạo là làm thành bộ Đại Tạng Cao Đài đó.* Trong đàn này Đức Chí Tôn dạy rõ mười hai chương gồm có: 1/ Thiết Lập Giáo Hội – 2/ Chơn Giáo Đại Thừa – 3/ Thánh Truyền Trung Việt Thời Truyền Giáo – 4/ Nội Vụ Và Thiên Ân Thời Trung Hưng – 5/ Giáo Hóa Thời Trung Hưng – 6/ Lý Giải Thời Trung Hưng – 7/ Chánh Thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – 8/ Quyền Hành Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – 9/ Đường Vào Bí Pháp Vô Vi – 10/ Thánh Giáo Khắp Nơi – 11/ Đạo Học Chỉ Nam – 12/ Phương Châm Sống Đạo. Đức Chí Tôn dạy thêm: *Các con hội ý cùng Thầy, tùy duyên thay đổi thứ tự và phân tách bổ túc phần chi tiết mỗi chương.*

---

<sup>(9)</sup> **hoài bão** 懷抱 (*cherishing, embracing*): Ôm ấp, ấp ủ trong lòng (một lý tưởng hay một ước vọng cao đẹp).

<sup>(10)</sup> **thần** 臣 (*subject, subordinate*): Bề tôi. Câu trên nói *đạo làm con*; câu dưới nói *thần nghe phán định*; ý nói tới bốn phận của thần tử 臣子, vừa là bề tôi trung thành của Thượng Đế, vừa là con hiếu thảo của Đại Từ Phụ.

<sup>(11)</sup> **Khuê** 睽 (*Division*): Quẻ Dịch 38, Hỏa Trạch Khuê 睽. Quẻ Khuê gồm ngoại quái (ở trên) là Ly (hỏa, lửa), nội quái (ở dưới) là Đoài

Cách sao danh nghĩa Bửu Tòà  
Trung Hưng sứ mạng nơi ta vẫn còn.

NĂM, nghe ta chớ mòn chớ mối  
Đứng trước cơ hủy hoại vầy vùng  
Mất còn lấy phước mà đong  
Phước còn do ở bên trong con Thầy.

SÁU, nghe ta từ này xây dựng  
Các nhà tu chưa cứng phải xiêu  
Chị em phạm lấy Thiên điều  
Sống trong vất vả mai chiều mà thương.

BẢY, nghe ta mở đường tận độ  
Độ mình rồi có chỗ người theo  
Độ mình hết ngặt hết nghèo  
Ngặt nghèo đã hết, ai xeo nối mình.

TÁM, nghe ta nội tình là vậy  
Vậy mà ai có thấy hay không  
Nội tình, nội bộ bất thông  
Chỉ tu thanh tịnh thì lòng gặp nhau.

CHÍN, nghe ta mau mau kiểm điểm

Lời thánh ngôn tiệm tiệm<sup>(12)</sup> vâng nghe  
Mặc đời chia phái rẽ phe  
Ít nhiều còn hết, lăm le<sup>(13)</sup> ích gì.

MƯỜI, lời đó nên ghi nên nhớ  
Trung thu rồi cúc nở trắng soi  
Trung thu nếu thấy có mòi<sup>(14)</sup>  
Thì chị em phải hẩn hòi mà tu.

(...)

Thôi Bản Nương chào và ban ơn.

---

(trạch, hồ nước). Lửa bay lên, nước hồ lắng xuống; như vậy hai  
đàng phân ly, không hợp tác với nhau. – **Thời Khuê** là thời kỳ  
chia rẽ, chống đối nhau. – **Cách** 革 (*Change*): Quẻ Dịch 49, *Trạch*  
*Hỏa Cách* ䷰. Quẻ Cách gồm ngoại quái (ở trên) là Đoài (trạch, hồ  
nước), nội quái (ở dưới) là Ly (hỏa, lửa). Nước đổ xuống, lửa bốc  
lên; như vậy hai đàng xung đột, khủng hoảng tột cùng, một mất  
một còn, ắt phải đổi thay. – **Thời Cách** là thời kỳ làm cách mạng,  
thay da đổi thịt, bỏ hết những gì cũ kỹ, hư nát.

---

(12) **tiệm tiệm** 漸漸 (*gradually*): Lần hồi, dần dần.

(13) **lăm le** (*ready to do sth wrong*): Chực chờ làm (việc xấu).

(14) **thấy có mòi** (*kiến cơ 見幾: seeing the minutest sign*): Thấy có  
dấu hiệu, triệu chứng (mầm mống vừa hiện ra).

## 17. LO TU HƯỞNG LẤY PHƯỚC TRỜI

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 15-8 Canh Tý (Thứ Tư 05-10-1960)

### THI

BÁO chị em ta sớm trở về  
THỌ truyền bí pháp<sup>(1)</sup> luyện đơn khuê<sup>(2)</sup>  
THÁNH phàm hai néo cân đo<sup>(3)</sup> kỹ  
NƯƠNG cây cùng nhau trọn chữ thề.

Bản Nương chào chư quý vị Thiên phong. Chào chư đạo tâm và chị em nữ phái.

Giờ này, một dịp hồng ân hiếm được. Toàn đạo tâm nghiêm chỉnh đàn tiền, đón tiếp Cửu Nương<sup>(4)</sup> nương cơ đến hộ triều Đức Từ Tôn Phật Mẫu.

<sup>(1)</sup> **bí pháp** 秘法 (*secret method of inner self-cultivation*): Phương pháp tu luyện chỉ truyền riêng cho người được tuyển chọn, không truyền dạy rộng rãi.

<sup>(2)</sup> **đơn khuê, đan khuê** 丹圭 (*elixir of immortality; fig., inner self-cultivation practice*): Thuốc tiên; nghĩa bóng là tịnh luyện, công phu, thiền.

<sup>(3)</sup> **cân đo** (*considering*): Cân nhắc, suy xét.

<sup>(4)</sup> **Cửu Nương** 九娘: Tức là *Cửu Vị Tiên Nương* 九位仙娘, *Cửu Vị Nữ Phật* 九位女佛; chín vị Tiên Nương (cũng là Phật) nơi Diêu Trì Cung hầu cận Đức Phật Mẫu.

Thanh tịnh. Đọc bài cầu Đức Mẹ.

### TIẾP ĐIỂN

DIÊU diêu<sup>(5)</sup> bất động pháp quy căn<sup>(6)</sup>  
TRÌ chí<sup>(7)</sup> mà tu chỗ giáng thăng<sup>(8)</sup>  
NHỨT điểm chơn như<sup>(9)</sup> thân vẹn giữ

<sup>(5)</sup> **diêu diêu** 搖搖 (*shaking*): Lay động.

<sup>(6)</sup> Câu này ý nói: Lay động mà chẳng động là phương pháp trở về gốc cội. – **quy căn** 歸根 (*returning to origin or root*): Trở về gốc cội, nguồn gốc. Đạo Đức Kinh, Chương 16, chép: Quy căn viết tĩnh... 歸根曰靜... Trở về gốc cội gọi là tĩnh lặng. (*Returning to origin or root is called stillness*). Theo Tiên Học Từ Điển của Đới Nguyên Trường, mỗi lần vòng tiểu chu thiên 小周天 trở về chỗ xuất phát thì gọi là quy căn. Dạy về chỗ diêu diêu bất động, có câu: Ngày đêm trau sửa tánh tình / Giữ tâm thanh tịnh vẹn gìn đạo cao / Trong ngoài chẳng động đừng xao... (Đại Thừa Chơn Giáo, bài Nhơn Vật Tiến Hóa)

<sup>(7)</sup> **trì chí** 持志 (*maintaining one's will firmly*): Giữ vững ý chí.

<sup>(8)</sup> **giáng thăng** 降升 (*descending and ascending*): Xuống thấp và lên cao. Con người sanh vào cõi trần (hậu thiên) đã đánh mất phần tiên thiên, nói ví von là Càn ☰ Khôn ☷ trở thành Ly ☲ Khảm ☵ (hào hai của hai quẻ đối chỗ lẫn nhau). Hành giả tu luyện (công phu, thiền) để biến đổi hậu thiên trở lại tiên thiên, tức là làm cho Khảm Ly trở lại Khôn Càn (xem Đại Thừa Chơn Giáo, bài Nhơn Vật Tiến Hóa), cũng gọi là chiết Khảm điền Ly, để cho quẻ Khảm biến thành Khôn, quẻ Ly biến thành Càn. Tiên Học Từ Điển của Đới Nguyên Trường giảng rằng một điểm chơn âm trong cung Ly [hào hai, âm, vạch đứt] giáng xuống cung Khảm; một điểm chơn dương trong cung Khảm [hào hai, dương, vạch liền] thăng lên cung Ly, khôi phục lại Càn Khôn; đây là phép quy căn phục mệnh 歸根復命. Giáng thăng vì vậy còn ám chỉ phép tu luyện (công phu, thiền).

NƯƠng Thầy nương bạn, lỗi ăn năn.<sup>(10)</sup>

DIÊU Cung lòng Mẹ chạnh niềm thương

TRÌ trẻ cho nên lối bước đường

NHỊ nhứt thế gian no ấm đủ <sup>(11)</sup>

NƯƠng dẫu trở lại chỗ Thiên Đường.

DIÊU động <sup>(12)</sup> lòng tham, thánh hóa phàm

TRÌ trì kéo kéo bởi mê ham

TAM Nguơn <sup>(13)</sup> dựng lại,<sup>(14)</sup> mau tu học <sup>(15)</sup>

NƯƠng phép quyền trên, chớ biện đàm.<sup>(16)</sup>

DIÊU Điện chị em những đợi chờ

TRÌ trì hoãn hoãn, dạ thờ ơ

TỨ tam khuyên nhắc, không ghi dạ <sup>(17)</sup>

NƯƠng cậy quyền danh phải tối mờ.<sup>(18)</sup>

DIÊU diêu cõi thọ chị em chờ

TRÌ thủ tu hành chớ để lơ

NGŨ giới tam quy rèn tập mãi

NƯƠng cùng Hội Thánh đón huyên cơ.

DIÊU Động Mẹ chờ mấy chị em

TRÌ hành pháp đạo tiến từng phen

LỤC căn <sup>(19)</sup> đừng để vương tình ái

NƯƠng thế rồi ra phải ty hiềm.<sup>(20)</sup>

---

<sup>(9)</sup> **chơn như, chân như** 真如 (*tathāta, thusness, suchness, the ultimate nature*): Chơn như đồng nghĩa với *Như Lai tạng* 如來藏 (*Tathāgata nature*), *Như Lai* 如來 (*tathāgata*), *như như* 如如, *pháp thân* 法身 (*dharma body*), *Phật tánh* 佛性 (*Buddha nature*), *thực tướng* 實相 (*true form*), *Thượng Đế tánh* 上帝性 (*God nature*), *tự tánh* 自性 (*own nature*)... Chơn như là cái tánh căn bản và phổ quát mà tất cả chúng sanh đều có sẵn (*the fundamental universal nature possessed by all the living*).

<sup>(10)</sup> Câu này ý nói: Nương dựa vào Thầy vào bạn mà tu; nếu có lỗi thì phải ăn năn, sám hối.

<sup>(11)</sup> Câu này ý nói: Sống ở thế gian về phần vật chất thì vừa đủ no ấm mà thôi (để dành sức khỏe và thời gian tu học). – **nhị nhứt** (*two and one*): Hai và một, ý nhắc tới thành ngữ *một vừa hai phải* (mức độ vừa phải, vừa đủ: *just enough*).

<sup>(12)</sup> **diêu động** 搖動 (*shaking*): Lay động, rung động.

<sup>(13)</sup> **Tam Nguơn** 三元 (*the Third Era*): Nguơn thứ ba, Hạ Nguơn. Theo *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài *Dưỡng Sanh Tánh Mạng*, Tam Nguơn gồm: a/ Thượng Nguơn (nguơn Tạo Hóa, gầy dựng càn khôn vũ trụ), nguơn Thượng Đức 尚德 (sùng thượng đạo đức), nguơn Thánh Đức. b/ Trung Nguơn, nguơn Thượng Lực 尚德 (sùng thượng vũ lực, sức mạnh), nguơn Tranh Đấu. c/ Hạ Nguơn,

---

nguơn Điều Tàn, mặt kiếp, tiêu diệt hết những xấu xa để phục hưng đạo đức, nên cũng là nguơn Tái Tạo (*Reconstructing Era*).

<sup>(14)</sup> **dựng lại** (tái tạo 再造: *reconstructing*): Xây dựng lại; tính chất của nguơn thứ ba (hạ nguơn).

<sup>(15)</sup> **mau tu học**: Để khỏi bị loại bỏ trong Hội Long Hoa, đủ điều kiện được chuyển sang nguơn Thánh Đức.

<sup>(16)</sup> **biện đàm** 辯談 (*disputing*): Tranh cãi, lý sự, tranh luận.

<sup>(17)</sup> Câu này ý nói: Ba phen bốn lượt khuyên dạy, nhắc nhở mà vẫn không chịu ghi nhớ vào lòng.

<sup>(18)</sup> Câu này ý nói: Dựa nương theo quyền thế và danh vọng để nhờ cậy thì tâm linh đành chịu u tối.

<sup>(19)</sup> **lục căn** 六根: Sáu căn (*the six senses*) gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ (*eyes, ears, nose, tongue, body, mind*).

<sup>(20)</sup> **ty hiềm** 避嫌 (*avoid meeting due to suspicion*): Nghi ngờ nhau mà lánh mặt nhau.

DIÊU Đai cảnh cũ chị em ơi  
TRÌ hoãn rồi ra phải mất rồi  
THẤT bửu kim đơn Thầy đã chỉ<sup>(21)</sup>  
NƯƠNG theo Thần Khí ráng vun bồi.

DIÊU động lòng rồi lạc hậu thiên  
TRÌ trì khó độ, nặng tiền khiên<sup>(22)</sup>  
BÁT môn trận địa ra vào khéo<sup>(23)</sup>  
NƯƠNG cây thần thơ thấy diệu huyền.

DIÊU động từ nơi một khí sanh  
TRÌ tu bát quái hóa năm hành  
CỬU Thiên khai tạo sanh muôn vật  
NƯƠNG ở Đạo huỳnh<sup>(24)</sup> hỗn nhứt danh.<sup>(25)</sup>

Cửu Nương Chư Thánh ngự bút mừng lễ tấn tôn.<sup>(26)</sup> Chúc Thiên phong, chức sắc đạo tràng thành công trên đường tu thân giải thoát.

Giờ này có Đức Mẹ ngự lâm, chư Thiên phong và đạo tràng chính tu cần phục<sup>(27)</sup> để đón mừng Đức Từ Tôn cho được trọng thể.

Chư Thánh chúng tôi xuất cơ hầu Giá.<sup>(28)</sup>

TIẾP ĐIỂN

Mẹ mừng các con.

Vô tâm<sup>(29)</sup> thì được nhận hồng ân  
CỰC Mẹ vì con đã mấy lần

<sup>(21)</sup> Câu này ý nói: Thầy đã chỉ dạy phép tu luyện rất quý báu. – **thất bửu, thất bảo** 七寶 (*seven precious things*): Bảy loại vật quý, gồm vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách, san hô (còn có cách liệt kê khác hơn); nghĩa bóng là nói chung những món báu vật. – **kim đơn, kim đan** 金丹 (*immortal remedy; fig., inner self-cultivation method*): Thuốc tiên giúp trường sanh bất tử; ám chỉ phương pháp tu luyện thoát luân hồi sanh tử.

<sup>(22)</sup> **tiền khiên** 前牽: Nói tắt **nợ tiền khiên** (*unpaid debt in one's former life*). Tiền là trước; khiên là lôi kéo, vướng vít, ràng buộc, liên lụy. Nợ tiền khiên là nợ do kiếp trước (*former life*) gây nghiệp xấu, qua kiếp này (*this life*) bị nó đòi và phải trả.

<sup>(23)</sup> Câu này ý nói: Đã vào cõi trần nguy hiểm (ví như vào trận địa bát quái) thì hãy khéo biết tìm cách tu luyện để thoát ra. – **bát môn trận địa** 八門陣地 (*the eight-gated front*): Mặt trận gồm tám cửa (*bát môn*) bày theo bát quái mà chỉ có cửa 8 là sống (sinh môn *sinh môn*, cung Cấn); bảy cửa kia là: 1/ **Hưu** 休 (dừng lại, cung Khảm); 2/ **Tử** 死 (chết, cung Khôn); 3/ **Thương** 傷 (thương tích, cung Chấn); 4/ **Đỗ** 杜 (chặn lại, cung Tốn); 5/ Trung ương, không có cửa; 6/ **Khai** 開 (nóng sôi, cung Càn); 7/ **Kinh** 驚 (kinh sợ, cung Đoài); 9/ **Cảnh** 景 (cảnh ngộ, cung Ly). Như vậy, lọt vào trận này thì nắm chắc bảy phần nguy hiểm, một phần sống sót. Trận địa bát môn ám chỉ cõi trần với muôn hình vạn trạng cảnh giả cảm dỗ khiến cho con người điên đảo, khó thoát ra nổi.

<sup>(24)</sup> **Đạo huỳnh** (*huỳnh Đạo 黃道: precious Dao*): Đạo quý báu. Xem Phụ Đính 1 cuối bài 15.

<sup>(25)</sup> **hỗn nhứt danh** 混一名 (*the name of amalgamation*): Cái tên hợp nhứt. (Đạo huỳnh, tức đạo Cao Đài, là cái tên hợp nhứt thể hiện qua tiêu ngữ *Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhất*.)

<sup>(26)</sup> **lễ tấn tôn** (*tấn tôn chi lễ 進尊之禮: veneration offering ceremony*): Lễ dâng lên lòng tôn kính, để bày tỏ lòng tôn kính.

<sup>(27)</sup> **cần phục** 中服 (*turbans and clothes*): Khăn đội đầu và y phục.

<sup>(28)</sup> **Giá** 駕 (*honorific term for Buddha Mother*): Tiếng tôn xưng Đức Phật Mẫu.

<sup>(29)</sup> **vô tâm** 無心 (*innocent mind*): Tâm hồn nhiên, không vương mắc, không mong cầu điều gì.

TỪ đó đến nay chưa gắng chí  
TÔN quyền trọng pháp<sup>(30)</sup> mới yên thân.

Mẹ miễn lễ. Các con ngồi tọa thiền theo pháp,<sup>(31)</sup> để thần  
tại Khí Hải<sup>(32)</sup> mà nghe Mẹ dạy.

### BÀI

Hôm nay các trẻ về đây  
Đón mừng Đức Mẹ, xin Thầy gia ân.<sup>(33)</sup>

Mẹ nhìn con muôn phần thương xót  
Mẹ dạy con đã trót nhiều năm  
Lòng con như mối tơ tằm<sup>(34)</sup>  
Gỡ ra cho được bao lăm<sup>(35)</sup> mới rời.

Này các con ráng ngồi nghe dạy  
Để rõ ràng trái phải mà theo  
Chuyện đời con cứ leo đeo<sup>(36)</sup>

Đường tu giải thoát không trèo khó sang.

Từ thuở lập Liên Đoàn Nữ Phái<sup>(37)</sup>  
Từ ngày con triều bái thọ phong  
Trông con như nước lộn dòng  
Tình hình nội bộ nhiều lòng nọ kia.

Nay Mẹ giáng canh khuya chỉ dạy  
Khuyến các con sớm phải nghe lời  
Rửa tay phải sạch bụi đời  
**Lo tu hưởng lấy phước Trời dài lâu.**<sup>(38)</sup>

Con có tu, con đâu có khổ  
Con có tu, có chỗ Mẹ dành  
Con tu, quả đạo con thành

<sup>(30)</sup> **tôn quyền trọng pháp** 尊權重法 (*respecting the dharma power*): Tôn trọng quyền pháp.

<sup>(31)</sup> **theo pháp**: Theo pháp môn tịnh luyện đã học.

<sup>(32)</sup> **Khí Hải** 氣海 (*Qi Sea, Sea of Vital Energy*): Huyệť nằm dưới rốn 1,5 thốn 寸. Tỳ cơ thể mỗi người mà thốn khác nhau. (Bề ngang bốn ngón tay đo ở khớp giữa là 3 thốn. Hoặc co ngón tay giữa, bề dài lóng tay thứ hai (ở giữa) là 1 thốn. Hoặc đo bề ngang ngón cái, chỗ khớp thứ nhất đếm từ trên xuống là 1 thốn.)



<sup>(33)</sup> **gia ân** 加恩 (*bestowing favour*): Ban ơn.

<sup>(34)</sup> Câu này ý nói: Lòng các con rối rắm như tơ vò.

<sup>(35)</sup> **bao lăm** (*how much*): Bao nhiêu.

<sup>(36)</sup> **leo đeo** (*clinging*): Đeo đẳng, vương mang, bám vủ.

<sup>(37)</sup> **Liên Đoàn Nữ Phái**: Lập tại Trung Châu cuối tháng 10-1938 theo thánh lệnh của Đức Mẹ Diêu Trì. Thành phần lãnh đạo gồm có: Chánh Hội Trưởng (tiền bối Lê Chơn Giác, tức cụ bà Lê Trí Hiễn); Phó Hội Trưởng (tiền bối Lê Thị Tịnh, tức bà Xã Nho); Chánh Thư Ký (tiền bối Trương Thị Ngọc Dung, tức bà Cửu Đô); Thủ Bản (tiền bối Phan Thị Chuyển, tức bà Chánh Diệm, là thân mẫu Giáo Sư Nguyễn Quang Châu); Nghị Viên (tiền bối Nguyễn Thị Hiễn, tức bà Trần Công Ban); Liên Giao (tiền bối Trần Thị Tuyết); Phụ Tá Phó Hội Trưởng (tiền bối Nguyễn Diêu Trinh, tức Thanh San, gốc Hội Thánh Minh Chơn Đạo, và tiền bối Võ Thị Yến). Cuối năm 1938, thành lập được tám chi đoàn ở thánh tịnh Thanh Quang và bảy thánh thất là Linh Bửu, Nam Trung Hòa, Trung An, Trung Hòa, Trung Quang, Trung Thành, Từ Quang. Về sau, danh xưng Liên Đoàn Nữ Phái đổi thành **Tân Nữ Lưu Đạo Đức Đoàn**. Năm 1941, lại đổi tên là **Thanh Xuân Tân Sinh Hoạt Đoàn**, và mỗi đoàn viên gọi là Nữ Thanh Tân.

<sup>(38)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

Con nương quyền pháp, con lành tấm thân.  
 Con nghe Mẹ, lần lần giải thoát  
 Giải thoát rồi cánh hạc nhẹ phơi  
 Nếu con luẩn quẩn dưới đời  
 Đến khi ách nước tai trời <sup>(39)</sup> khổ nguy.  
 Nguy ở thế, A Tỳ <sup>(40)</sup> chẳng thứ  
 Bởi tội con, nghịch tử <sup>(41)</sup> bất tuân  
 Tội con như lá trong rừng <sup>(42)</sup>  
 Mẹ thương cũng khó để lòng chở che.  
 Con nữ phái, con nghe nên giữ  
 Lỡ qua kỳ ân tứ <sup>(43)</sup> khó tìm  
 Giữa con chó có tỵ hiềm  
 Một lòng một dạ đắp thêm thân hòa.  
 Muốn xây dựng một Tòa Hội Thánh  
 Thì nữ nam chia gánh liệu lo  
 Lời Thầy đã hứa ưng cho  
 Làm sao trên dưới nhỏ to luận bàn.  
 Có Hội Thánh, trước toan mấy việc  
 Việc nội tình thân thiết cậy tin

Lỗi làm xúm lại mà xin  
 Quyết lòng cải hóa trọn gìn thánh ân.  
 Chư chức sắc quên thân vì Đạo  
 Xa gần đều hoài bão tư duy <sup>(44)</sup>  
 Đừng còn sớm thị chiều phi <sup>(45)</sup>  
 Làm người hướng đạo gắn ghi trọn tình.  
 Đoàn giáo chức, giáo sinh xây dựng  
 Có người rồi quy chuẩn <sup>(46)</sup> được nêu  
 Tinh thần thường bữa thường khêu  
 Cho cao đạo hạnh, cho đều chí tu.

Các con đổi thế trụ thiên.

Mẹ hôm nay đến chỉ chứng lòng và ban ơn. Ơn đã đến cho từng mỗi con. Nếu mỗi con biết, con đưa tay mà đón thì phước huệ sẽ dồi dào, mọi việc con làm không có gì khó cả.

Mẹ hôm nay muốn cho nữ phái nơi đây có một quyền pháp lành mạnh để xứng đáng và khởi uổng công trình xây đắp từ lâu.

Mẹ đã nhiều phen dạy bảo. Một là trong hàng Thiên ân, từ trên đến dưới, đều được tận tụy với nhiệm vụ mình, nương lấy quyền pháp đó mà chen thân, mượn chức trách này đặt để bề chế ngự lòng phàm, tiện phần lập công tu học. Các con

<sup>(39)</sup> **ách nước tai trời** (thiên tai thủy ách 天災水厄: *calamities from the sky and the sea; fig., calamities in nature*): Những thảm họa thiên nhiên như dông bão, sóng thần, lũ lụt, v.v...

<sup>(40)</sup> **A Tỳ** 阿毘 (*avīci*): Cũng gọi Vô Gián Địa Ngục 無間地獄 (*the Hell of Unintermitted Punishment*), là nơi tội nhân bị trừng phạt không hề gián đoạn và không có ngày được thoát khỏi tù.

<sup>(41)</sup> **ngịch tử** 逆子 (*unfilial child*): Con bất hiếu.

<sup>(42)</sup> Câu này ý nói: Tội con nhiều như lá trong rừng, không kể xiết.

<sup>(43)</sup> **ân tứ** 恩賜 (*God's favour, Heaven's grace*): Ơn Trời ban bố.

<sup>(44)</sup> Câu này ý nói: Gần xa đều ôm ấp lý tưởng, suy tư về việc đạo. – **tư duy** 思惟 (*thinking*): Suy nghĩ.

<sup>(45)</sup> Câu này ý nói: Lúc nào cũng một lòng một dạ, không nay vậy mai khác. – **thị phi** 是非 (*right and wrong; praise and criticism*). Đúng và sai; khen chê.

<sup>(46)</sup> **quy chuẩn** 規準 (*regulation and standard*): Quy tắc và chuẩn mực.

nhờ chức vụ được gán mà dễ bề gần Thầy được đạo. Các con cố giữ nó cho còn thì đời con trở nên tốt đẹp, thân con không bị trần lố,<sup>(47)</sup> xấu xa. Con nhờ đó làm bùa hộ mạng, làm phép tiêu oan.<sup>(48)</sup> Ngày nào con tự bỏ nó <sup>(49)</sup> ra là ngày đó lần lần con sẽ đi xa ngoài đạo pháp mà gần với ma tà tội lỗi. Nếu con nào chưa thọ pháp thượng thừa thì cũng phải cần có một chức vụ mà tu. Điều ấy cần cho các con lắm.

Đứa nào có chức vụ rồi, mà lười nhác thối thác, thật là đen tối vô cùng. Đã được ơn Trời cho, hay Hội Thánh gán vào thì ráng giữ. Không đi hành đạo được thì ở nhà mà giữ lấy giới đó đặng tu. Nếu con nào buông ra thì quyền pháp không còn ngự.

(...)

Mẹ ban ơn lành mỗi con, ban bố quyền uy khắp trong Giáo Hội. Mẹ mong sao mỗi con sống mãi ở lòng Mẹ để con được bình an và nhiều hạnh phúc.

Mẹ chứng lòng và ban ơn những con có mặt nơi đây.  
Mẹ thẳng.

<sup>(47)</sup> **trần lố** 塵魯: Đồng nghĩa *trần lậu* 塵陋, không thanh cao, không tốt đẹp. (Đức Mẹ giảng luôn nghĩa chữ *trần lố* khi nói *xấu xa* liền theo sau.)

<sup>(48)</sup> **tiêu oan** 消冤 (*eliminating karmic debts*): Tiêu trừ, diệt bỏ *oan trái* 冤債 (nợ do nghiệp xấu gây ra).

<sup>(49)</sup> **nó**: Chức vụ được Trời hay Hội Thánh ban trao.

## 18. BA QUẺ DỊCH NÊN HỌC TẬP

*Tu xá Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam)  
ngày 09-9 Canh Tý (Thứ Sáu 28-10-1960)*

THI

*TIẾP* kỳ giáo hóa độ quần lê <sup>(1)</sup>  
*VĂN* chất bản bản,<sup>(2)</sup> trợn mọi bề  
*PHÁP* đạo đã ban, người gắng giữ  
*QUÂN* đồng quân mạng <sup>(3)</sup> quyết quay về.

Bản Quân chào chư phật sự, chư đạo tâm, chư tu sĩ. Mời an vị.<sup>(4)</sup>

<sup>(1)</sup> **quần lê** 群黎 (*citizens*): Dân chúng (dân đen, *lê dân* 黎民).

<sup>(2)</sup> **văn chất bản bản** 文質彬彬 (*refinement and raw qualities are equally blended*): Văn nhã và chất phác đều nhau. *Luận Ngữ* (6:18) chép lời Đức Khổng Tử: *Chất thắng văn tắc dã; văn thắng chất tắc sử; văn chất bản bản, nhiên hậu quân tử.* 勝文則野; 文勝質則史; 文質彬彬; 然後君子. Chất phác trội hơn văn nhã là kẻ quê mùa; văn nhã trội hơn chất phác là kẻ chép sử (thư ký); văn nhã và chất phác ngang nhau là người quân tử. (*If raw substance dominates refinement, that's a rustic man. If refinement dominates raw substance, that's a clerk. When refinement and raw qualities are well blended, that's a superior man.*)

<sup>(3)</sup> **quân đồng quân mạng** 君同君命 (*you with your mission*): Các vị cùng với sứ mạng các vị.

<sup>(4)</sup> **an vị** 安位 (*taking a seat*): Ngồi, *an tọa* 安坐.



Bản Quân được lệnh Tôn Sư giao bộ<sup>(5)</sup> tịnh đường để xét lại những ai sớm chiều trọn nguyện. Nhưng than ôi, máy Tạo màu vi, lòng đời còn tà tâm tư dục làm sao thấu được lẽ Trời! Một sắc một không chưa dễ lòng phàm thấu biết. Máy dinh hư tiêu tức<sup>(6)</sup> thoạt thấy thoạt không, nếu chẳng trọn đức chí thành đâu dễ suốt tường lẽ Đạo.

Đây, Bản Quân đặt một bài chứng minh để cho tịnh chúng<sup>(7)</sup> rõ đường mà hối quá<sup>(8)</sup> lòng mình, để sống liền trong máy nhiệm.<sup>(9)</sup>

Buổi đời hạ nguơn mặt pháp này hơn loại sống trong vòng đau khổ tối tăm. Cơ khí phát sinh văn minh thịnh đạt là

---

<sup>(5)</sup> **bộ, bạ** 簿 (*register*): Sổ sách ghi chép.

<sup>(6)</sup> **dinh hư tiêu tức** 盈虛消息 (*full, not full, decreasing, increasing*):

Đây voi giảm tăng (đồng nghĩa *dinh hư tiêu trưởng* 盈虛消長. Kinh Dịch (quẻ Phong 豐): *Nhật trung tắc trắc, nguyệt dinh tắc thực, thiên địa dinh hư, dữ thời tiêu tức, nhi hướng ư nhân hồ? hướng ư quỷ thần hồ?* 日中則昃, 月盈則食, 天地盈虛, 與時消息, 而況於人乎? 況於鬼神乎? *The sun at midday will decline; the full moon will wane. If heaven and earth are now full, now not full, and decrease or increase with the seasons, let alone men! Let alone deities!* (Mặt trời lên đỉnh đầu sẽ xế, trăng đầy sẽ khuyết, trời đất đầy voi, cùng với thời gian mà giảm hay tăng. Hướng hồ con người? Hướng hồ quỷ thần?) – **máy dinh hư tiêu tức** (Tạo Hóa chi cơ 造化之機: *the mechanism of nature, the mechanism of yin-yang*): Máy Tạo, máy âm dương, sự vận hành của trời đất.

<sup>(7)</sup> **tịnh chúng** 淨眾 (*inner self-cultivators*): Các tịnh sĩ, các tịnh viên, những người tu tịnh (tịnh luyện).

<sup>(8)</sup> **hối quá** 悔過 (*repenting*): Hối lỗi, ăn năn sám hối.

<sup>(9)</sup> **máy nhiệm** (huyền cơ 玄機: *mysterious mechanism*): Máy Trời màu nhiệm.

mầm suy bại mê ngu. Thời này bên ngoài ngộ như mỹ lệ huy hoàng mà bên trong tinh thần quá nên suy yếu. Thời này gọi là thời Bĩ.<sup>(10)</sup> Sau Bĩ đến Bác.<sup>(11)</sup> Bĩ, Bác đã làm cho chánh pháp lu mờ, phần thì lũ tiểu hơn đã trở nên cực thịnh. Thế mà trong đám tàn bạo vô lương kia cũng còn có một hào lục tam biết bỏ bầy tiểu hơn mà theo cùng quân tử.<sup>(12)</sup> Thượng cửu đã quá mong manh như trứng trong ác. Thế thì dương đạo đã đến lúc suy tàn. Dương đạo đã suy tàn thì hơn loại tức khắc phải nguy vong. Ôi, ai không đáng sợ, đáng kinh!

Thế mà không đâu! Quân tử không bao giờ tuyệt dứt, tiểu hơn không mấy thuở trường tồn. Hễ bên này một âm trưởng, thì bên kia một dương cũng trưởng. Ví như mười hai bánh xe đi song hành. Hễ có trưởng ắt có tiêu, nên sau cái vui

---

<sup>(10)</sup> **Bĩ**: Thiên Địa Bĩ 天地否 (*Heaven-Earth Standstill*), ☷, quẻ Dịch 12, ứng vào thời kỳ con người trọng vật chất, ham đấu tranh, chạy theo dục vọng, sống phù phiếm. Đạo đức, nhân nghĩa hời hợt trên đầu môi chót lưỡi, xa rời lòng người.

<sup>(11)</sup> **Bác**: Sơn Địa Bác 山地剝 (*Mountain-Earth Splitting Apart*), ☶, quẻ Dịch 23, ứng vào thời kỳ tà thuyết thịnh, chánh đạo suy, đất nước thiếu lãnh tụ anh minh, đời vắng bóng hiền nhân, quân tử.

<sup>(12)</sup> **hào lục tam** (lục tam hào 六三爻: *the third six*); **thượng cửu** [hào] 上九爻 (*the top nine*): Hào lục tam là hào âm (vạch đứt), thường tượng trưng tiểu nhân. Hào cửu là hào dương (vạch liền), thường tượng trưng quân tử. Mỗi quẻ có sáu hào. Từ dưới đếm lên thì lục tam là hào âm thứ ba, và thượng cửu là hào dương thứ sáu (ở trên cùng). Trong quẻ Sơn Địa Bác ☶, hào lục tam ở giữa một đám tiểu nhân, nhưng theo nguyên tắc đối ứng (hào 1 ứng với hào 4, hào 2 ứng với hào 5, hào 3 ứng với hào 6) thì lục tam ứng với thượng cửu, và Đức Tiếp Văn Pháp Quân giảng là một hào lục tam biết bỏ bầy tiểu hơn mà theo cùng quân tử.

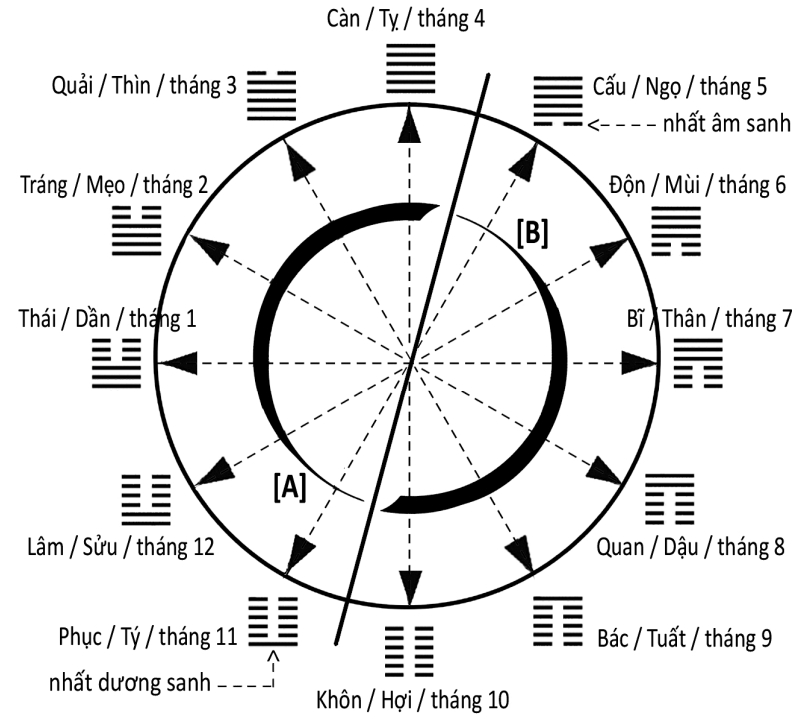
có cái buồn. Có cái suy tức là có cái thịnh. Mỗi ngày mười hai giờ. Mỗi năm mười hai tháng. Lớn ra một nguyên, một hội,<sup>(13)</sup> đều có một quẻ hiện ra, một quẻ ẩn giấu, mà lúc nào ta chỉ được thấy sáu hào<sup>(14)</sup> cũng như đêm ẩn ngày hiện vậy.

Nói về tháng, như:

- Tháng Giêng, tháng Bảy: quẻ Thái, quẻ Bĩ.
- Tháng Hai, tháng Tám: quẻ Tráng, quẻ Quan.
- Tháng Ba, tháng Chín: quẻ Quải, quẻ Bác.
- Tháng Tư, tháng Mười: quẻ Càn, quẻ Khôn.
- Tháng Năm, tháng Mười Một: quẻ Cấu, quẻ Phục.
- Tháng Sáu, tháng Mười Hai: quẻ Độn, quẻ Lâm.
- Tháng Bảy, tháng Giêng: quẻ Bĩ, quẻ Thái.
- Tháng Tám, tháng Hai: quẻ Quan, quẻ Tráng.
- Tháng Chín, tháng Ba: quẻ Bác, quẻ Quải.
- Tháng Mười, tháng Tư: quẻ Khôn, quẻ Càn.
- Tháng Mười Một, tháng Năm: quẻ Phục, quẻ Cấu.
- Tháng Mười Hai, tháng Sáu: quẻ Lâm, quẻ Độn.

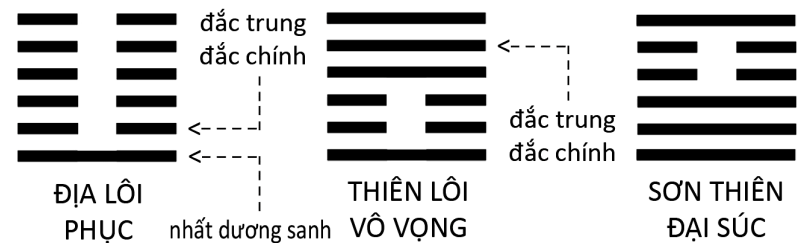
<sup>(13)</sup> Theo *Hoàng Cực Kinh Thế* 皇極經世 của Thiệu Khang Tiết 邵康節 (1011-1077) thì một *nguyên* 元 gồm 12 *hội* 會; một *hội* gồm 30 *vận* 運; một *vận* gồm 12 *thế* 世, một *thế* gồm 30 năm. Vậy, một *vận* gồm 360 năm, một *hội* gồm 10.800 năm, một *nguyên* gồm 129.600 năm.

<sup>(14)</sup> **sáu hào** (*lục hào* 六爻: six lines): Sáu vạch của mỗi quẻ Dịch, hoặc là vạch đứt (hào âm, gọi là *lục*) hay liền (hào dương, gọi là *cửu*).



[A] Âm tiêu dương trưởng / [B] Dương tiêu âm trưởng

**Tương quan giữa mười hai quẻ Dịch với mười hai con giáp và mười hai tháng âm lịch**  
(minh họa lời dạy của Đức Tiếp Văn Pháp Quân)



Quay giáp <sup>(15)</sup> lại: Tý Ngọ [Phục Cấu], Sửu Mùi [Lâm Độn], Dần Thân [Thái Bĩ], Mẹo Dậu [Tráng Quan], Thìn Tuất [Quải Bác], Ty Hợi [Càn Khôn], Ngọ Tý [Cấu Phục], Mùi Sửu [Độn Lâm], Thân Dần [Bĩ Thái], Dậu Mẹo [Quan Tráng], Tuất Thìn [Bác Quải], Hợi Tý [Khôn Càn].<sup>(16)</sup>

Vòng bên này: [A] Phục, Lâm, Thái, Tráng, Quải, Càn;<sup>(17)</sup> thì vòng bên kia: [B] Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn.<sup>(18)</sup> Mà lúc nào ta cũng thấy trong mười hai quẻ: Hễ bên này hiện ra Bác, thì bên kia ẩn lấy Quải mà chờ thời. Tháng này là tháng Chín,<sup>(19)</sup> là quẻ Bác. Thế thì các hiền ở trong thời Bác, nên lựa lấy hào nào để tu thân xử sự?

Sau quẻ Bác đến quẻ Phục, đến Vô Vọng, đến Đại Súc. Hôm nay Bản Quân giải ba quẻ này để chư hiền nương đó mà tu, nương đó mà học mà làm.

1. Đã nói nữ phái được hồng ân xây dựng một Hội Thánh quyền pháp thì Ôn Trên đã ban cho một bí quyết thành công.

---

<sup>(15)</sup> **giáp**: Mười hai con giáp (Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi), phối hợp thành mười hai cặp, ứng với mười hai cặp quẻ. Mười hai cặp quẻ như [Phục Cấu], [Lâm Độn], v.v... kèm theo từng cặp giáp là do chúng tôi thêm vào.

<sup>(16)</sup> Xem sáu đường kinh tâm (*diameters*) nối sáu cặp quẻ Dịch trong sơ đồ chúng tôi vẽ thêm (in ở trang bên cạnh) để minh họa lời dạy của Đức Tiếp Văn Pháp Quân.

<sup>(17)</sup> Bắt đầu từ quẻ Phục vì có nhất dương sanh (ứng với Tý, tháng Mười Một âm lịch). Từ Phục tới Càn là dương trưởng âm tiêu.

<sup>(18)</sup> Bắt đầu từ quẻ Cấu vì có nhất âm sanh (ứng với Ngọ, tháng Năm âm lịch). Từ Cấu tới Khôn là âm trưởng dương tiêu.

<sup>(19)</sup> Đán cơ này lập ngày mừng Chín tháng Chín năm Canh Tý.

Bí quyết đó là quẻ Phục.<sup>(20)</sup>

Quẻ **Phục** là giai đoạn đầu của thời kỳ chỉnh cơ lập pháp, dựng lấy nền tảng pháp quyền, thế mà nữ phái đã thấy gì đâu. Từ mười mấy ngàn năm nay chưa có một dịp nào phái yếu được đứng ra hưởng trọn hồng ân như buổi Tam Kỳ Phổ Độ. Nữ phái đã được bình đẳng trong cơ cứu chuộc của Đạo Trời. Nữ phái chung bàn sự đời việc đạo. Ân phước lớn lao. Đã chết đi mà được sống lại. Trong tối tăm hốt nhiên <sup>(21)</sup> xán lạn. Đương đau khổ mà thấy an nhàn. Ân phước lớn lao kia chẳng những riêng cho nữ phái mà cho chung cả nhơn loại trên hoàn cầu.

Bác đã thành công, chốc <sup>(22)</sup> lại hóa buổi Thuần Khôn <sup>(23)</sup> đen tối. Thầy phát tâm từ bi thị hiện <sup>(24)</sup> giữa buổi thế giới tàn tạ khốn cùng, quay ngược bánh xe thiên điển, tái tạo cho loài người chuyển Khôn thành Phục. Vì thế mà bốn biển

---

<sup>(20)</sup> **Phục**: *Địa Lôi Phục* 地雷復 (*Earth-Thunder Return*), ☱, quẻ Dịch 24, ứng vào thời kỳ đạo lý hồi phục, con người biết quay về với những giá trị tinh thần, tâm linh cao quý mà họ đã quay lưng chối bỏ trong thời kỳ Bát Thuần Khôn.

<sup>(21)</sup> **hốt nhiên** 忽然 (*suddenly*): Bất ngờ, bỗng nhiên.

<sup>(22)</sup> **chốc** (*a short while*): Chốc lát, một chốc.

<sup>(23)</sup> **Thuần Khôn**: *Bát Thuần Khôn* 八純坤, ☷, quẻ Dịch 2, ứng vào thời kỳ mạt kiếp, mạt pháp, nhiều nhưong máu lửa. Quẻ Khôn dạy con người hãy luôn đề phòng, đừng để nước đến chân mới nhảy; hãy biết nhìn xa trông rộng, lo toan, ngăn chặn ngay từ lúc hiểm họa mới manh nha. Để hộ mạng, hãy biết tích đức, tu nhân, làm lành lánh dữ. Quẻ Khôn dạy con người hãy biết nhu thuận, hòa hợp, để chung tay góp sức đắp xây việc lớn.

<sup>(24)</sup> **thị hiện** 示現 (*displaying, appearing*): Bày ra, hiện rõ, xuất hiện.

được hồi sinh. Vạn vật nơm nớp<sup>(25)</sup> sống còn mới thấy lòng háo sinh của trời đất. Nên muốn biết được lòng thương yêu tái tạo loài người, không ngoá đâu ngoài mà ngoá vào quẻ Phục.

Quẻ Phục hào sơ cửu<sup>(26)</sup> là hồn nhiên thiên lý, bản thể của chúng sinh. Lôi<sup>(27)</sup> đã khởi đầu thì trập trùng vạn hóa<sup>(28)</sup> khởi sinh, mà Phục là quay về trở lại nguồn gốc vô vi thanh tịnh, hút khí Hư Vô.<sup>(29)</sup> Khí ấy là mẹ đẻ khắp vạn loại. Khí Hư Vô là đó. Khí đã khởi sinh thì bản sanh hồi cố,<sup>(30)</sup> nên dưới Khôn có Chấn,<sup>(31)</sup> cũng như đất có huyền khí thượng thăng,<sup>(32)</sup> mà đó cũng là Tổ Mẫu Huyền Quan Nhứt Đạo, thì ráng công tu dưỡng ngày ngày, đem hết quan thức tâm năng vào trong mà ôn tu, điều dưỡng.

*Sơ cửu: Bất viễn phục,*<sup>(33)</sup> ví như Nhan Hồi chẳng lỗi hai

<sup>(25)</sup> **nơm nớp** (*anxious*): Phập phồng lo sợ.

<sup>(26)</sup> **hào sơ cửu** (*sơ cửu hào* 初九爻: *the bottom nine*): Vạch liền ở dưới cùng của quẻ Phục, là hào dương.

<sup>(27)</sup> **Lôi** 雷 (*Thunder*): Sấm; nội quái (nằm dưới) của quẻ Phục, là quẻ Chấn ䷳ trong bát quái.

<sup>(28)</sup> **vạn hóa** 萬化: Vô vàn những biến hóa (*thiên biến vạn hóa*).

<sup>(29)</sup> **khí Hư Vô** (*Hư Vô chi khí* 虛無之氣): Là khí Hồng Môn, khí Tiên Thiên khi vũ trụ chưa tạo thành. Khí Hư Vô sinh ra Thái Cực.

<sup>(30)</sup> **bản sanh hồi cố** 本生回固 (*one's own vitality regains its strength*): Sự sống vốn có trong mỗi người hồi phục sức mạnh.

<sup>(31)</sup> Quẻ Phục gồm ngoại quái **Khôn** 坤 (*Earth*: Đất) ䷁ nằm trên, và nội quái **Chấn** 震 (*Thunder*: Sấm sét) ䷳ nằm dưới.

<sup>(32)</sup> **huyền khí thượng thăng** 玄氣上升 (*mysterious "qi" ascends*): Khí màu nhiệm bay lên.

<sup>(33)</sup> **Sơ cửu: Bất viễn phục.** 初九: 不復遠 (*The bottom nine: Returning from a short distance*): Hào một dương: Chưa đi xa đã quay trở

lần.<sup>(34)</sup> Dầu cho trung chính<sup>(35)</sup> đủ quyền như lục nhị cũng phải hạ mình mà tùy thuận theo quân tử dương đạo.<sup>(36)</sup> Sao mà các hiền không noi lấy để tu. Mãi cứ la đà mê đắm như hào lục tam.<sup>(37)</sup> Mãi cứ tần thất, tần phục,<sup>(38)</sup> tham muốn hư thân, sám hối nhiều lần, tu rồi bỏ, bỏ rồi tu, kết quả cuộc đời ở đâu vào đó. Dầu ở trong thời Phục lắm người tội lỗi, chống chế quyền pháp, cố hại người hiền, các hiền không đủ sức dàn xếp cản ngăn thì ở như hào lục tứ<sup>(39)</sup> độc phục,<sup>(40)</sup> thành

---

về; ý nói lỗi lầm vừa mới chớm là biết hối cải liền.

<sup>(34)</sup> **Nhan Hồi chẳng lỗi hai lần:** Câu này dẫn lại Hệ Từ Hạ, nguyên văn: [顔回] 有不善未嘗不知, 知之未嘗復行也. [Nhan Hồi] *Hữu bất thiện vị thường bất tri, tri chi vị thường phục hành dã.* (Nhan Hồi có điều chẳng lành thì chưa hề không biết lỗi; đã biết lỗi ấy rồi thì chưa hề tái phạm vậy.

<sup>(35)</sup> **trung chính** 中正: Hào lục nhị nằm giữa nội quái quẻ Phục nên đặc *trung*. Hào này ở vị trí âm (*nhị*) và bản chất lại âm (*lục*) nên đặc *chính*. Vậy gọi là *trung chính*, tức là đặc trung đặc chính.

<sup>(36)</sup> **quân tử dương đạo:** Là nói hào sơ cửu quẻ Phục. Lục nhị ở bên trên sơ cửu nên Đức Tiếp Văn Pháp Quân bảo *lục nhị cũng phải hạ mình mà tùy thuận theo quân tử dương đạo.*

<sup>(37)</sup> **hào lục tam** (*lục tam hào* 六三爻: *the third six*): Vạch đứt thứ ba của quẻ Phục, từ dưới đếm lên, là hào âm. Hào này tượng trưng những người thiếu nghị lực, muốn bỏ tụt xấu mà không thể dứt bỏ, vẫn yếu lòng nên tái phạm nhiều lần, giống như đã biết tắm rửa sạch sẽ rồi mà vẫn lấy quần áo dơ bẩn mặc lại.

<sup>(38)</sup> **tần thất, tần phục** 頻失, 頻復 (*frequently making mistakes and frequently repenting*): Thường xuyên phạm lỗi và thường xuyên ăn năn. *Tần phục* là hai chữ dùng trong hào lục tam. Đức Tiếp Văn Pháp Quân giải thích ý nghĩa cụm từ *tần thất, tần phục* như sau: *tham muốn hư thân, sám hối nhiều lần, tu rồi bỏ, bỏ rồi tu.*

<sup>(39)</sup> **hào lục tứ** (*lục tứ hào* 六四爻: *the fourth six*): Vạch đứt thứ tư

tâm theo Đạo<sup>(41)</sup> mà dưỡng chí. Nếu hiền nào cảm thông lý nhiệm thì gắng lòng độc phục, đừng chống trái như thượng lục<sup>(42)</sup> tội lỗi vô cùng. Tội lỗi này quá nên táo bạo, chống Trời không nơi an ẩn.<sup>(43)</sup>

2. Về quẻ **Thiên Lôi Vô Vọng**.<sup>(44)</sup> Hào sơ cũng như sơ cửu quẻ Phục, đã vô vọng<sup>(45)</sup> là hồn nhiên thiên lý, chẳng để một máy riêng tư. Mà chur tu sĩ đây đã nguyện đi lên đường giải thoát, phải làm sao tu lấy vô vọng,<sup>(46)</sup> phải luôn luôn chờ đợi

---

của quẻ Phục, từ dưới đếm lên, là hào âm.

<sup>(40)</sup> **Lục tứ: Trung hành độc phục.** 六四: 中行獨復 (*The fourth six: Walking in the midst of others, returning alone to one's proper path*): Đây là hào từ của lục tứ. Hào này tượng trưng những người sống như những cánh sen trong bùn, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Tuy sống trong xã hội điên đảo, giữa đám tiểu nhân, họ vẫn giữ vẹn đạo lý, một mình lẻ loi trở về với chánh đạo (đó là *độc phục*).

<sup>(41)</sup> **theo Đạo** (tòng Đạo 從道: *following the Dao*): Tượng từ 象詞 của hào lục tứ nói: *Trung hành độc phục, dĩ tòng Đạo dã. 中行獨復, 以從道也.* (Một mình quay về để mà theo Đạo vậy.)

<sup>(42)</sup> **thượng lục** 上六 (*the top six*): Vạch đứt ở trên cùng của quẻ Phục, là hào âm. Hào này tượng trưng cho những người ở địa vị cao tột mà u mê, không chịu gần người hiền, không biết phục thiện để cải tà quy chánh, lại ý quyền thế mà bất chấp tất cả lẽ phải, coi trời bằng vung. Vì vậy Đức Tiếp Văn Pháp Quân bảo rằng họ *tội lỗi vô cùng, táo bạo, chống Trời*.

<sup>(43)</sup> **an ẩn** 安隱 (*safely hiding*): Ẩn trốn an toàn.

<sup>(44)</sup> **Thiên Lôi Vô Vọng** 天雷無妄 (*Heaven-Thunder Innocence*): Quẻ Dịch 25, ☳☰. Vô vọng là hồn nhiên.

<sup>(45)</sup> **vô vọng** 無妄 (*innocent, innocence*): Đức Tiếp Văn Pháp Quân giảng là: *hồn nhiên thiên lý, chẳng để một máy riêng tư.*

<sup>(46)</sup> **tu lấy vô vọng**: Giữ lòng vô tư, hồn nhiên, thanh tịnh lo tu.

lịnh Thầy, biết thời mà xử sự.<sup>(47)</sup> Vô vọng rồi thì thiên hạ tôn trọng. Tôn trọng là được tâm vô vọng.

Sơ cửu, lục nhị đứng trong thời động mà động là vô vọng.<sup>(48)</sup> Cửu tứ, cửu ngũ đứng trong thời tịnh mà tịnh là vô vọng.<sup>(49)</sup> Vô vọng khế hợp với Đạo Trời.

Trái lại, đứng trong hồi tịnh mà động là vọng,<sup>(50)</sup> như thượng cửu,<sup>(51)</sup> thì thân phải nguy. Hơn nữa, tu mà không kèm chế được bản tánh, không in khuôn<sup>(52)</sup> quyền pháp, nên phải chịu cái vạ vô có, họa gởi tai bay như hào lục tam.<sup>(53)</sup> Không ăn trộm trâu mà người ta nghi mình cắp giấu.<sup>(54)</sup>

---

<sup>(47)</sup> **biết thời mà xử sự** (*acting in accordance with circumstances*): Đức Tiếp Văn Pháp Quân sẽ giảng thêm ý này ở đoạn dưới khi nói về *sơ cửu, lục nhị*, và về *cửu tứ, cửu ngũ*.

<sup>(48)</sup> Hành động hợp thời nên được *vô vọng*. Ở đây *vọng* nghĩa là tùy tiện, bất cẩn, không nghĩ tới hậu quả (*rash, reckless, impetuous*).

<sup>(49)</sup> Ở yên hợp thời nên cũng được *vô vọng*. Ở đây *vọng* nghĩa là tùy tiện, bất cẩn, không nghĩ tới hậu quả (*rash, reckless, impetuous*).

<sup>(50)</sup> Hành động không hợp thời tức là *vọng động* (*reckless action*).

<sup>(51)</sup> **thượng cửu** 上九 (*the top nine*): Vạch liền trên cùng của quẻ Vô Vọng, là hào dương. Hào này cảnh báo rằng hành động không hợp thời thì mang họa, tức là *hành hữu sai* (*行有眚: improper action brings misfortune*) như hào từ 爻詞 của thượng cửu đã nói.

<sup>(52)</sup> **in khuôn** (*strictly following*): Rập theo, làm y hệt theo.

<sup>(53)</sup> **hào lục tam** (lục tam hào 六三爻: *the third six*): Vạch đứt thứ ba của quẻ Vô Vọng, từ dưới đếm lên, là hào âm. Hào này cảnh báo về những tai bay vạ gió trong đời người.

<sup>(54)</sup> Câu này nhắc tới hào từ của lục tam: *Hoặc hệ chi ngưu, hành nhân chi đắc, ấp nhân chi tai. 或繫之牛, 行人之得, 邑人之災.* (Trâu đang buộc, kẻ bộ hành nhìn thấy bèn dắt đi mất, khiến người trong ấp mang họa vì bị nghi ngờ trộm trâu.)

Ở trong thời vô vọng mà còn vọng, đã tu mà chẳng khép nép tinh tường<sup>(55)</sup> để cho tà niệm vọng lên,<sup>(56)</sup> nên người lấy đó làm ngờ. Nên khuyên người cẩn thận giữ gìn.

Đã tu phải bị khảo. Ma có khảo, đạo mới thành.<sup>(57)</sup> Sự thử thách này nào khác chi hào cửu ngũ,<sup>(58)</sup> đã được trung được chính,<sup>(59)</sup> thì có ngại gì tai tật<sup>(60)</sup> qua loa.

Thế thường hễ đau là uống thuốc, mà ở trong vô vọng thì [nào] có tật<sup>(61)</sup> gì. Dầu có như Khổng Phu Tử bị vây khốn ở Trần, Thái mà giữ được thanh tịnh tự nhiên;<sup>(62)</sup> rồi muôn

<sup>(55)</sup> **tinh tường** (*cautiously*): Cẩn trọng, dè dặt từng ly từng tý.

<sup>(56)</sup> **vọng lên** (*arising*): Nổi lên, dấy lên.

<sup>(57)</sup> Có câu: *Vô ma khảo bất thành đại đạo. 無魔考不成大道.*

<sup>(58)</sup> **hào cửu ngũ** (*cửu ngũ hào 九五爻: the fifth nine*): Vạch liền thứ năm của quẻ Vô Vọng, từ dưới đếm lên, là hào dương. Hào này khuyên chớ lo lắng về bệnh tật; khỏi dùng thuốc men mà vui được lành bệnh. *Vô vọng chi tật, vật được hữu hỷ. 無妄之疾, 勿藥有喜.*

<sup>(59)</sup> **được trung được chính** (*đắc trung đắc chính: 得中得正*): Hào cửu ngũ nằm giữa ngoại quái quẻ Vô Vọng nên *đắc trung*. Hào này ở vị trí dương (*ngũ*) và bản chất lại dương (*cửu*) nên *đắc chính*. Vậy gọi là *được trung được chính*. Hào cửu ngũ đắc trung đắc chính tượng trưng bậc chính nhân quân tử; những tai tật qua loa (những khảo thí vật vãnh) không ảnh hưởng mấy may đến ý chí kiên định của bậc chính nhân quân tử.

<sup>(60)</sup> **tai tật** 災疾 (*misfortune and illness*): Tai họa và tật bệnh, ý nói những khảo thí nhỏ nhặt.

<sup>(61)</sup> **tật** 疾 (*sickness, illness, disease*): Bệnh tật.

<sup>(62)</sup> **Khổng Phu Tử bị vây khốn ở Trần, Thái**: Tích này gọi là *Trần Thái tuyệt lương 陳蔡絕糧 (Out of food in Chen and Cai: Hết sạch lương thực tại biên giới Trần và Thái),* cũng gọi là *Tại Trần tuyệt*

việc cũng qua, mà tỏ được chí mình hồn nhiên vô vọng.

Nên người tu như các Thiên ân hướng đạo, như chư tu sĩ xuất gia lo gì mà không đủ trợ duyên phần no ấm.<sup>(63)</sup> Ăn cơm

---

*lương* 在陳絕糧. *Luận Ngữ* (15:2) chép: *Tại Trần tuyệt lương, tòng giả bệnh, mạc năng hưng. 在陳絕糧, 從者病, 莫能興.* (Tại nước Trần, thầy trò cạn hết lương thực, đệ tử đi theo ngã bệnh, không ai ngồi dậy nổi.) *Tiểu thuyết Đông Chu Liệt Quốc* (Hồi 79) của Phùng Mộng Long chép: *Khổng Tử tuyệt lương tam nhật, nhi huyền ca bất xuyết. 孔子絕糧三日, 而絃歌不輟.* (Khổng Tử bị tuyệt lương ba ngày, mà vẫn không ngừng gảy đàn đọc sách.) Theo Phùng Mộng Long, Đức Khổng ghét nước Vệ trái lẽ nên đi sang Trần. Khi Thầy đến biên giới hai nước Trần và Thái thì Sở Chiêu Vương phái người rước về Sở. Các quan đại phu hai nước Trần, Thái sợ nước Sở dùng Đức Khổng thì nguy cho nước họ, bèn điều động quân binh bao vây Thầy ở biên giới.

<sup>(63)</sup> Người xuất gia hay bậc Thiên ân hiến thân hành đạo phải sống nhờ vào tài vật bá tánh *cung dưỡng* 供養 (tức là cúng dường); đói no ấm lạnh phải tùy thuộc người khác. Do đó, trong số các vị ấy ắt khó tránh khỏi có người chạnh lòng âu lo, vì lẽ tục ngữ bảo: *Tay làm hàm nhai. Cũng vậy, ca dao nói: Có làm mới có mà ăn / Dung không ai để đem phần đến cho.* Tiếng Anh có câu nói tương tự: *No pain, no gain.* (Không khổ nhọc thì không thu nhập.) Để đối trị nỗi lo này, Đức Tiếp Văn Pháp Quân dạy quẻ Vô Vọng. Hào lục nhị và Tiểu Tượng Truyện quẻ này nói: *Bất canh hoạch 不耕獲.* Ba chữ quá cô đọng này không dễ hiểu; do đó xưa nay có nhiều cách giải thích khác nhau. Riêng học giả kiêm nhà truyền giáo Tô Cách Lan James Legge (1815-1897) dịch *Bất canh hoạch* là: *“one who reaps without having ploughed”*; *“He reaps without having ploughed”* (Người ta không cày mà thu hoạch lúa.)

Không cày mà thu hoạch ư? Điều tưởng chừng nghịch lý này suy ra chẳng hề khác lời Chúa Giê-su dạy các tông đồ:

*Vì vậy Thầy bảo cho anh em biết, đừng lo cho mạng sống – Lấy gì mà ăn? Cũng đừng lo cho thân thể – Lấy gì mà mặc? Mạng sống*

nhân dân, làm việc xã hội, thọ ân đạo tràng, khai thông đạo pháp. Nên làm con người sống với mười phương. Đừng nhỏ nhen. Ăn cơm nhà, làm việc nhà, chưa phải con người tu sĩ.

3. Quẻ **Đại Súc**,<sup>(64)</sup> tượng từ cho biết <sup>(65)</sup> là uốn nắn con

---

*chẳng trọng hơn của ăn, và thân thể chẳng trọng hơn áo mặc sao? Hãy xem chim trời, chúng không gieo không gặt, không thu tích vào kho; thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng. Anh em lại chẳng quý giá hơn chúng sao? Hỏi có ai trong anh em, nhờ lo lắng mà kéo dài đời mình thêm được dù chỉ một gang tay? Còn về áo mặc cũng thế, lo lắng làm gì? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học. Chúng không làm lụng, không kéo sợi; thế mà, Thầy bảo cho anh em biết, ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy, nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn, mai đã quẳng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em, ôi những kẻ kém tin! Vì thế, anh em đừng lo lắng tự hỏi rằng ta sẽ ăn gì, uống gì, hay mặc gì đây. (Mát-thêu 6:25-31)*

*Therefore I tell you, do not worry about your life, what you will eat or drink; or about your body, what you will wear. Is not life more than food, and the body more than clothes? Look at the birds of the air; they do not sow or reap or store away in barns, and yet your heavenly Father feeds them. Are you not much more valuable than they? Can any one of you by worrying add a single hour to your life? And why do you worry about clothes? See how the flowers of the field grow. They do not labor or spin. Yet I tell you that not even Solomon in all his splendor was dressed like one of these. If that is how God clothes the grass of the field, which is here today and tomorrow is thrown into the fire, will he not much more clothe you – you of little faith? So do not worry, saying, “What shall we eat?” or “What shall we drink?” or “What shall we wear?”*

<sup>(64)</sup> **Đại Súc**: Sơn Thiên Đại Súc 山天大畜 (Mountain-Heaven Great Accumulation), ☶☰, quẻ Dịch 26. Súc nghĩa là súc tích (accumulation). Đức Tiếp Văn Pháp Quân giảng súc là uốn súc, súc tụ.

người có cái lòng vô vọng, có cái pháp vô vi, uốn súc <sup>(66)</sup> nơi trong đầy đủ, tài đức vẹn toàn để gánh vác Đạo Trời, lo cho phong thuần tục mỹ,<sup>(67)</sup> súc tụ <sup>(68)</sup> được tinh ba Tạo Hóa, quyền pháp đầy đủ, thì lo gì không vui đẹp.<sup>(69)</sup>

Nhưng người quân tử không nên chấp <sup>(70)</sup> một điều nào.

---

<sup>(65)</sup> **tượng từ** 象詞: Tức là Đại Tượng Truyền (lời bàn về hình tượng) của quẻ Sơn Thiên Đại Súc: *Thiên tại sơn trung. Đại súc. Quân tử dĩ đa thức tiền ngôn vãng hạnh, dĩ súc kỳ đức. 天在山中. 大畜. 君子以多識前言往行, 以畜其德. (Heaven within the mountain. Great Accumulation. Thus, the superior man acquaints himself with many sayings of antiquity, and many good deeds [as well as virtues] of the past in order to strengthen his character thereby.)* Hình tượng quẻ Đại Súc là Cấn ☶ (núi) ở ngoài, Càn ☰ (trời) ở trong, nên tượng từ nói *thiên tại sơn trung* (trời ở trong núi), chỉ sự tích trữ to lớn (đại súc). Người quân tử hãy noi theo tượng ấy mà học nằm lòng nhiều lời hay và việc làm tốt (cũng như hạnh tốt) của người xưa để nuôi dưỡng đạo đức cho bản thân.

<sup>(66)</sup> **uẩn súc** 蘊蓄 (accumulating): *Uẩn* và *súc* đồng nghĩa là tích chứa, tích tụ. Chữ *uẩn* còn có nghĩa là tiềm tàng, không phô bày ra (latent, hidden) nên Đức Tiếp Văn Pháp Quân nói rõ là *uẩn súc nơi trong đầy đủ* (full and hidden accumulation).

<sup>(67)</sup> **phong thuần tục mỹ** 風淳俗美 (customs becoming pure and beautiful): Phong tục được tốt đẹp, không lai tạp các thói xấu. Trong cụm từ này *thuần, mỹ* dùng như động từ. Khi nói *thuần phong mỹ tục* (pure and beautiful customs) thì *thuần, mỹ* dùng như tính từ.

<sup>(68)</sup> **súc tụ** 蓄聚 (accumulating): Súc tích 蓄積, gom chứa, tích tụ.

<sup>(69)</sup> **lo gì không vui đẹp**: Đức Tiếp Văn Pháp Quân nhắc tới lời thoán quẻ Đại Súc, bảo là *lợi trinh* 利貞 (có lợi và bền vững), *cát* 吉 (tốt đẹp), *lợi thiệp đại xuyên* 利涉大川 (qua sông lớn an lành).

<sup>(70)</sup> **chấp** 執 (rigidly clinging to sth): Cố chấp 固執, chấp nhất 執一,

Quán<sup>(71)</sup> vô thường, vô ngã, vô tướng, vô nguyện,<sup>(72)</sup> để chịu đựng với bao nghịch cảnh oái oăm.<sup>(73)</sup>

---

*câu nê* 拘泥, *câu chấp* 拘執, bám cứng nhắc điều gì.

<sup>(71)</sup> **quán** 觀 (*contemplating*): Suy xét thấu đáo.

<sup>(72)</sup> **vô thường** 無常 (*impermanent; passing away*): Không bền vững lâu dài; chết đi. – **vô ngã**: Tức là *vô ngã vô nhơn* 無我無人 (*without distinction between self and others*): Không còn phân biệt ta và người, có lòng vô tư của trời đất, như hạt mưa, giọt nắng vẫn ban đều khắp cho người hiền lành lẫn kẻ không hiền lành. Phúc Âm nói về tâm thiên địa (lòng trời đất) của Đức Thượng Đế (Trời Cha) như sau: *Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính.* (Mát-thêu 5:45). – **vô tướng** 無相 (*formlessness*): Hết thấy mọi sự trong thế gian thành hình đều do nhân duyên tạm thời hòa hợp (*giả hợp* 假合: *temporary combination*), thế nên không có hình tướng bất biến. Hết hết duyên thì chúng tan biến. Do đó, đừng chấp tướng. – **quán vô nguyện** (*vô nguyện quán* 無願觀): Chiêm nghiệm thấu suốt rằng *vô nguyện bất thành* 無願不成 (*no vow no accomplishment*), nên phải có nguyện lực mạnh mẽ (*đại nguyện lực* 大願力: *great vow power*) giống như chư Bồ Tát, chư Phật để tu học và phụng sự mới có thể tự thắng bản thân vốn yếu đuối trước cám dỗ và đủ sức vượt qua mọi hoàn cảnh chướng ngại thử thách gan dạ người tu.

<sup>(73)</sup> **để chịu đựng với bao nghịch cảnh oái oăm**: Khi nói lời này, Đức Tiếp Văn Pháp Quân đã lột tả rất ráo cái thâm thúy ẩn tàng của hai chữ *Đại Súc*. Người tu xuất gia, bậc Thiên ân hướng đạo phải thường xuyên hàm dưỡng, luôn luôn tích tụ cho mình một nội công thâm hậu thì mới không phải gặp cảnh nửa đường gãy gánh (*bán đồ nhi phế* 半途而廢: *giving up halfway*). Trong lịch sử các dòng tu, đâu hiếm những người xuất gia rồi cũng đành hoàn tục. Trong lịch sử các hội thánh, đâu hiếm những Thiên ân chức sắc rất cuộc phải cởi áo mão mà trở về với mảnh đời tục lụy.

Không phải lúc nào dương cũng cứng, âm phải mềm. Ở thời Súc này, âm súc dương<sup>(74)</sup> nên người quân tử phải biết thời mà hạ mình, ẩn nhẫn<sup>(75)</sup> lo trọn lấy đạo vô vi.

Ôi, sơ nhị dương cương!<sup>(76)</sup> Quân tử mà sơ bị lục tứ chỉ súc; nhị bị lục ngũ cản ngăn; thế mà sơ phải ép nép chịu hư, nhị được trung kiên Càn tượng mà cũng thối bước dừng chơn.<sup>(77)</sup>

---

<sup>(74)</sup> **âm súc dương** 陰縮陽 (*the yin withdrawing the yang*): Âm cản trở dương. Chữ *súc* 縮 này là chơi chữ (mượn từ đồng âm khác nghĩa với chữ *súc* 畜 trong *Đại Súc*); chữ *súc* 縮 ở đây nghĩa là cản trở, không cho người quân tử hành động (*withdrawing a superior man; preventing a superior man from participating in an activity*).

<sup>(75)</sup> **biết thời mà hạ mình, ẩn nhẫn**: Chỗ này ám hợp với câu (Đ) ứng trong thời tịnh mà tịnh là vô vọng, trong phần Đức Tiếp Văn Pháp Quân giảng về hào cửu tứ, cửu ngũ của quẻ Thiên Lôi Vô Vọng.

<sup>(76)</sup> Hào sơ cửu (hào một, dương) và hào cửu nhị (hào hai, dương) quẻ *Đại Súc*. Dương tượng trưng người quân tử, trong bối cảnh bài thánh giáo thì quân tử ám chỉ tu sĩ xuất gia, bậc Thiên ân hướng đạo.

<sup>(77)</sup> Đoạn này Đức Tiếp Văn Pháp Quân giảng về hai cặp hào ứng (sơ cửu ứng với lục tứ, và cửu nhị ứng với lục ngũ). Hào ứng (*ứng hào* 應爻: *corresponding lines*) tức là ba cặp hào 1-4, 2-5, và 3-6 tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau. – **Quân tử mà sơ bị lục tứ chỉ súc (...)** **sơ phải ép nép chịu hư**: Hào sơ (dương) bị hào ứng của nó là lục tứ (âm) cản trở. Ở đây, *chỉ* 止 nghĩa là ngăn cản, cản trở (*hindering, obstructing*). *Chỉ súc* nghĩa là cản trở nỗ lực tiến đức tu nghiệp 進德修業 của người quân tử. – **nhị bị lục ngũ cản ngăn**: Hào cửu nhị (dương) bị hào ứng của nó là lục ngũ (âm) cản trở; nên hào từ bảo là *du thoát phúc* 輿說輶 (*a carriage without two axles*), nghĩa là xe bị tháo gỡ hai trục, không còn gắn



Ồi! Cái thời sao mà quá đau đớn cho người quân tử, dầu tài ba đức độ như cửu nhị cũng phải tháo trục gác xe.<sup>(78)</sup> Âm đã đến buổi cường bạo lớn lao thì dầu dương có cương kiện cũng không sao tiến được. Tứ âm mà súc sơ dương,<sup>(79)</sup> đến như câu *Đồng ngưu chi cốt*.<sup>(80)</sup>

Lục ngũ súc cửu nhị,<sup>(81)</sup> thật không nói ứng đối làm gì, hơn tình là thế! Đau đớn cho lục ngũ, tàn bạo như vật có vuốt, có nanh.<sup>(82)</sup> Nếu không biết cách tẩy trừ độc hại thì đạo

---

bốn bánh nũa, tức nhiên xe chịu bỏ xó. – **nhị được trung kiên Càn tượng**: Hào cửu nhị đắc trung (nằm giữa) và dương (*Càn tượng*). – **mà cũng thối bước dừng chơn**: Tức là ẩn ý *đur thoát phúc* (xe bị bỏ xó).

<sup>(78)</sup> **tháo trục gác xe** (*removing two axles and leaving a carriage unused*): Nhắc lại ý *đur thoát phúc* trong hào từ.

<sup>(79)</sup> **tứ âm mà súc sơ dương**: Hào lục tứ (âm) ứng hào sơ cửu (dương) nên cản trở sơ cửu.

<sup>(80)</sup> **Đồng ngưu chi cốt** 童牛之牯 (*a young bull with a piece of wood over its horns*): Là lời hào lục tứ, nghĩa là trâu non bị gông sừng. (Trước khi trâu lớn, đóng gông hai sừng để nó không húc càn, gây họa.) Khi giảng hào này, các học giả thường nói rằng muốn ngăn cái ác, phải ra tay khi nó chưa phát tác. Nhưng trong bài thánh giáo này, phải chăng là lời ngậm ngùi cảm thương cho người quân tử (sơ cửu), họ chưa kịp thi thố chí hết thì đã bị nghịch cảnh (lục tứ) sớm ngăn chặn từ trong trứng nước.

<sup>(81)</sup> **lục ngũ súc cửu nhị** 六五縮九二 (*the fifth six withdraws the second nine*): Hào năm âm ứng với hào hai dương và cản trở hào hai.

<sup>(82)</sup> Hào lục ngũ bản chất là âm (tiểu nhân), ở vị trí thứ năm (quân vương). Ở đây hiểu rộng ra là cường quyền cai trị, độc tài bạo ngược dữ dằn như hùm beo, lang sói. Vì vậy, Đức Tiếp Văn Pháp Quân than rằng *tàn bạo như vật có vuốt, có nanh*. Độc tới chỗ này,

pháp đâu còn, vì vậy mà nói: *Phần thi chi nha, cát*.<sup>(83)</sup>

Các hiền tu nên học quẻ này để xét xử hơn tình, an mạng thính Thiên.<sup>(84)</sup> Quẻ này âm súc dương,<sup>(85)</sup> tức là tiểu hơn cầm quyền quân tử.<sup>(86)</sup> Nên hào cửu tam, thượng cửu lại tương đồng tương đắc, hòa nhau mà tiến, lo cho mỗi Đạo đại hành.<sup>(87)</sup>

Ba quẻ này nên đem ra học tập.<sup>(88)</sup>

Xin chào quý liệt đảng chư hướng đạo, chư tu sĩ.

---

không khỏi chạnh nhớ hồi năm 1934, khi một nhóm nhỏ thanh thiếu niên (Tứ Linh Đồng Tử) chân ướt chân ráo về Trung Kỳ truyền đạo liền bị cường quyền (thực dân Pháp và quan lại triều Nguyễn) thẳng tay đàn áp, bắt bớ, vì họ quyết dập tắt nền Đạo ngay từ lúc mới vừa manh nha chút mầm non còn mỏng yếu.

<sup>(83)</sup> **Phần thi chi nha, cát** 豮豕之牙, 吉 (*a gelded boar's tusks, good*): Nhanh heo thiến thì tốt. Đây là hào từ của lục ngũ. Ý nói heo thiến rồi thì không còn hung hãn, nên có nanh cũng không nguy hại. Đây là cách ngăn ngừa cái ác, quét sạch (*tảo trừ* 掃除: *sweeping away*) độc hại trước khi nó xảy ra.

<sup>(84)</sup> **an mạng thính Thiên** 安命聽天: Nghe theo Trời mà an phận.

<sup>(85)</sup> **âm súc dương**: Xem lại chú thích (74).

<sup>(86)</sup> **tiểu hơn cầm quyền quân tử**: Xem chú thích (82).

<sup>(87)</sup> Tượng từ của thượng cửu nói: *Hà Thiên chi cù. Đạo đại hành dã. 何天之衢. 道大行也.* (*How great is the Heaven's way! Carry it out on a grand scale.*): Đường Trời rộng mở thênh thang. Hãy ra sức thi hành Đạo Trời khắp chốn. Lúc này người quân tử không còn bị cản trở (cửu tam ứng thượng cửu: *tương đồng tương đắc, hòa nhau mà tiến*); vậy thì đem hết công phu tu học, hàm dưỡng bấy lâu ra thi thố, hoằng hóa Đạo Trời cho phỉ chí tang bồng.

<sup>(88)</sup> Mượn câu này tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo.

## 19. NẾU TUỔI XUÂN ƯNG NẾM MÙI ĐỜI, ĐỪNG ĐEO LÒNG LÀM TIÊN LÀM PHẬT

*Tu xá Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam)  
ngày 10-9 Canh Tý (Thứ Bảy 29-10-1960)*

THI

*TRỊNH trọng xin thưa quý đạo tràng*

*THỊ thành lui bước lánh bi quan*

*THANH bần chiều sớm vui mùi đạo*

*Mừng thấy hồng ân, thấy nhẹ nhàng.*

Được lệnh Từ Tôn Phật Mẫu, Hộ Pháp Bảo Nương, tộ muội kính cẩn chào mừng quý liệt vị Thiên ân, chào quý đạo tử và chị em thân mến.

Từ khi tách bước đường đời về châu Phật Mẫu, được hồng ân hộ khắp đàn trung, nhìn lại chị em lúc nọ mà buồn buồn cho phận liễu bồ.<sup>(1)</sup> Chị em ta dù được quyền pháp sớm chớ

---

(1) **liễu bồ** 柳蒲: **Bồ** (*various monocotyledonous flowering plants including Acorus calamus and Typha orientalis*) là cây cói, lác (dùng làm chiếu, giỏ, quạt...). – **Liễu** (*willow*) là loại cây có cành dài và thanh mảnh, lá mềm yếu buông rủ xuống. – **Liễu bồ, bồ liễu** (*women, as compared to slender and weakly willow*) tức là phụ nữ (vì phần đông họ mảnh mai, yếu ớt như cây bồ, cây liễu).

che cũng chưa thoát thường tình nhi nữ.<sup>(2)</sup> Dù được duyên chung trong lẽ sống hồi sinh mà lòng giác ngộ chưa mấy người dứt xong nợ thế. Nếu bây giờ chị em ta còn trừ trừ dụ dụ, thì nước ngược khó quày. Một thuở hồng ân chẳng gắng, muôn đời ân hận, lằm than.<sup>(3)</sup>

Chị em ôi! Lúc ta chưa tu đâu thấy nhọc nhằn. Mặc tình buông lái thả chèo, trôi theo dòng nước chảy xuôi, coi cách nhẹ nhàng phoi phới. Đến khi ngó lại bến cũ xa mù, mới trở quày thuyền lại. Trở quày thuyền lại thì gặp phải nước ngược gió nà.<sup>(4)</sup> Chị em ta cố gắng, cố gắng quá nhiều; nhưng vì đi ngược nên thấy quá chùng lâu lắc. Lâu mặc kệ lâu, lòng ta đã quyết. Có quyết mới thành công. Có mệt nhọc vì xé nước rạch chằm<sup>(5)</sup> mới mong trèo qua gành thác.

Chị em ôi! Ta đã buông xuôi thuyền lòng, trôi xuôi theo dòng đời quá sức xa rời, nên khi quày trở lại phải chịu lắm ngày khó nhọc. Bây giờ ta phải gắng lên, gắng lên thêm nữa cho nhiều. Nếu lười nhác để liễu, còn trụt lùi cho tới âm ty mù mịt.

Tộ muội đây số kiếp có chùng, nên bước tu có ít, công trình tu học chẳng bao nhiêu. Bao phen quỳ dưới Diêu Tòa, tộ muội xin xuống trần gian bồi đắp lấy công phu, công quả;

---

(2) **thường tình** 常情 (*common feeling*): Tình cảm thông thường ai cũng có. – **nhi nữ** 兒女 (*females*): Phụ nữ. – **thường tình nhi nữ** (*nhi nữ thường tình* 兒女常情: *common feeling of females*): Tình cảm thông thường mà phụ nữ nào cũng có.

(3) **lằm than** (*miserable, wretched*): Vất vả, cơ cực, khổ sở.

(4) **gió nà** (*strong wind*): [cổ] Gió mạnh.

(5) **chằm** (*trạch* 澤: *pool*): Đầm nước.

nhưng Mẹ Từ Tôn e sợ buổi thế mǎn,<sup>(6)</sup> nghiệt quả <sup>(7)</sup> nhiều, nếu một bước hớ hênh khó mong ngày trở lại, nên lòng tề muội đây nửa quyết nửa không. Quyết, là vì nghĩ uổng một dịp hồng ân mở đường giáo hóa. Dịp này nếu tu ắt được đứng trong cửu phẩm liên đài.<sup>(8)</sup> Không, là vì sợ mang lấy xác phàm, tình thức đa đoan <sup>(9)</sup> phải sa đắm, hồn chôn trong ngũ trước <sup>(10)</sup> thì bao giờ trở lại vị cũ <sup>(11)</sup> quê xưa. Nên tề muội

---

<sup>(6)</sup> **thế mǎn** 世滿 (*the world ends*): Đòi tàn, thế tận 世盡.

<sup>(7)</sup> **niệt quả** 孽果 (*evil retribution*): Quả báo xấu do đã gây tội lỗi.

<sup>(8)</sup> **cửu phẩm liên đài** 九品蓮臺 (*the nine grades of the lotus seat*): Người đắc đạo khi về cõi trời tùy theo công đức tu hành mà được hưởng ngôi vị (*liên đài*) tương xứng. Ngôi vị chia ba hạng (*thượng, trung, hạ*); hạng thượng chia ra *thượng thượng, thượng trung, thượng hạ* 上上, 上中, 上下 (*upper superior, middle superior, lower superior*); hạng trung chia ra *trung thượng, trung trung, trung hạ* 中上, 中中, 中下 (*upper intermediate, middle intermediate, lower intermediate*); hạng hạ chia ra *hạ thượng, hạ trung, hạ hạ* 下上, 下中, 下下 (*upper inferior, middle inferior, lower inferior*); như vậy tổng cộng có chín phẩm bậc. **Ghi chú**: Thật ra chưa tìm thấy thánh giáo giải thích thuật ngữ *chín phẩm liên đài*. Trên đây là phỏng theo cách giải thích *cửu phẩm liên đài* trong Phật Giáo (Tịnh Độ Tông 淨土宗: *the Pure-Land Sect*).

<sup>(9)</sup> **đa đoan** 多端 (*manifold, multifold; fig., intricate*): Nhiều mối; nghĩa rộng là rắc rối, phức tạp.

<sup>(10)</sup> **ngũ trước** 五濁 (*the five impurities, namely the impurity of kalpa, the impurity of views, the impurity by evil passions, the impurity of sentient beings, the impurity of life*): Năm thứ ô trước (dơ bẩn) con người phải chịu: 1/ *Kiếp trước* 劫濁: Dịch bệnh nổi lên, nạn đói xảy ra, chiến tranh lan tràn; 2/ *Kiến trước* 見濁: Tà kiến thịnh hành; 3/ *Phiền não trước* 煩惱濁: Con người nuôi nhiều tham dục, tâm hồn phiền não; 4/ *Chúng sanh trước*

nương sức oai thần, dùng điển lực vô vi để hộ phò chư tu sĩ, ít nhiều cũng được chút công.

Tề muội thấy hữu hạnh nhưt là chị em có đủ các tiện nghi giải thoát, thế mà chị em còn trông đó ngó đây. Chừng đến khi hoàn cảnh đổi thay, trào lưu xoay ngược, thì một thân nô lệ cho muôn người, không khéo rồi phạm đến luật hình, phải chịu trong vòng tên bay đạn lạc. Vậy phải gắng cho nhiều.

Nay tình chị em, không có gì để gọi chút nghĩa tri âm, nên xin có mấy lời tặng dâng để kỷ niệm.

Xin cảm tạ lòng từ bi dịu dặt của chư đại đức cao huynh. Chơn thành kính viếng quý chú, quý cô và quê hương họ đạo.

Thôi chư đạo tâm đón chị Bảo Thọ Thánh Nương.

Tề muội xuất cơ chào dạy.

#### TIẾP ĐIỂN

Chào chư Thiên ân đại đức, chư đạo tâm hiền nữ.

#### THI

*BẢO* bảo khuyên nhau đã lẫm rồi  
*THỌ* trì pháp đạo chớ buông trôi  
*THÁNH* phàm bởi tại nơi mình chọn  
*NƯỞNG* ở hồng ân mới vững ngồi.

Cười... Quý chị em biết nói gì đó không? Hôm nay chị em

---

眾生濁: Con người vô đạo đức, không sợ quả báo; 5/ *Mệnh trước* 命濁: Con người chết sớm.

<sup>(11)</sup> **vị cũ** (cựu vị 舊位: *former position in heaven*): Ngôi vị cũ ở trên trời, trước khi xuống trần làm người.

có lòng nghĩ đến Bản Nương, cùng về chung vui trong ngày lễ kỷ niệm.<sup>(12)</sup> Bản Nương không có gì đáp lại thanh tình <sup>(13)</sup> quý báu kia, chỉ nguyện mãi mãi cho đến bao giờ cũng hộ phò con đường tu của chị em tận khi được trở về với Mẹ.

Chị em ôi! Cơ khảo thí quá tinh vi. Một lần làm cho lòng ta ngẩn ngơ, ngao ngán sự quá khó khăn. Khó khăn này sức người không giải quyết được thì rồi nhiều lần nữa mới liệu làm sao?

Ôi! Nó quá tinh vi tế nhị, ẩn hiện phi thường. Nếu chị em thiếu dạ kính thành, thiếu lòng thanh tịnh, nó có thể đẩy hất chị em ra ngoài quyền pháp. Bởi vậy mà lòng Bản Nương cứ mãi phập phồng từ phút từ giây.<sup>(14)</sup> Chị em không đủ sức chịu đựng khó khăn, đủ óc sáng suốt phân biệt hư nên thì một kiếp dở dang. Ôi thôi, mấy đời gặp lại!

Lòng Bản Nương tuy đã dứt mối tư tâm, ra ngoài phải trái, mà lắm lúc cũng thiếu bình tĩnh đứng vững trước cơ đạo ngửa nghiêng. Trong khi khảo thí, chị em còn vui đây vui đó, đặt nhẹ lòng tu, chưa thấy cái khổ trông đến nay mai, mà cứ vọng ước việc đâu đâu ngoài phần giải thoát. Chị em còn mơ còn luyến, làm sao bước đạo nhẹ nhàng? **Nếu tuổi xuân ửng nếm mùi đời, thì đừng đeo lòng làm Tiên làm Phật.**<sup>(15)</sup> Mà

---

(12) Đức Bảo Thọ Thánh Nương thế danh Trần Doãn Cơ sinh năm Nhâm Tý (1912), vì bệnh nên quy thiên ngày 09-9 Giáp Thân (Thứ Tư 25-10-1944), hưởng dương ba mươi hai tuổi. Đàn cơ này lập ngày 10-9 Canh Tý (Thứ Bảy 29-10-1960).

(13) **thanh tình, thịnh tình** 盛情 (*great kindness*): Tắm lòng rất tử tế.

(14) **từ phút từ giây**: Từng phút từng giây.

(15) Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

hể tu, thì quyết từ đây đoạn hết ái ân danh lợi cho rồi. Lòng có được trống không vắng lặng thì mới cùng Tào Hóa đồng thân,<sup>(16)</sup> mới thấy màu nhiệm giải thoát.

Vậy Bản Nương khuyên chị em phải dọn sạch lòng mình. Lòng mình dọn sạch thì muôn tật đều không. Đâu còn sợ được sợ thua, thân không lành mạnh.

Hôm nay Bản Nương lấy tư cách người bạn nói cùng chị em. Nếu chị em chẳng giữ đúng pháp quyền, lơ là công phu tu học thì Phước Huệ Đàn thâm lại, chức Bảo Thọ xin về. Đừng nói quyền uy quá lẽ.<sup>(17)</sup> Hể tu, trên hết là Tôn Sư, ngoài ra là công phu, công quả. Không có hai thầy.<sup>(18)</sup> Nếu muốn có đó có đây thì quyền pháp lẽ đâu không minh định.<sup>(19)</sup> Vậy từ nay, mọi việc thanh tịnh, giữ dạ hy sinh, chờ Tôn Sư phán định.

Việc cơ sở cũng chuẩn bị một nơi nào vừa thánh ý vừa nhơn tâm mới tụ được pháp quyền mà an xử. Vì ngày giờ tai biến xảy ra, chừ chị em thiếu đức, thiếu quyền phải nương cậy hồng oai <sup>(20)</sup> che chở. Mọi việc chờ đông chí mới quyết định cho tổ chức. Chị em nương cậy Hội Thánh, nương ở quyền pháp mà tu. Ma có khảo, đạo mới thành.<sup>(21)</sup> Khảo có

---

(16) **đồng thân** 同身 (*of the same body*): Cùng một thể với Tào Hóa.

(17) **quá lẽ**: Quá lắm, quá mức, quá đáng.

(18) **Không có hai thầy** (*There are no two masters*): Câu này chẳng khác lời Chúa Giê-su dạy: *Không ai có thể làm tôi hai chủ. / No one can serve two masters.* (Mát-thêu 6:24)

(19) **minh định** 明定 (*clarifying*): Xác định rõ.

(20) **hồng oai, hồng uy** 洪威 (*great power; fig., Heaven's power*): Oai quyền lớn; nghĩa bóng là oai quyền của Trời.

(21) Có câu: *Vô ma khảo bất thành đại đạo.* 無魔考不成大道.

lắm, có Bản Nương chia san <sup>(22)</sup> khó nhọc.

Hôm nay không phải đàn nữ phái, nên về việc an trấn pháp quyền phải chờ một kỳ khác. Bản Nương chỉ mong chư lễ sanh làm hết bốn phận mình, giúp đỡ chị em trong họ đạo một hướng tu hành. Phần yếu trọng cho bản thân là năng cúng sám, công phu, để lòng thanh tịnh.

Về Nữ Đoàn,<sup>(23)</sup> đầu đó chị em toan liệu cùng lo. Đã đặt mình trong giải thoát chớ có hẹp chật riêng tư, mà phải hòa đồng sức sống, chung tay xây đắp Nữ Đoàn. Trì pháp luyện châu tịnh lự mỗi ngày một giờ để lòng mình tươi sống. Mọi việc nói chung phải ước giản,<sup>(24)</sup> kiệm cần. Bớt qua lại, phải không.<sup>(25)</sup> Đoạn duyên giản sự để cầu thanh tịnh vô vi. Ăn mặc giữ bình thường. Đừng quá khắc khổ hành thân, mà cũng đừng quá lo bề cung phụng. Ráng tu! Chỉ có tu là hơn cả. Tu mới cứu được sự mạng, mới mong có cơ chỉ <sup>(26)</sup> thành hình, mới thấy một ngày vui đẹp, mới an thân trong lò lửa nguyên tử bùng cháy, mới vững bước đường đời, khỏi sợ ma kéo nghiệp gậy, mới chứng thanh tịnh vô vi. Trong tay đủ quyền đủ pháp, ngày thành Tiên Phật chẳng lâu. Nếu lười nhác, lơ là thì họa đến thân không chỗ tránh.

Thôi, xin chào quý liệt vị, chư đạo tâm. Xin hẹn có ngày sẽ bàn thêm nhiều việc. Xin chào. Thắng.

<sup>(22)</sup> **chia san** (*sharing*): Chia sót, san sẻ.

<sup>(23)</sup> Nữ Đoàn Giải Thoát.

<sup>(24)</sup> **ước giản** (*giản ước 簡約*): Thu xếp cho gọn bớt, khỏi bận bịu.

<sup>(25)</sup> **phải không**: *Thị phi 是非*, khen chê bàn luận.

<sup>(26)</sup> **cơ chỉ** *基趾 (basis, foundation)*: Nền móng, căn bản.

## 20. MỖI MỖI HÀNH ĐỘNG PHẢI ĐƯỢC TOÀN BỘ ĐỒNG Ý, NHỨT TRÍ

*Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 29-9 Canh Tý (Thứ Năm 17-11-1960)*

THI

*TRẦN triều Tam Giáo thuyết đồng nguyên <sup>(1)</sup>  
TỔNG hiệp toàn dân giữ mối giềng  
LÝ sự phân minh yêu quốc thổ <sup>(2)</sup>  
GIÁNG ân bố đức diệt quân Nguyên.*

Bản Thánh chào chư liệt Thiên ân.

Giờ này để lòng ưu ái quyền pháp an toàn Giáo Hội, Bản Thánh đến cho biết một vài sở do <sup>(3)</sup> để chư Thiên ân toan liệu. Chư vị an tọa.

Không lúc nào khó khăn bằng lúc này cả. **Mỗi mỗi hành động phải được toàn bộ đồng ý, nhứt trí**,<sup>(4)</sup> thì khó khăn nào cũng trở thành an ổn. Nói về nhơn sự, mọi việc đã định

<sup>(1)</sup> Câu này có nghĩa: Thuyết Tam Giáo đồng nguyên dưới triều nhà Trần. Xem *Phụ Đính 1* cuối bài thánh giáo này.

<sup>(2)</sup> **quốc thổ** 國土 (*country's territory*): Lãnh thổ quốc gia.

<sup>(3)</sup> **sở do** 所由 (*reason, cause*): Nguyên do 原由, lý do 理由, duyên do 緣由.

<sup>(4)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

rồi thì thánh ý cũng chấp chuẩn để tôn trọng quyền pháp Hội Thánh hữu hình. Nhưng xét ra có một vài trở ngại. Nếu hoàn cảnh cho phép và do sự cố gắng của các hiền, may được thành công là điều tốt.

(...)

Về đối nội, lúc này nên làm cho nhau có một chủ trương rộng rãi đứng trên một lập trường duy nhất. Cũng như chỉ huy một đoàn quân, tướng tốt<sup>(5)</sup> phải theo mệnh lệnh chủ soái, nhắm vào tiếng trống mà đi, tiếng chiêng mà về, ngọ ngọn cờ mà lui tới thì vạn như không thành công. Nếu lập thuyết vững và hàng ngũ chặt chẽ thì đứng trong cảnh nào cũng yên ổn cả. Rồi phần mình, lo phần bạn. Phải liên kết các chi nhánh trong nội bộ để cùng một sứ mạng hoằng pháp độ sanh. Điều này rất nên trọng hệ. Dù muốn dù không, hoàn cảnh buộc phải đến đó.

Về đối ngoại, không đương đầu một việc gì gây hư tể, hoặc xung phong chịu nhận một phần việc chi mà chung quanh mình chưa có ý kiến, thì được lòng nhau, mà danh nghĩa cũng tỏ rạng. Nghĩa là không cùng với ai, nhưng cả thấy đều cùng thì ta cũng phải cùng, mặc dù điều ấy xa lẽ thật.

Thôi, bao nhiêu việc coi đó mà làm. Thời thế xoay đổi thế nào? Tề nhưt biến; Lỗ nhưt biến.<sup>(6)</sup> Tề tam biến chưa thành, Lỗ nhưt biến đạt đạo.<sup>(7)</sup> Hiểu nhỉ? Nghĩa là thời cuộc đi tới, Giáo Hội ta cũng vẫn lành mạnh, mà lành mạnh hơn nữa. Việc

---

<sup>(5)</sup> **tốt** 卒 (*soldier*): Binh lính.

<sup>(6)</sup> Xem *Phụ Đính 2* cuối bài thánh giáo này.

<sup>(7)</sup> Lỗ một lần cải cách thì đạt tới nước theo vương đạo; Tề ba lần cải cách cũng chưa thành nước theo vương đạo.

lợi bất khả độc,<sup>(8)</sup> mưu bất khả cộng.<sup>(9)</sup> Mặc dù trong hàng Thiên ân, nhưng bậc tu mỗi người chứng một cách.<sup>(10)</sup> Các hiền đã cảm thông sự biến của Tề và Lỗ chẳng?

Mỗi lần biến của nước Tề mới tiến qua một giai đoạn; một lần biến của nước Lỗ đã vượt mức thời gian. Nghĩa là nước Lỗ là nước đã chịu nhiều giáo dục,<sup>(11)</sup> cũng như bên ngoài và bên trong của ta vậy.

(...)

Thôi, Bản Thánh kiếu.

## PHỤ ĐÍNH 1: Tam Giáo đồng nguyên dưới triều Trần

Vua Trần Thái Tông (trị vì 1226-1258) tên thật là Trần Cảnh, quê làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường (huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định sau này). Tác phẩm có: *Kiến Trung Thường Lễ, Quốc Triều Thông Chế, Khóa Hư Lục, Thiền Tông Chỉ Nam...*

---

<sup>(8)</sup> **lợi bất khả độc** 利不可獨 (*An advantage cannot be enjoyed alone*): Điều lợi không thể hưởng riêng mình.

<sup>(9)</sup> **mưu bất khả cộng** 謀不可共 (*A plan cannot be made by many people*): Khi mưu sự không thể bàn bạc với số đông người để khỏi lộ kế hoạch.

<sup>(10)</sup> Ý nói trình độ và tâm đạo so le nhau, lỡ người còn non kém mà lại biết việc quan trọng có thể tiết lộ hết kế hoạch thì hỏng bét.

<sup>(11)</sup> Nước Lỗ được thấm nhuần giáo hóa, còn trọng đạo đức, tín nghĩa, nên hễ cải cách thì mau chóng tiến xa hơn nước Tề vốn chưa được giáo hóa nhiều như Lỗ.

Khi viết bài *Tựa cho Thiền Tông Chỉ Nam*, vua ám chỉ rằng trách nhiệm độ đời của Phật hay Nho vẫn là một: *Lục Tổ có nói: “Bậc đại thánh và bậc đại sư đời trước không khác gì nhau.” Như thế đủ biết giáo lý của Đức Phật ta lại phải nhờ Tiên Thánh mà truyền lại cho đời.*

Trong bài *Phổ Khuyển Phát Bồ Đề Tâm*, vua viết: *Vị minh nhân vọng phân Tam Giáo / Liễu đắc để đồng ngộ nhất tâm. 未明人妄分三教 / 了得底同悟一心.* (Chưa ngộ, người làm phân Tam Giáo / Rõ gốc rồi cùng ngộ một tâm.)

Trong bài *Tọa Thiền Luận*, vua nêu rõ sự tương đồng của Tam Giáo về pháp môn tu luyện như sau: *Thích Ca Văn Phật vào núi Tuyết Sơn [Himalayas: Hy Mã Lạp Sơn], ngồi ngay ngắn trong sáu năm, chim bồ các [chim thước hay chim khách (?)] làm tổ trên đầu, cỏ mọc xuyên qua bắp vế mà thân tâm vẫn bình thản. Tử Kỳ [Đạo Gia, tức Nam Quách Tử Kỳ trong Trang Tử Nam Hoa Kinh] ngồi tựa ghế, thân như cây khô, lòng như tro nguội. Nhan Hồi [Nho Gia] ngồi quên, chân tay rời rã, thông minh đẹp bỏ, lìa xa cả trí cả ngu để hòa chung với Đạo lớn. Ba bậc thánh hiền của Tam Giáo đời xưa đó đều nhờ ngồi định mà có thành tựu.*

Trong bài *Giới Sát Sinh Văn*, vua nêu lên chỗ tương đồng của Tam Giáo về mặt hành thiện: *Sách Nho dạy làm điều nhân đức, kinh Lão dạy thương yêu người và vật, Phật chủ trương hãy giữ gìn giới cấm sát sinh...* <sup>(12)</sup>

---

<sup>(12)</sup> Huệ Khải, *Tam Giáo Việt Nam – Tiền Đề Tư Tưởng Mở Đạo Cao Đài / The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaiism*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2013, tr. 68-69.

## PHỤ ĐÍNH 2: Tề nhứt biến; Lỗ nhứt biến.

Câu *Tề nhứt biến; Lỗ nhứt biến* <sup>(13)</sup> là nói tắt một câu của Đức Khổng Tử, chép trong *Luận Ngữ* (6:24). Nguyên văn: *Tề nhứt biến, chí ư Lỗ; Lỗ nhứt biến, chí ư đạo. 齊一變, 至於魯; 魯一變, 至於道. Qi, by one change, would come to the state of Lu; Lu, by one change, would come to a state where true principles predominated.* – Nước Tề cải cách một bậc thì đạt tới trình độ nước Lỗ; nước Lỗ cải cách một bậc thì đạt được trình độ đất nước theo vương đạo 王道 (*the way of the king*).

Qua đời trước Đức Khổng Tử 164 năm, Tề Hoàn Công 齊桓公 (715-643 trước Công Nguyên) cai trị nước Tề theo bá đạo 霸道 (*the way of the hegemon*) nên Tề sớm cường thịnh mà phương diện giáo hóa kém suy. Nước Lỗ tuy yếu hơn Tề, nhưng còn trọng lễ giáo và tín nghĩa; nếu cải cách một bậc thì sẽ tiến rất xa và nhanh hơn Tề. Do đó, Đức Trần Tông Lý nói thêm: *Tề tam biến chưa thành, Lỗ nhứt biến đạt đạo. 齊三變未成; 魯一變達道.* (Lỗ một lần cải cách thì đạt tới nước theo vương đạo; Tề ba lần cải cách cũng chưa thành nước theo vương đạo.)

---

<sup>(13)</sup> *Biến* có nghĩa là cải cách chính trị; cho nên khi Vương An Thạch 王安石 (1021-1086) làm tể tướng (như thủ tướng ngày nay), tiến hành cải cách chính trị nhà Tống thì đường lối cải cách đó được gọi là *biến pháp* 變法 (*political reform*).

## 21. LÒNG TA NHƯ NƯỚC TỊNH BÌNH

*Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 15-10 Canh Tý (Thứ Bảy 03-12-1960)*

### THI

*NGŨ Đạo suốt thông giữ một màu  
ĐẠI đồng nhân loại gốc yêu nhau  
TIẾN phàm chỉ khác thanh và trược  
GIÁNG giáng thẳng thẳng để biết nào.*

Bần Đạo chào chư liệt Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.

Hôm nay, ngày hạ nguơn thánh đán, Bần Đạo vui mừng được trông thấy chư chức sắc lớn trong Hội Thánh về đủ mặt, dự lễ kỷ niệm Khai Đạo tam thập tứ chu niên.

Ngày huy hoàng trên lịch sử hòa nhất của cơ màu nhiệm, toàn đạo đã dọn mình dâng khối nhiệt thành để đón hồng ân. Điều đó là một cửa lễ.<sup>(1)</sup> Cửa lễ ấy cũng còn thiếu phần tinh túy của nó, sao được trở nên long trọng. Quý là hòa. Nội bộ hòa nhau là dâng lên cho Thầy một cửa lễ long trọng vậy.

Ngày nào Bần Đạo được trông thấy món lễ lớn đó thì chánh pháp này có tiếc gì mà Bần Đạo chẳng giao cho hết để cứu người độ mình, sớm chung trong ngôi thánh tịnh.

---

<sup>(1)</sup> **cửa lễ** (tế phẩm 祭品: offerings): Lễ phẩm, những thức dâng lên các Đấng thiêng liêng. Cửa lễ là thuật ngữ gốc ở đạo Chúa.

Chư hiền Thiên ân và đạo tâm an tọa.

### BÀI

*Lòng ta như nước tịnh bình<sup>(2)</sup>  
Để tay xây đắp khối tình bao la.  
Quý là hòa, hòa là đạo lớn<sup>(3)</sup>  
Giữa nội tình chớ gợn,<sup>(4)</sup> chớ chinh<sup>(5)</sup>  
Mới mong thấy được hòa bình  
Hòa bình thế giới gốc mình biết tu.  
Làm sao được cho phu<sup>(6)</sup> lòng đạo  
Lòng đạo càng thuận thảo, đồng thân<sup>(7)</sup>  
Hôm nay nội bộ phân vân<sup>(8)</sup>  
Làm sao đương nhiệm lấy phần trung hưng.  
Phần trung hưng như chùng nghiêng đổ  
Nghiêng đổ rồi thẹn hổ về đầu  
Sao ta chưa thấy nhiệm màu  
Gọi lòng trong trắng mà cầu huyền cơ.<sup>(9)</sup>  
Thời tiết xoay ai ngờ mà đón  
Sớm mà lo rút gọn chương trình*

---

<sup>(2)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(3)</sup> **đạo lớn** (great principle): Nguyên lý to tát.

<sup>(4)</sup> **gợn** (rippled, uncalm): Không phẳng lặng, mất yên tĩnh.

<sup>(5)</sup> **chinh** (unbalanced, uneven): Nghiêng, lệch.

<sup>(6)</sup> **phu** (satisfying): Thỏa lòng, vừa lòng.

<sup>(7)</sup> **đồng thân** 同親 (intimate): Thân thiết, gần gũi nhau.

<sup>(8)</sup> **phân vân**: Hiểu là phân rẽ, chia tách (separated, parted).

<sup>(9)</sup> **huyền cơ** 玄機 (mysterious principles): Cơ màu, những nguyên lý màu nhiệm. Đồng nghĩa Thiên ý 天意, Thiên cơ 天機.



Dầu sao cũng cứu được mình  
 Phần mình bị hỏng, nhân sinh hết nhờ.  
 Nay Bần Đạo chỉ sơ đôi việc  
 Giữa nội tình tha thiết mà tu  
 Ngọn đèn chân lý đương lu  
 Khêu cao ánh sáng đầu đầu trông về.  
 Cho gần xa đề huề một cửa  
 Cho trong ngoài cùng tựa cùng nương  
 Được trông nhỏ lớn chung đường  
 Độ mình cứu chúng bình thường mức tu.  
 Tu gốc ở công phu <sup>(10)</sup> nhẫn nhục  
 Tu gốc lòng gạn đục tìm trong  
 Tu sao ai nấy được lành  
 Tu cho thiên hạ thái bình ấm no.  
 Tu lúc khảo gay go, cố gắng  
 Giữa lòng mình yên lặng mới thành  
 Cùng nhau bảo vệ thân danh  
 Thân danh của Đạo cho lành cho thơm.  
 Còn chẳng mấy nhiều hơn lắm đấy  
 Thì các hiền cũng thấy cũng tường  
 Lòng Thầy trang trải tình thương  
 Mong chờ các đệ biết nhường biết lo.  
 Lo mà thấy gay go, đình đãi <sup>(11)</sup>

Chờ ngày nào để dãi sẽ làm  
 Một thân việc lớn đầu kham  
 Dầu mà kham nổi há làm riêng tư.  
 Riêng tư ắt phải hư phải trách  
 Riêng tư nào đúng cách đúng đường  
 Xuống trần chỉ một tình thương  
 Dem thương mà lấp muôn đường chông chênh.  
 Thầy thương cả quần linh <sup>(12)</sup> một khối  
 Phế Ngọc Kinh dẫn lối cứu đời  
 Bao la rộng lớn lòng Trời  
 Dem người về một, lập đời trang nghiêm.  
 Khắp thế gian một niềm hòa ái  
 Đầu đầu đều đầy rẫy tình thương  
 Cổ kim Âu Á một đường  
 Chân truyền chánh pháp có nhường thua ai.  
 Chánh pháp của Cao Đài hòa nhất  
 Gốc đại đồng lẽ thật mở mang  
 Chư Nho là kẻ dẫn đường  
 Chư hiền là kẻ vào hàng Thiên phong.  
 Phải làm gương cho dân cho nước  
 Phải làm người đã được Thánh Thần  
 Lờ ra, ý nghĩ so cân  
 Để trong Giáo Hội thêm phần uy nghiêm.  
 (...)

Vậy Bần Đạo chào liệt quý Thiên ân và nam nữ đàn tràng.

<sup>(10)</sup> **công phu** 功夫, 工夫 (*skill and long-time effort*): Sự khéo léo và công sức khó nhọc trong thời gian dài. Đồng nghĩa *công trình* 功程, 工程.

<sup>(11)</sup> **đình đãi** (*inactive, stagnant*): Ngưng trệ, không tiến triển.

<sup>(12)</sup> **quần linh** 群靈: Đồng nghĩa *quần sinh* 群生, *chúng sinh* 眾生.

## 22. HÒA CÙNG NHAU ĐỂ LÀM TÒA NGỰ

Trung Hưng Bừu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 18-11 Canh Tý (Thứ Tư 04-01-1961)

Chào chư Thiên ân phận sự.

THI

LÝ nào Hội Thánh phụ lòng Ta  
THÁI độ Thiên ân giữ chữ hòa  
BẠCH hắc cũng đừng đòi hỏi biết<sup>(1)</sup>  
GIÁNG khuyên ai nấy hướng về Cha.

Giờ này, Bần Đạo thể lòng<sup>(2)</sup> chư Thánh Thiên Đờ, trở về ngự tọa nơi này để được an bài, dẫn dắt toàn đạo đương hồi khảo thí mà phần đông chư Thiên mạng chịu quyền pháp đương nhiệm công vụ trung hưng.

Lòng một khi thiếu bình tĩnh có thể để làm cho ý tình dẫn đưa đến một nơi mờ mịt. Mờ mịt như lúc ban đêm, đến nỗi hai đàng gặp nhau mà còn nghi ngờ, xét từ câu chuyện, lời nói. Không làm như thế sao khỏi lầm lẫn kẻ bạn người thù. Vì đã không thấy được hình trạng mặt mày nhau mà chỉ nghe giọng nói. Nên Bần Đạo lấy làm thương, lấy làm lo. Lo một ngày gần đây ma quỷ đến nhiều loạn. Mặt trận thánh đức đã

(1) **Bạch hắc cũng đừng đòi hỏi biết:** Xem Phụ Đính cuối bài thánh giáo này.

(2) **thể lòng** (*depending on one's wish*): Tùy theo lòng, theo ý.

rời rạc thì phương<sup>(3)</sup> nào chiến thắng ma vương, lập lại hòa bình cho bốn biển.

Mặt trời mau mọc lên cho ánh sáng chói đến trần gian, vệt u mờ của đêm tối; để cho bạn tri kỷ gặp nhau, tay bắt mặt mừng, đem nỗi hàn huyên tâm sự<sup>(4)</sup> để cảm thông lòng trung trinh<sup>(5)</sup> mà từ lâu bị một vật gì ám ảnh.

Hôm nay, Bần Đạo đã đồng thể đồng tình cùng Hội Thánh, mong sự lập lại cảnh bình yên cho nội bộ, nhưng chắc chắn rằng sẽ bình yên bắt đầu từ giờ phút này trở đi, mặc dù nhiều người chưa tin được. Bần Đạo nói quyết<sup>(6)</sup> rằng sự bình yên đã đến cho nơi nào là nơi ấy được bình yên.

Bần Đạo cũng không phải tự giới thiệu mình là Đấng bình yên, nhưng Bần Đạo tự tin ở mình có quyền pháp của Cha Trời mền trao để đem lại sự bình yên cho bốn biển. Sự bình yên khi đã trở nên hữu hình thì chẳng những trong nội bộ Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được trọn hưởng, mà đầy rẫy trên thế gian đều được tươi vui cộng hưởng,<sup>(7)</sup> nhất là các nền Ngũ Chi Tam Giáo, hình thành một Hội Thánh duy nhất đại đồng.

(3) **phương** 方 (*method*): Phương cách.

(4) **hàn huyên** 寒暄 (*cold and warm; fig., sad and happy happenings in one's life*): Lạnh và ấm; nghĩa bóng là những chuyện buồn vui trong đời. – **tâm sự** (thổ lộ 吐露: *confiding a private matter*): Chia sẻ chuyện lòng.

(5) **trung trinh** 忠貞 (*loyal and dependable*): Trung thành, đáng tin cậy.

(6) **nói quyết** (*speaking decisively*): Nói dứt khoát, nói chắc chắn.

(7) **cộng hưởng** 共享 (*sharing, enjoying together*): Cùng nhau chung hưởng.

Sự bình yên đã trở nên hữu hình là một việc dễ bề cho bốn biển quy hồi cộng sự. Khó là khi sự bình yên này còn ẩn núp trong vô hình thì mấy người tin nghe, mấy người làm theo. Và nếu kẻ biết làm theo và thừa thuận sứ mạng thì phước đức vô cùng. Mà phước đức ấy Thầy lại dành riêng cho hàng Thiên ân Hội Thánh. Toàn đạo đã ngưỡng trông nơi Hội Thánh quyền pháp.

Bần Đạo để lời khuyên nên làm cho sự bình yên này trở nên hữu hiệu. Khi đã hữu hiệu thì sẽ đến cơ hữu hình. Mà cơ hữu hình có hiện được cũng ở trong cơ hữu hiệu mà phát sinh.

Từ lâu, sự bình yên này bị mất đi. (...) Mất đi là vì giữa nhau chống trái,<sup>(8)</sup> giữa nhau không tôn trọng quyền pháp đã gấn cho Hội Thánh, đã trao cho từng người Thiên ân. Bởi Thiên ân tự bỏ sự bình yên ở mình là quyền pháp, nên Thánh Linh<sup>(9)</sup> xa lánh.

Vậy hôm nay, Bần Đạo thể lòng từ bi<sup>(10)</sup> trọn hứa, nên an trụ tinh thần cho Hội Thánh để bề xây dựng.

Bần Đạo cũng chờ một ngày ổn định sẽ ban hành các đạo luật, các lời giáo hóa rao truyền sứ mạng trung hưng.

Bây giờ, dầu có nói cũng chưa thấm nhiễm được lòng các hiền. Bần Đạo chỉ đến làm lá bùa trấn tâm để cho ma quỷ bên ngoài không xâm nhập, bên trong chánh khí hồi sinh; để khử

---

<sup>(8)</sup> **chống trái** (*severely contradicting one another*): Kinh chống, trái nghịch nhau.

<sup>(9)</sup> **Thánh Linh** 聖靈 (*the Holy Spirit*): Thiên điển của Đức Chí Tôn.

<sup>(10)</sup> **thể lòng từ bi** (*because of mercy*): Vì lòng thương xót.

ám hồi minh<sup>(11)</sup> cho vạn dân trong cơn nước lửa.<sup>(12)</sup> Cơn nước lửa đã đến, sanh linh đương lo sợ phập phồng, sao ở đây các đệ còn vô tư<sup>(13)</sup> trên vấn đề chết sống của nhân loại.

Mau đi! Bình tĩnh đi! **Hòa cùng nhau để làm tòa ngự.**<sup>(14)</sup> Có tòa ngự rồi thì có Thầy. Có Thầy ngự nào có đáng sợ.

(...)

Việc làm cố gắng theo Tân Luật, Pháp Chánh Truyền. Phần nào nếu không thể áp dụng thì bất đắc dĩ sẽ cho phép [linh hoạt], như thành lập họ đạo, gả cưới.

Việc nội vụ, ngoại giao, mỗi khi có gì trở ngại thì đến cùng, Bần Đạo dạy cho.

Thôi, Bần Đạo để lời khuyên chung, cố gắng giữ còn danh nghĩa Giáo Hội, sứ mạng trung hưng.

Bần Đạo thăng.

---

<sup>(11)</sup> **khử ám hồi minh** 去暗回明 (*removing ignorance and restoring wisdom*): Trừ bỏ sự u tối, lấy lại sự sáng suốt.

<sup>(12)</sup> **cơn nước lửa** 水火 (*water and fire; fig., fatal dangers*): Những hiểm nguy chết người. Thành ngữ Anh nói tương tự: *going through fire and water*: 經過水火 *kinh quá thủy hỏa*. Trong Cựu Ước có câu (Thi Thiên 66:12): *Cơn nước lửa, chúng con từng gặp bao lần. . . / (Psalms) we went through fire and water. . . / (詩篇) 我們經過水火. . . ngã môn kinh quá thủy hỏa. . .*

<sup>(13)</sup> **vô tư** (*bất quan tâm, lãnh đạm 不關心, 冷淡: indifferent, unworried about*): Dửng dưng, không lo nghĩ tới, chẳng quan tâm.

<sup>(14)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

## PHỤ ĐÍNH: Bạch hắc cũng đừng đòi hỏi biết

Người đòi hay nói: *Hắc bạch phân minh* 黑白分明 (*clearly distinguishing the right from the wrong*); nghĩa là điều sai, việc xấu (*hắc*) và điều đúng, việc tốt (*bạch*) phải phân biệt cho tách bạch, rõ ràng, không được nhập nhằng. Tuy nhiên, lắm khi cách xử lý trong đạo lại khác hơn ngoài đời.

Trong lúc nội bộ Hội Thánh đang mâu thuẫn, Đức Lý giảng cơ nhưng không phân xử phải hay trái cho bên nào cả; thế nên Ngài dặn dò đừng ai đòi hỏi để biết rõ đen trắng ra sao: *Bạch hắc cũng đừng đòi hỏi biết*.

Tương tự như vậy, ngày 15-8 Canh Tuất (Thứ Ba 15-9-1970), trong một đàn cơ do bộ phận thông công của Hội Thánh Lâm Huyền Châu phối hợp với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam thiết lập tại thánh thất Tân Định (quận Nhứt, Sài Gòn), Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*Mẹ không quy đũa nào phải quấy  
Phải quấy đều cả thấy như nhau  
Khéo khôn là đũa cầm đầu  
Dây dùn khó đứt ngõ hầu mới nên.*

Hai cách xử lý giống nhau của Thiêng Liêng như dẫn trên khiến chúng ta suy nghĩ. Lấy trí phàm mà luận, phải chăng các Đấng có lý do sâu kín nên chỉ cốt giảng hòa các bên. Bên

nào sai đã có chư Thần ghi chép vào sổ sách hết rồi; sau này lỗi ai nấy chịu, đúng theo luật Trời chí công vô tư. Các Đấng từ bi, ẩn ác dương thiện,\* không để cho người có lỗi bị bẽ mặt trước đồng môn; cứ cho họ thêm cơ hội sám hối, chuộc lỗi, sửa sai.

Trong đàn cơ, nếu Ông Trên phán rằng bên Giáp đúng, biết đâu họ không khỏi đắc chí rồi từ đó sẽ bị chước quỷ cám dỗ tinh vi khiến cho sa chân vào lầm lỗi mà hư mất đường đạo.

Cũng thế, nếu Ông Trên phán rằng bên Ất sai, biết đâu họ không bằng lòng, rồi bởi tự ái, vì sĩ diện, họ có thể mang khẩu nghiệp khi tuyên bố rằng thánh giáo không chánh, bất minh, đàn cơ giả tạo. Thậm chí, họ có thể rời bỏ cộng đồng tôn giáo vốn đã nhiều năm dài gắn bó tu học. Lỡ xảy ra điều đáng tiếc như vậy thì họ cũng hư mất đường đạo.

Người môn đệ Cao Đài từng trải nghiệm qua nhiều lần hầu đàn cơ, gặp những khi nội bộ nảy sinh vấn đề không suôn sẻ, lại thấy Ông Trên luôn giảng hòa, luôn lấy thương yêu hàn gắn tình Linh Sơn cốt nhục giữa mọi người với nhau. *Quý là hòa, hòa là đạo lớn / Giữa nội tình chớ gợn, chớ chinh*. Đức Ngô Đại Tiên dạy khuyên như vậy (xem bài 21).

---

\* **Ẩn ác dương thiện** 隱惡揚善: Che giấu điều xấu của người mà nêu cao điều tốt của người. – **Ẩn ác nhi dương thiện** 隱惡而揚善: Giấu cái xấu ác mà phô bày cái tốt lành. (*Concealing what was bad in other people and displaying what was good in them.*) Đây là lời Đức Khổng Tử khen vua Thuấn trong *Trung Dung*, chương 6.

## CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

*Liên kết Nxb Tôn Giáo và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008.*

- 133-1. GÓP NHẶT LỜI QUÊ. Diêu Nguyên, 2020.  
132-1. DI LẠC CHƠN KINH SƠ GIẢI / Preliminary Explanation of Maitreya True Sutra, Huệ Khải, Lê Anh Minh, 2020.  
131-1. MINH ĐỨC KIM NGÔN. Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, 2020.  
130/1960. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM CANH TÝ. Huệ Khải chú thích, 2021.  
130/1959. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM KỶ HỢI. Huệ Khải chú thích, 2020.  
129-1. VIẾT TRƯỚC HIỀN NHÀ. Nguyễn Quốc Huân (thơ), 2020.  
128-1. NƠI NÀO THƯƠNG YẾU THÌ CÓ THẤY. Lev Tolstoy, Huệ Khải, 2019.  
127-1. CỐ NHỮNG MÙA SAO. Huệ Khải, 2019. / 126-1. NHƯ HOA NỞ MUỘN. Huệ Khải, 2019.  
125-1. PHÚC ẨM KẾ LẠI THEO R.F. WILSON. Huệ Khải, 2019.  
124-1. THÁNH THI TRÍCH LỤC. Diêu Nguyên, 2019.  
123-1. SƠ KHẢO THUẬT NGỮ ĐẠO CHỨA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI / A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism. Huệ Khải, 2019.  
122-1. VÚT MỘT ĐƯỜNG MÂY. Huệ Khải, 2018.  
121-1. TẮM LÒNG MỘT NGƯỜI THẤY. Huệ Khải, 2018.  
120-1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN. Diêu Nguyên, 2018.  
119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2018.  
118-1. ĐỌC LẠI CHUYỆN GIẢI BUỒN. Huệ Khải, 2018.  
117-1. SỰ NGHIỆP TRUNG HƯNG. Phạm Văn Liêm, 2018.  
116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Huệ Khải, 2018.  
115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.  
114-1. GỠ LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.  
113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / The Caodai Ideology. Huệ Khải, 2017.  
112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics. Huệ Khải, 2017.  
111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / The Psychology of Caodaists. Huệ Khải, 2017.  
110-2. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / Brief Glimpses into Caodaism. Huệ Khải, 2017, 2018.  
109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA. Lê Anh Minh, 2017.  
108-1. AI ĐO LÒNG BIỂN. Huệ Khải, 2017. / 107-1. CAO CAO DÁNG NÚI. Huệ Khải, 2017.  
106-1. MÔNG MẢNH TƠ TRỜI. Huệ Khải, 2017. / 105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO. Huệ Khải, 2017.  
104-1. MÔNG CẢNH CHUỐN CHUỐN. Trần Dã Sơn (thơ), 2017.  
103-1. HÀNH TRẠNG TIẾN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934. Huệ Khải, 2017.  
ĐẠO UYỂN (tập 25-36), hiệp tuyển thơ văn đạo lý, ấn tổng mỗi quý, 2018-2020.

Ghi chú: **133-1** tức là quyển 133, in lần thứ nhất.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com  
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

## TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG NĂM CANH TÝ (1960)

*Chú thích:* HUỆ KHẢI  
*Hiệu đính:* LÊ ANH MINH

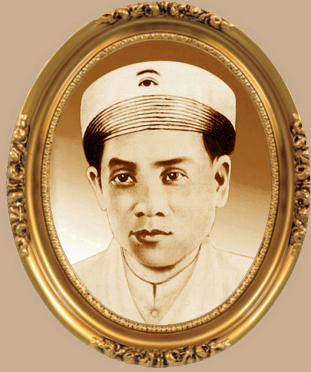
Chịu trách nhiệm xuất bản  
*Giám đốc:* BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung  
*Tổng biên tập:* LÝ BÁ TOÀN  
*Biên tập:* PHAN THỊ NGỌC MINH

*Sửa bản in:* DIÊU NGUYÊN  
*Trình bày sách & vẽ bìa 1-4:* THIỆN TÂM (MINH LƯU)  
*Hình vẽ trên bìa 1:* Ba cổ pháp trên nóc Cửu Trùng Đài  
Trung Hưng Bửu Tòa, do CÚC LƯU (*thánh tịnh Thanh Quang*) vẽ lại.

In 1.200 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA  
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.  
Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.  
Số XNĐKXB: 7-2021/CXBIPH/62-01/HĐ  
Số QĐXB của NXB: 81/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 11-01-2021.  
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.  
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-318-816-5

*Thỉnh kinh sách ấn tổng, gửi e-mail về:* daidaovanuyen@gmail.com



Thời nay chỉ tu và các hiền  
quyết tu, mọi người quyết  
tu. Ai nấy lấy chữ tu làm  
thiết yếu thì khoảnh khắc  
sẽ thấy cảnh vật tung bừng  
sống động, tươi đẹp vô  
cùng. Nếu không nghĩ đến,  
ta lo ôn nam tẩu bắc, xê  
núi lấp sông cũng là làm  
chuyện nhọc mà kết quả là  
trò cười. Vì ân điển đã thiếu  
ở cùng mình thì sức mình  
đâu còn đủ mà hoạt động.

Đức **TIẾP VĂN PHÁP QUÂN**  
Trung Hưng Bửu Tòa  
ngày 10-5 Canh Tý  
(Thứ Sáu 03-6-1960)

# 聖傳中興

庚子年



ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

TÌM HIỂU THÀNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - 1960

NXB HỒNG ĐỨC

Quyển 130/1960  
trong CHƯƠNG TRÌNH  
CHUNG TAY ẤN TỔNG  
KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ISBN: 978-604-318-816-5



Sách ấn tống. Không bán.  
Free Gift Book. Not for Sale.